



BÁO CÁO RÀ SOÁT TÁI ĐỊNH CƯ

(Bản dự thảo cuối cùng)

**DỰ ÁN: PHÁT TRIỂN CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUỐC GIA VIỆT NAM
TIÊU DỰ ÁN ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI**



Hà Nội, 2020

MỤC LỤC

PHẦN 1: GIỚI THIỆU	5
1.1. Thông tin chung về dự án.....	5
1.2. Tiểu dự án Đại học quốc gia Hà Nội	6
1.3. Sự cần thiết phải rà soát về việc thực hiện bồi thường và tái định cư của TDA.....	8
PHẦN 2: PHƯƠNG PHÁP LUẬN ĐÁNH GIÁ	9
2.1. Phương pháp luận	9
2.2. Các phương pháp thực hiện DDR	9
2.2.1. Nghiên cứu tài liệu.	9
2.2.2. Phương pháp định tính	10
2.2.3. Phương pháp định lượng	11
2.2.4. Quan sát thực địa.....	11
PHẦN 3: KẾT QUẢ KHẢO SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ	12
3.1. Nguồn gốc của đất cần thu hồi cho tiểu dự án ĐHQGHN	12
3.2. Thực hiện giải phóng mặt bằng cho tiểu dự án.....	12
3.2.1. Phạm vi tác động của tiểu dự án	13
3.2.2. Chính sách và giải pháp áp dụng cho bồi thường và hỗ trợ	13
3.2.3. Kết quả đánh giá thẩm định	16
3.3. Kế hoạch bồi thường và thanh toán	18
3.4. Thực hiện cơ chế giải quyết khiếu nại.....	20
3.5. Đánh giá mức độ hài lòng của những người bị ảnh hưởng	22
3.6. Nhóm hộ dễ bị tổn thương	24
3.7. Đánh giá mức độ phục hồi sinh kế của các hộ bị ảnh hưởng	24
PHẦN 4. CÁC VẤN ĐỀ CÒN TỒN TẠI	27
4.1. Vấn đề tồn tại	27
4.2. Biện pháp đề xuất	27
PHẦN 5. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ	29
5.1. Kết luận.....	29
5.2. Kiến nghị.....	29
PHỤ LỤC	31
Phụ lục 1: Danh sách các hộ bị ảnh hưởng của Tiểu dự án	31
Phụ lục 2: Biên bản họp thảo luận nhóm với các hộ gia đình bị ảnh hưởng	38
Phụ lục 3: Các văn bản áp dụng	46

MỤC LỤC BẢNG

Bảng 1: Số lượng cây và hoa màu bị ảnh hưởng	13
Bảng 2: Thông tin về dự án gia đình đã được cung cấp.....	17
Bảng 3: Mức độ tham gia vào hoạt động kiểm kê	18
Bảng 4: Thông tin chi tiết về bồi thường và hỗ trợ cho diện tích 37,49ha	20
Bảng 5: Đánh giá mức độ phục hồi sinh kế và ổn định cuộc sống của các hộ BAH.....	25
Bảng 6: Các biện pháp khuyến nghị	27

TỪ VIẾT TẮT

Ban quản lý dự án	Ban QLDA
Bị ảnh hưởng	BAH
Công nghiệp cao	CNC
Đại học Quốc gia Hà Nội	(ĐHQGHN)
Giải phóng mặt bằng	GPMB
Ngân hàng Thế giới	NHTG
Tái định cư	TĐC
Tiểu dự án	TDA
Ủy ban nhân dân	UBND

PHẦN 1: GIỚI THIỆU

1.1. Thông tin chung về dự án

1. Dự án đề xuất hỗ trợ ba trường đại học – Đại học Quốc gia Hà Nội (VNU-Hà Nội), Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh (VNU-HCM) và Đại học Đà Nẵng (UD) - thông qua các nguồn lực vật lý, kỹ thuật, con người và thể chế bổ sung để hướng tới trở thành trung tâm nghiên cứu và giảng dạy xuất sắc cũng như mô hình quản trị tốt và cơ chế tài chính phù hợp. Để cung cấp một khung pháp lý thuận lợi, nó cũng hỗ trợ thực hiện ban đầu các cải cách Giáo dục Đại học quốc gia để thúc đẩy quản trị hiện đại và bền vững tài chính. Điều này sẽ cho phép Chính phủ thiết kế và thực hiện tốt hơn các chính sách và chương trình để tiếp cận công bằng hơn, cải thiện chất lượng và mức độ phù hợp và tác động nghiên cứu lớn hơn trong hệ thống giáo dục đại học Việt Nam. Đơn vị thụ hưởng dự án trực tiếp là hệ thống các trường của 03 Trường nói trên bao gồm khoảng 30 trường đại học và viện nghiên cứu, phục vụ cho khoảng 147.500 sinh viên (66.000 VNU-HCM, 30.500 VNU-HN và 51.000 UD), bao gồm hơn 21.000 sinh viên sau đại học (thạc sĩ / tiến sĩ). Một cách gián tiếp, nó sẽ mang lại lợi ích cho toàn bộ hệ thống giáo dục đại học - khoảng 235 trường đại học và hơn 1,7 triệu sinh viên.

Mục tiêu phát triển của dự án

2. Mục tiêu phát triển dự án là: Nâng cao mức độ phù hợp và chất lượng của sinh viên tốt nghiệp và sản phẩm nghiên cứu của Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Quốc gia – thành phố Hồ Chí Minh và Đại học Đà Nẵng và cải thiện cơ chế quản lý và tài chính.

Các hợp phần của dự án

Hợp phần 1: Vượt trội trong nghiên cứu các lĩnh vực ưu tiên

3. Để nâng cao chất lượng, mức độ phù hợp và các tác động của nghiên cứu, ba trường đại học sẽ thực hiện các hoạt động sau:
 - (i) Tuyển dụng và bồi dưỡng các nhà nghiên cứu tài năng để phát triển các nhóm nghiên cứu mạnh. Để thực hiện được điều này cần tuyển dụng những nhân tài người Việt với kinh nghiệm nghiên cứu quốc tế thông qua các chế độ phúc lợi: lương, thưởng hấp dẫn, thiết lập một nhiệm kỳ để thưởng cho các nhà nghiên cứu tài năng nhất và đưa ra các biện pháp để giảm thiểu sinh sản. Các biện pháp sẽ được đưa ra để khuyến khích nhiều nhà khoa học nữ dẫn đầu các nhóm nghiên cứu.
 - (ii) Trang bị và/hoặc nâng cấp phòng thí nghiệm cho các nhóm nghiên cứu này để thiết lập các cơ sở hàng đầu và sử dụng cơ sở hạ tầng khoa học theo cách hiệu quả nhất trong toàn bộ trường đại học. Ba trường đại học sẽ sử dụng công nghệ xanh cho các tòa nhà mới và phòng thí nghiệm khoa học.

Hợp phần 2: Nâng cao chất lượng dạy và học

4. Để sinh viên có trình độ tốt sau khi ra trường, ba trường đại học sẽ tìm cách chuyển đổi các hoạt động ngoại khóa và sự phạm để làm cho chương trình của họ phù hợp hơn và lấy sinh viên làm trung tâm. Khi có liên quan, các trường sẽ dựa vào các công cụ công nghệ cải tiến các thực hành truyền thống và nâng cao trải

nghiệm giáo dục của học sinh (Học tập điện tử, học tập thích ứng thông qua AI, lớp học lật, v.v.). Các trường cũng sẽ cung cấp các cơ hội phát triển chuyên nghiệp cho đội ngũ giảng viên và kết hợp với việc giảng dạy tốt về dạy đánh giá và các tiêu chí thăng tiến ngang tầm với sự xuất sắc trong nghiên cứu. Nỗ lực sẽ được thực hiện để khuyến khích nhiều sinh viên nữ đăng ký vào các chương trình STEM. Cuối cùng, ba trường đại học sẽ tăng cường hệ thống đảm bảo chất lượng nội bộ của họ và tìm cách công nhận tất cả các chương trình của họ trên toàn quốc hoặc quốc tế.

Hợp phần 3: Quản trị hiệu quả và tài chính bền vững

5. Hỗ trợ thực hiện cải cách quản trị và tài chính ở cấp hệ thống quốc gia và ở cấp độ thể chế. Cải cách hệ thống quốc gia trong quản trị giáo dục đại học và tài chính sẽ tập trung vào quản trị, tự chủ và trách nhiệm, và bền vững tài chính. Tăng cường quản trị đại học và tài chính ở cấp độ tổ chức được thực hiện thông qua ba trường đại học được lựa chọn.

1.2 Tiểu dự án Đại học quốc gia Hà Nội

6. Góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học của ĐHQGHN theo định hướng phát triển đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035 thông qua việc đầu tư vào đào tạo, nghiên cứu và nâng cao năng lực quản lý cũng như cơ chế tài chính hiệu quả nhằm giúp ĐHQGHN trở thành trường đại học nghiên cứu đa ngành xuất sắc và đạt được tiêu chuẩn Quốc tế, bao gồm các lĩnh vực ưu tiên liên quan đến khoa học tự nhiên, công nghệ và phát triển bền vững.
7. Các khoản vay từ Ngân hàng sẽ được sử dụng để xây dựng các công trình thiết yếu của tiểu dự án bao gồm:
 - Xây dựng trường đại học Công nghệ;
 - Xây dựng trung tâm nghiên cứu;
 - Xây dựng các công trình thiết yếu khác (khu vực trung tâm của ĐHQGHN, hệ thống tài chính và quản lý hiện đại và bền vững);
 - Các công trình trên sẽ được xây dựng ở ba khu vực khác nhau với tổng diện tích là 37,49ha, trong đó giải phòng mặt bằng đã hoàn thành vào năm 2007 trước khi tiểu dự án được đề xuất cho Ngân hàng Thế giới.

Mục tiêu cụ thể:

- Mục tiêu 1: Góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học của ĐHQGHN, tập trung vào một số ngành, lĩnh vực mũi nhọn về khoa học tự nhiên, công nghệ và phát triển bền vững. Dự án sẽ giúp cho ĐHQGHN phát triển các chương trình đào tạo và nghiên cứu thế mạnh, truyền thống, liên ngành, có nhu cầu xã hội cao và những lĩnh vực khoa học mới ở ĐHQGHN, như nông nghiệp công nghệ cao; hàng không vũ trụ; kỹ thuật năng lượng, năng lượng tái tạo; khoa học sức khỏe và y học chính xác.
- Mục tiêu 2: Xây dựng và phát triển thành công 01 trung tâm nghiên cứu xuất sắc (COE) của ĐHQGHN, là nền tảng cho mô hình đại học đổi mới sáng tạo trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0, góp phần phát triển kinh tế, xã hội đất nước.

- Mục tiêu 3: Thành lập công viên khoa học kết hợp với hệ thống đổi mới Quốc gia, kết nối cung, cầu khoa học công nghệ tại Hòa Lạc, thu hút nguồn vốn đầu tư từ các doanh nghiệp địa phương/hợp tác quốc tế để chuyển giao các sản phẩm khoa học và công nghệ quan trọng của ĐHQGHN theo hướng xã hội hóa, trở thành gương sáng trên mô hình khởi nghiệp từ một trường đại học tại Việt Nam;
- Mục tiêu 4: Góp phần hình thành khu Trung tâm Điều hành ĐHQGHN hiện đại và hệ thống quản trị, cơ chế tài chính đại học tiên tiến, hiệu quả tương xứng với cơ sở vật chất hiện đại được xây dựng mới tại khu vực Hòa Lạc.

Phạm vi đầu tư của dự án

a. Hợp phần 1: Xây dựng trường đại học Công nghệ

- Tổng diện tích quy hoạch xây dựng: 8ha;
- Ranh giới: Phía Đông giáp với số 1; Phía Tây giáp với mương số 3; Phía Bắc giáp đường số 4 và phía Nam giáp với đường ranh;
- Tổng diện tích xây dựng: 36.830m²;
- Các công trình thiết yếu gồm:
 - o Tòa nhà thí nghiệm và nghiên cứu: 14.830m²;
 - o Tòa nhà hoạt động của trường, giảng đường, phòng thực hành/thí nghiệm (phòng thực hành, khu vực xưởng): 22.000m²
 - o Cơ sở hạ tầng nội bộ cho các công trình thiết yếu
- Khối lượng dự kiến sẽ có trong tổng quy mô của dự án.

b. Hợp phần 2: Xây dựng khu Trung tâm ĐHQGHH

- Tổng diện tích quy hoạch xây dựng: 22,89ha;
- Ranh giới: Phía Đông giáp với đường 11; Phía Tây giáp với Ký túc xá 5; Phía Bắc giáp với đường số 3 và phía Nam cách đường Láng – Hòa Bình khoảng 150m.
- Tổng diện tích sàn xây dựng: 110.000m²;
- Các công trình thiết yếu gồm:
 - o Hệ thống giảng đường, phòng thí nghiệm tổng hợp (khoảng 110.000m² sàn);
 - o Cơ sở hạ tầng nội bộ để vận hành công trình;
 - o Đầu tư trang thiết bị cho phòng thí nghiệm.

c. Xây dựng các công trình thiết yếu khác (cơ sở hạ tầng kỹ thuật; Khu vực trung tâm của ĐHQGHN, hệ thống quản lý và tài chính hiện đại và bền vững)

Cơ sở hạ tầng kỹ thuật:

- Nhà máy xử lý nước thải: (công trình hạ tầng cấp III) dành riêng cho ký túc xá 5.

Khu vực Trung tâm ĐHQGHN

- Tổng diện tích xây dựng 24.000m²;
- Các công trình thiết yếu:

- Xây dựng trung tâm điều hành của ĐHQGHH và tòa nhà thư viện trung tâm (khoảng 24.000m² sàn);
- Cơ sở hạ tầng nội bộ;
- Cải thiện hệ thống quản lý tài chính;
- Khối lượng dự kiến sẽ có tổng quy mô dự án

1.3. Sự cần thiết phải rà soát về việc thực hiện bồi thường và tái định cư của TDA

8. Tổng diện tích quy hoạch của Đại học Quốc gia Hà Nội (ĐHQGHN) là khoảng 1.113,7 ha, trong đó diện tích đất dự kiến cho TDA sẽ sử dụng vốn vay của Ngân hàng Thế giới (NHTG) là 37,49 ha tại các khu vực Zone 1,3 và 4. Đây là các khu vực đã được giải phóng mặt bằng từ 2003 đến 2007.
9. Theo yêu cầu của NHTG, cần tiến hành rà soát thẩm định (DDR) để đánh giá xem các mục tiêu chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư được nêu trong Luật Đất đai của Việt Nam đã đạt được chưa. DDR được thực hiện cho 37,49 ha đất ĐHQGHH dưới dạng khảo sát mẫu. DDR tập trung vào:
 - Rà soát, đánh giá tính tuân thủ chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đã được chính phủ phê duyệt cho Trường Đại học quốc gia Hà Nội;
 - Đánh giá xem liệu sinh kế và cuộc sống của những người bị ảnh hưởng đã được khôi phục, ổn định và cải thiện hay chưa;
 - Xác định các vấn đề còn tồn tại nếu có;
 - Đề xuất các biện pháp để giải quyết các vấn đề còn tồn tại (nếu cần);
 - Lập báo cáo đánh giá trình NHTG.

PHẦN 2: PHƯƠNG PHÁP LUẬN ĐÁNH GIÁ

2.1. Phương pháp luận

10. Tư vấn đã kết hợp các phương pháp định tính (phỏng vấn sâu, thảo luận nhóm) và định lượng (khảo sát bằng bảng hỏi) để rà soát và đánh giá việc thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của tiểu dự án. Đại diện của các đơn vị liên quan đến công tác giải phóng mặt bằng như Ban QLDA trường ĐHQG HN, Hội đồng bồi thường huyện Thạch Thất, UBND các xã dự án, các tổ chức đoàn thể ở địa phương và một số người bị ảnh hưởng phải tái định cư đã được phỏng vấn và tham gia thảo luận nhóm. Một số lượng hộ BAH đã được chọn ngẫu nhiên để khảo sát thông qua phỏng vấn bảng hỏi. Ngoài ra, nghiên cứu các tài liệu liên quan cũng đã được thực hiện để tìm hiểu việc thực hiện bồi thường, hỗ trợ và TĐC.

2.2 Các phương pháp thực hiện DDR

2.2.1. Nghiên cứu tài liệu.

11. Tư vấn đã thu thập và nghiên cứu toàn bộ tài liệu, hồ sơ, văn bản liên quan đến công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư được lưu trữ tại Hội đồng Bồi thường, hỗ trợ tái định cư, văn phòng UBND xã và Ban QLDA của trường ĐHQGHN để nghiên cứu.

12. Chính sách đền bù, hỗ trợ và tái định cư cho diện tích đất thuộc tiểu dự án áp dụng Luật đất đai năm 2003. Công tác giải phóng mặt bằng hoàn tất vào năm 2007. Tuy nhiên, để đảm bảo rằng việc triển khai tiểu dự án sẽ không có bất kỳ tác động tiêu cực đáng kể nào đối với các tiểu dự án khác của dự án tổng thể, tư vấn đã thực hiện rà soát toàn bộ các tài liệu cơ bản của dự án bao gồm: các tài liệu liên quan đến dự án tổng thể, các văn bản quy hoạch và chuyển giao và các văn bản về đền bù, hỗ trợ và tái định cư của dự án giai đoạn trước và sau 2008. Cụ thể như sau:

13. Các văn bản liên quan đến quy hoạch và chuyển giao nông trường 1A cũ:

- Biên bản bàn giao đất hộ gia đình (bản mẫu)
- Quy chế giao khoán hộ gia đình của Nông trường Quân đội 1A
- Nghị định 01/CP ngày 04/01/1995 của Chính phủ ban hành quy định về việc giao khoán đất sử dụng vào mục đích sản xuất Nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản trong các doanh nghiệp nhà nước
- Quyết định 659/TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 16/10/1995, về việc chuyển giao NT1A thuộc Bộ Quốc phòng cho ĐHQGHN quản lý để quy hoạch xây dựng ĐHQGHN và Trung tâm Viện Công nghệ châu Á.
- Nghị định của Chính phủ số 41/2002/NĐ-CP ngày 11/4/2002 về chính sách đối với lao động dôi dư sắp xếp lại doanh nghiệp nhà nước
- Thông báo 880/TCCB của trường Đại học Quốc gia, ngày 10/10/2003 về việc giải thể Nông trường 1A ĐHQGHN
- Văn bản số 10885/TC-TCDN của Bộ tài chính ngày 27/9/2004 về phương án giải thể NT1A
- Quyết định 512/QĐ-TCCB của Giám đốc ĐHQGHN, ngày 16/3/2015 về việc phê duyệt phương án giải thể Nông trường 1A

14. Các văn bản về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư bao gồm:

- Quyết định số 488/QĐ/UB, của UBND tỉnh Hà Tây ngày 05/5/2005, phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để thực hiện xây dựng ĐHQGHN thuộc địa bàn huyện Thạch Thất;
- Quyết định 1481/QĐ-UBND của UBND tỉnh Hà Tây ngày 19/10/2005, về việc phê duyệt dự toán kinh phí bồi thường, hỗ trợ GPMB lô 1,2,3 dự án xây dựng ĐHQGHN tại Hòa Lạc, huyện Thạch Thất, tỉnh Hà Tây;
- Quyết định 478/QĐ-UBND của UBND tỉnh Hà Tây ngày 27/03/2006, về việc phê duyệt dự toán kinh phí bồi thường, hỗ trợ GPMB lô 4,5,6,16,17 dự án xây dựng ĐHQGHN tại Hòa Lạc, huyện Thạch Thất, tỉnh Hà Tây;
- Quyết định số 558/QĐ-UBND, của UBND tỉnh Hà Tây ngày 04/4/2007 về việc phê duyệt dự toán kinh phí bồi thường, hỗ trợ GPMB lô 4,5,6,16,17 (đợt 2) dự án xây dựng ĐHQGHN tại Hòa Lạc, huyện Thạch Thất, tỉnh Hà Tây;
- Quyết định số 1913/QĐ-UBND của UBND tỉnh Hà Tây ngày 19/10/2007 về việc phê duyệt dự toán kinh phí bồi thường, hỗ trợ GPMB lô 4,5,6,16,17 (đợt 3) dự án xây dựng ĐHQGHN tại Hòa Lạc, huyện Thạch Thất, tỉnh Hà Tây
- Quyết định 1539/QĐ-UBND của UBND tỉnh Hà Tây ngày 06/6/2008 về việc phê duyệt phương án tái định cư để GPMB các Dự án; Xây dựng ĐHQGHN; TĐC ĐHQGHN; Thu hồi đất của ĐHQGHN giao Trường SQLQ1, trên địa bàn xã Thạch Hòa, huyện Thạch Thất, Hà Nội.
- Quyết định số 975-QĐ/UB, của UBND tỉnh Hà Tây ngày 15/7/2003 về việc thu hồi 8.606.641 m² đất do NT1A (cũ) quản lý, sử dụng thuộc địa bàn xã Thạch Hòa, huyện Thạch Thất, giao ĐHQGHN quản lý để thực hiện Dự án xây dựng ĐHQGHN.

2.2.2. Phương pháp định tính

15. Với phương pháp định tính, Tư vấn đã sử dụng kỹ thuật phỏng vấn sâu và thảo luận nhóm tập trung với các đối tượng khác nhau cho các mục tiêu thu thập thông tin khác nhau.

16. Phương pháp phỏng vấn sâu đã được sử dụng để thu thập thông tin từ Ban quản lý dự án, Hội đồng bồi thường huyện, đại diện chính quyền ở cấp thôn / xã / huyện và người bị ảnh hưởng nhằm thu thập ý kiến của họ về việc thực hiện bồi thường, hỗ trợ, và TĐC của dự án. Theo đó, tư vấn đã thực hiện 07 cuộc phỏng vấn sâu với đại diện của các tổ chức sau:

- Trung tâm Phát triển ĐHQGHN tại Hòa Lạc;
- Ban Quản lý Dự án Đầu tư xây dựng ĐHQGHN tại Hòa Lạc;
- Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Thạch Thất;
- Đại diện UBND xã Thạch Hòa;
- 02 hộ bị ảnh hưởng (AH) dễ bị tổn thương.

17. Phương pháp thảo luận nhóm – một phương pháp tốt để phát hiện và khai thác các đầu mối thông tin, cũng như là nguồn thông tin ý nghĩa cho các phân tích liên quan. Tư vấn đã chuẩn bị một bản hướng dẫn cho Thảo luận nhóm và hướng dẫn

này được sử dụng để đảm bảo thông tin khai thác tập trung, đúng hướng và hiệu quả về thời gian. Ban đầu, Tư vấn dự kiến sẽ có 04 cuộc thảo luận nhóm như sau:

- Đối tượng 1: đại diện chính quyền địa phương (đại diện PMU, trung tâm phát triển quỹ đất huyện Thạch Thất, cơ quan chính quyền địa phương)
- Đối tượng 2: địa diện các hộ gia đình bị ảnh hưởng nghiêm trọng đất sản xuất nhưng không phải di dời;
- Đối tượng 3: đại diện các nhóm dễ bị tổn thương

2.2.3. Phương pháp định lượng

18. Mục đích của phương pháp này là thu thập thông tin định lượng bằng cách sử dụng bảng câu hỏi chuẩn bị về việc thực hiện bồi thường và tái định cư xem xét việc bồi thường và tái định cư có tuân thủ chính sách của chính phủ hay không và cuộc sống và sinh kế của người dân bị ảnh hưởng đã được khôi phục, cho dù các vấn đề hiện tại đã được khắc phục hay chưa. Đồng thời, cuộc khảo sát sẽ giúp đánh giá sự hài lòng của những người bị ảnh hưởng với chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của dự án.

19. Khảo sát được thực hiện với tổng số hộ 50 hộ gia đình trong đó có 5 hộ gia đình thuộc nhóm dễ bị tổn thương và 45 hộ bị ảnh hưởng. Trên thực tế, việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đã được hoàn thành vào năm 2007, nhiều hộ gia đình không còn sống trong khu vực tiểu dự án, vì vậy không dễ để tìm thấy địa chỉ cư trú hiện tại của họ.

2.2.4. Quan sát thực địa

20. Phương pháp này được áp dụng nhằm thu thập thông tin bằng cách quan sát những gì đang xảy ra trên thực tế, giúp bổ sung dữ liệu được thu thập thông qua các phương pháp khảo sát định tính và định lượng đã đề cập, và có thể giúp giải thích kết quả khảo sát.

21. Tư vấn đã đi thăm toàn bộ các khu vực 1, 3 và 4; thăm khu tái định cư và kết hợp thăm các hộ gia đình bị ảnh hưởng.

PHẦN 3: KẾT QUẢ KHẢO SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ

3.1. Nguồn gốc của đất cần thu hồi cho tiểu dự án ĐHQGHN

22. Phần lớn đất triển khai Dự án ĐHQGHN tại Hòa Lạc trước đây là đất tổ chức, do Nông trường 1A - Tổng cục Hậu cần, Bộ Quốc phòng quản lý. Khi Nông trường không khai thác hết quỹ đất, đã thực hiện giao khoán đất cho các hộ công nhân Nông trường theo nhu cầu của các hộ gia đình. Căn cứ giao khoán là theo quy chế giao khoán hộ gia đình được ban hành nội bộ của Nông trường Quân đội năm 1993.
23. Năm 1995, theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ số 659/TTG ngày 16/10/1995, toàn bộ đất Nông trường 1A bao gồm công nhân, cán bộ và đất đai đã được chuyển về thành phố Hà Nội để quản lý và sử dụng. Nói cách khác, trang trại 1A trở thành đơn vị trực thuộc thành phố Hà Nội. Diện tích đất nông nghiệp được chuyển thành đất phi nông nghiệp để xây dựng khuôn viên và cơ sở vật chất của ĐHQGHN. Nhằm triển khai dự án xây dựng Đại học Quốc gia đã có công văn số 620/TCCB ngày 14/10/2004 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội về phương án giải thể của Nông trường 1A gửi cho Bộ Lao động Thương binh và Xã hội. Bộ Lao động Thương binh và Xã hội đã có công văn số 3761/LĐTBXH-LĐVL, ngày 03 tháng 11 năm 2004 gửi ĐHQGHN về việc đồng ý phương án giải thể và làm rõ một số nội dung liên quan.
24. Năm 2006, Đại học Quốc gia Hà Nội đã tiến hành giải thể Nông trường 1A theo hướng dẫn của nghị định số 41/2002/NĐ-CP ngày 11 tháng 4 năm 2002 về chính sách đối với lao động dôi dư do sắp xếp lại doanh nghiệp nhà nước. Theo kế hoạch giải thể công nhân và nhân viên của nông trường 1A đủ điều kiện theo tiêu chí của ĐHQGHN về trình độ học vấn và độ tuổi lao động sẽ được tuyển dụng làm công nhân và nhân viên cho ĐHQGHN, những người không đáp ứng tuyển dụng của trường đại học các yêu cầu sẽ nghỉ hưu và nhận lương hưu theo quy định của Chính phủ.
25. Các phần tiếp theo sẽ trình bày các phát hiện của DDR tập trung vào thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và phục hồi sinh kế và các vấn đề đang chờ xử lý (nếu có) với các biện pháp được đề xuất cho 37,49 ha sẽ được đầu tư bởi nguồn vốn WB.

3.2. Thực hiện giải phóng mặt bằng cho tiểu dự án

26. Việc thực hiện giải phóng mặt bằng cho tiểu dự án ĐHQGHN đã được thực hiện bởi Hội đồng bồi thường tái định cư của huyện Thạch Thất từ năm 2003, trong đó giải phóng mặt bằng 37,49ha tại khu 1, 3 và 4 được đầu tư bằng khoản vay ODA từ NGHT đã được hoàn thành từ năm 2007. Tất cả các hộ gia đình bị ảnh hưởng đã bàn giao đất cho tiểu dự án VNU-HN sau khi nhận được bồi thường và hỗ trợ. Tuy nhiên, do tiểu dự án chưa được triển khai do thiếu ngân sách, nên VNU-HN cho phép các hộ gia đình bị ảnh hưởng tiếp tục canh tác trên đất bị thu hồi theo mong muốn của họ cho đến khi thực hiện tiểu dự án. Ban quản lý dự án sẽ thông báo cho các hộ gia đình này 6 tháng trước khi họ hoàn thành việc canh tác và có đủ thời gian để thu hoạch hoa màu.

3.2.1. Phạm vi tác động của tiểu dự án

27. 37,49ha diện tích đất bị thu hồi được sử dụng của 144 hộ gia đình (khoảng 400 người). Hầu hết các tài sản bị ảnh hưởng là hoa màu và cây cối. Không có nhà bị ảnh hưởng vì đây là đất nông nghiệp. Vào thời điểm bồi thường được thực hiện, số cây ăn quả và cây chè bị ảnh hưởng trên đất bị thu hồi là:

Bảng 1: Số lượng cây và hoa màu bị ảnh hưởng

TT	Loại cây và hoa màu	Khu 1 (Đại học Công nghệ)	Khu 4 (Viện và Trung tâm nghiên cứu)	Khu 3 (Khu vực trung tâm của ĐHQGHN)
1	Cây ăn quả (nhãn, vải thiều, xoài, bầu) cây công nghiệp (keo, bạch đàn)	26	45,503	51,863
2	Cây chè (m ²)	0	28,000	2,299

(Nguồn: Kết quả DMS năm 2003 – 2007)

3.2.2. Chính sách và giải pháp áp dụng cho bồi thường và hỗ trợ

28. Ngay sau khi tiếp nhận nguyên trạng Nông trường 1A, Đại học Quốc gia đã phối hợp với các cơ quan có liên quan triển khai các thủ tục cần thiết để thanh lý 2458 Hợp đồng giao khoán thông qua triển khai giải thể nông trường, bố trí lao động dôi dư và thực hiện giải phóng mặt bằng, tái định cư của tiểu dự án được thực hiện bởi sự phối hợp giữa chính quyền địa phương và Đại học Quốc gia.

3.2.2.1. Giải pháp cho các hợp đồng kinh tế

29. Các hợp đồng kinh tế được đưa vào quy hoạch xây dựng ĐHQGHN và trong cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định thu hồi đất, việc thanh lý hợp đồng kinh tế gắn liền với quá trình kiểm kê, giải phóng mặt bằng và bồi thường ĐHQGHN;

30. Hợp đồng kinh tế trên thực tế là chứng từ giao đất cho hộ gia đình/cá nhân quản lý và sử dụng theo Nghị định số 01/1995/NĐ-CP ngày 04/01/1995 của Chính phủ ban hành quy định về giao đất của nhà nước cho doanh nghiệp nhà nước sản xuất nông nghiệp. 144 hợp đồng kinh tế đã được thực hiện và ký kết cho diện tích 37,49ha. Để thanh lý các hợp đồng này, Hội đồng bồi thường, hỗ trợ tái định cư huyện Thạch Thất chịu trách nhiệm đánh giá các hợp đồng giá trị và thanh toán sau quá trình thanh lý.

31. Số tiền thanh lý hợp đồng sẽ được trả cho những người được giao đất và đầu tư hợp pháp vào đất cũng như được trả cho Nông trường 1A;

3.2.2.2. Giải pháp sắp xếp lao động

32. Tại thời điểm dừng sản xuất kinh doanh, Nông trường, có 609 lao động là lao động thường xuyên của nông trường. Trên cơ sở phân loại và giải quyết chính sách cho từng nhóm đối tượng trên cơ sở năng lực, bằng cấp, tuổi, giới, điều kiện sức khỏe và nhu cầu cá nhân người lao động, Đại học Quốc gia đã bố trí việc làm hoặc chế độ cho người lao động như sau:
- Chuyên lao động sang đơn vị khác: 12 người
 - Lao động nghỉ hưu trước tuổi: 6 người
 - Lao động nghỉ việc theo chế độ trợ cấp mất việc: 553 người
33. Bên cạnh đó, những hộ dân bị ảnh hưởng trong tiểu dự án cũng được tham gia các hoạt động đào tạo nghề, chuyển đổi nghề cho lao động dôi dư của dự án. Nguồn nhân lực này cũng được ưu tiên tham gia trực tiếp quá trình xây dựng Đại học Quốc gia Hà Nội tại Hòa Lạc. Trong 144 hộ gia đình tại tiểu dự án, có khoảng 20 lao động đã tham gia vào quá trình xây dựng trường cho các công tác dọn dẹp, thợ xây, cung cấp vật liệu xây dựng, nấu ăn, bảo vệ công trình v.v.
34. Liên quan đến bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của tiểu dự án, trong thời gian từ năm 2003 đến năm 2007, UBND tỉnh Hà Tây đã ban hành nhiều quyết định liên quan đến đền bù, hỗ trợ và tái định cư của dự án tổng thể, trong đó có 07 quyết định liên quan đến các khu đất thuộc tiểu dự án như sau:
- Quyết định số 975/QĐ/UB, của UBND tỉnh Hà Tây ngày 15/7/2003 về việc thu hồi 8.606.641 m² đất do NT1A (cũ) quản lý, sử dụng thuộc địa bàn xã Thạch Hòa, huyện Thạch Thất, giao ĐHQGHN quản lý để thực hiện Dự án xây dựng ĐHQGHN
 - Quyết định số 488-QĐ/UB, của UBND tỉnh Hà Tây ngày 05/5/2005, phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để thực hiện xây dựng ĐHQGHN thuộc địa bàn huyện Thạch Thất
 - Quyết định 1481/QĐ-UBND của UBND tỉnh Hà Tây ngày 19/10/2005, về việc phê duyệt dự toán kinh phí bồi thường, hỗ trợ GPMB lô 1,2,3 dự án xây dựng ĐHQGHN tại Hòa Lạc, huyện Thạch Thất, tỉnh Hà Tây
 - Quyết định 478/QĐ-UBND của UBND tỉnh Hà Tây ngày 27/03/2006, về việc phê duyệt dự toán kinh phí bồi thường, hỗ trợ GPMB lô 4,5,6,16,17 dự án xây dựng ĐHQGHN tại Hòa Lạc, huyện Thạch Thất, tỉnh Hà Tây
 - Quyết định số 558/QĐ-UBND, của UBND tỉnh Hà Tây ngày 04/4/2007 về việc phê duyệt dự toán kinh phí bồi thường, hỗ trợ GPMB lô 4,5,6,16,17 (đợt 2) dự án xây dựng ĐHQGHN tại Hòa Lạc, huyện Thạch Thất, tỉnh Hà Tây
 - Quyết định số 1913/QĐ-UBND của UBND tỉnh Hà Tây ngày 19/10/2007 về việc phê duyệt dự toán kinh phí bồi thường, hỗ trợ GPMB lô 4,5,6,16,17 (đợt 3) dự án xây dựng ĐHQGHN tại Hòa Lạc, huyện Thạch Thất, tỉnh Hà Tây.
35. Căn cứ Luật đất đai 2003 và Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất. Khi hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất của nhà nước, các doanh nghiệp được thành lập dưới hình thức hợp đồng giao đất cho các mục đích nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản (không bao gồm sử dụng rừng phòng hộ) sẽ chỉ được bồi thường cho các chi phí còn lại mà họ đã đầu tư vào đất (không phải bồi thường

cho đất) và hỗ trợ. Theo đó, các chính sách hỗ trợ của tiểu dự án sẽ được áp dụng như sau:

3.2.2.3. Chính sách hỗ trợ đất nông nghiệp

36. Mức hỗ trợ cho đất nông nghiệp được tính dựa trên chi phí đầu tư vào đất đai theo Quyết định của UBND tỉnh Hà Tây (cũ) số 156/2006/QĐ-UBND ngày 22/02/2005. Theo đó, mức chi phí sẽ liên quan đến thời gian sử dụng đất. Chi tiết như sau:

37. Các trường hợp sử dụng đất trước thời điểm ban hành Quyết định số 60/TCCB ngày 01/02/1996 của Đại học Quốc gia Hà Nội về việc tiếp nhận Nông trường 1A về Đại học Quốc gia Hà Nội thì thực hiện theo quyết định số 156/2005/QĐ-UB ngày 22/02/2005 của UBND tỉnh Hà Tây thì các diện tích đất nông nghiệp được giao khoán sẽ không được bồi thường về đất, nhưng được bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại (10% giá đất theo quy định của cùng vùng, cùng loại và hạng đất) và ngoài ra còn được hỗ trợ theo quy định như sau:

- Hộ gia đình, cá nhân là cán bộ nhân viên của Nông trường 1A đang làm việc hay đã nghỉ hưu, nghỉ mất sức lao động, thôi việc được hưởng trợ cấp, đang trực tiếp sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp và hộ gia đình, cá nhân nhận khoán đang sản xuất nông nghiệp và có nguồn sống chủ yếu từ sản xuất nông nghiệp, mức hỗ trợ bằng tiền tính bằng 20% giá đất quy định cùng loại đất, hạng đất; diện tích tính hỗ trợ theo diện tích thực tế sử dụng nhưng không vượt quá 5000m²/hộ.
- Các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân nhận khoán không thuộc đối tượng trên thì chỉ được bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại, mức chi phí đầu tư vào đất còn lại tính bằng 10% giá đất quy định cùng vùng, cùng loại, cùng hạng đất;
- Đối với đất công của Nông trường, khi Nhà nước thu hồi đất, không được bồi thường về đất, nhưng giá trị đầu tư còn lại vào đất sẽ được bồi thường; giá trị đầu tư còn lại bằng 10% giá đất quy định;

38. Các trường hợp sử dụng đất từ thời điểm ban hành Quyết định số 60/TCCB ngày 01/02/1996 của Đại học Quốc gia Hà Nội về việc tiếp nhận Nông trường 1A về Đại học Quốc gia Hà Nội đến trước thời điểm ban hành Quyết định số 975/QĐ-UB ngày 15/7/2003 và Quyết định số 874/QĐ-UB ngày 26/8/2004 của UBND tỉnh Hà Tây:

- Hộ gia đình, cá nhân được giao đất trồng cây lâu năm, cây hằng năm, cây lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản thì được hỗ trợ bằng 80% mức hỗ trợ đất sản xuất nông nghiệp sử dụng trước ngày 01/02/1996 theo nguyên tắc trên, nếu khoản đầu tư vào đất không có nguồn gốc từ ngân sách Nhà nước.

3.2.1.3. Nhà cửa, vật kiến trúc

- Công trình kiến trúc trên đất nông nghiệp không được bồi thường nhưng được hỗ trợ tương ứng 80% giá trị bồi thường do UBND tỉnh quy định.

3.2.1.4. Cây cối, hoa màu

- Cây trồng hiện có trên đất, tính đến ngày UBND tỉnh Hà Tây ban hành quyết định thu hồi đất (Quyết định 975/QĐ-UB ngày 15/7/2003) và Quyết định 874/QĐ-UB ngày 26/8/2004 được bồi thường 100% theo quy định của tỉnh.
- Cây trồng trên đất hộ khai hoang phục hóa, được tính bồi thường, hỗ trợ theo mức giá quy định của UBND tỉnh Hà Tây.

3.2.1.5. Hỗ trợ khác

- Đối với cán bộ nhân viên thuộc nông trường 1 A có nguồn sống chủ yếu là từ canh tác nông nghiệp, mức hỗ trợ là 2000đ/m², tối đa không quá 2.200.000 đồng/hộ;
- Đối với cán bộ công nhân viên thuộc nông trường 1A còn trong độ tuổi lao động nhưng không được tiếp nhận vào làm việc tại Đại học Quốc gia Hà Nội, được hỗ trợ đào tạo chuyển đổi việc làm, mức hỗ trợ là 10.000đ/m²; tối đa không quá 20.000.000đ/hộ.
- Hỗ trợ bàn giao mặt bằng đúng tiến độ là 3000đ/m²; tối đa không quá 3.000.000đ/hộ.
- Hỗ trợ công san lấp cải tạo đất: 1.000đ/m².

3.2.3. Kết quả đánh giá thẩm định

3.2.3.1. Nghiên cứu tài liệu

39. Theo đánh giá tài liệu, 100% đất nông nghiệp bị ảnh hưởng và cây trồng / hoa màu bị ảnh hưởng trên đất đã được thu hồi. Không có nhà ở hoặc đất thổ cư bị ảnh hưởng trong khu vực tiểu dự án.
40. Trong thời gian thi hành luật đất đai 2003, trình tự thủ tục thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia, công cộng và phát triển kinh tế có nhiều thay đổi ban hành theo các nghị định hướng dẫn: Nghị định 181/2004/NĐ-CP về thi hành luật đất đai; Nghị định 84/2007/NĐ-CP quy định bổ sung về cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thu hồi đất, trình tự thủ tục bồi thường hỗ trợ và tái định cư; Nghị định 69/2009/NĐ-CP quy định bổ sung về quy hoạch sử dụng đất, giá đất, thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.
41. Qua tham vấn cán bộ Trung tâm quỹ đất và đối chiếu hồ sơ lưu cho thấy: Trình tự thu hồi khu đất 37.49ha đã tuân thủ nghị định 181/2004/NĐ-CP, có hiệu lực 16/11/2004 đến 31/12/2007. Việc áp dụng hướng dẫn này là hoàn toàn tuân thủ quy định của Chính phủ Việt Nam tại thời kì đó.
42. Trình tự đã thực hiện qua 05 bước như sau:
 - Bước 1. Chuẩn bị hồ sơ địa chính cho khu đất bị thu hồi: Căn cứ quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã phê duyệt, UBND huyện đã giao Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất làm trích lục bản đồ địa chính hoặc trích đo địa chính khu đất thu hồi và trích sao hồ sơ địa chính.
 - Bước 2. Lập, thẩm định và xét duyệt phương án tổng thể bồi thường, giải phóng mặt bằng: Hội đồng bồi thường huyện Thạch Thất đã giúp UBND huyện lập phương án tổng thể và trình UBND tỉnh.

- Bước 3. Thông báo về việc thu hồi đất. UBND cấp huyện Thạc Thất thông báo thu hồi đất đảm bảo quy định của Luật là: ít nhất 90 ngày đối với đất nông nghiệp và 180 ngày đối với đất phi nông nghiệp.
- Bước 4. Quyết định thu hồi đất: Trước khi hết hạn thông báo ít nhất là 20 ngày, UBND huyện phương án bồi thường, giải phóng mặt bằng, Sở tài nguyên môi trường trình quyết định thu hồi đất để UBND cấp tỉnh phê duyệt.
- Bước 5. Thực hiện bồi thường, giải phóng mặt bằng

3.2.2.2. Phổ biến thông tin

43. 100% các hộ thuộc diện khảo sát cho biết hộ gia đình có nhận được thông tin về dự án tại thời điểm chuẩn bị kiểm đếm và nhận hỗ trợ. Thông tin các hộ gia đình nhận được được ghi nhận tại bảng dưới đây:

Bảng 2: Thông tin về dự án gia đình đã được cung cấp

Các thông tin cơ bản về dự án	Tỷ lệ phản hồi nhận được thông tin
Mục đích thu hồi đất	95%
Phương án đền bù	95%
Ngày thu hồi	90%
Giá cả đền bù	100%
Khu tái định cư	100%
Cơ chế giải quyết khiếu nại	87%

44. Các kênh thông tin Dự án đã sử dụng để truyền thông tin đến cho người dân bao gồm tờ rơi (62%), họp dân (100%), loa truyền thanh (60%), cán bộ chính quyền địa phương (100%). Đây là các kênh thông tin chính mà người dân còn nhớ. Với các kênh thông tin này, đã giúp cho đa số các hộ gia đình hiểu rõ được chính sách và quyền lợi mà gia đình được hưởng. Một số ít gia đình nói, tại thời điểm đó không hiểu rõ nên có gửi thư khiếu nại, nhưng sau đó đã được chính quyền giải đáp ổn thỏa.

3.2.2.3. Kiểm kê tài sản và phương án giải phóng mặt bằng

45. 100% hộ gia đình được khảo sát nói rằng họ đã tham gia vào quá trình kiểm kê tổn thất và ký vào biên bản kiểm kê. Kết quả khảo sát được trình bày trong bảng sau.

Bảng 3: Mức độ tham gia vào hoạt động kiểm kê

Mức độ tham gia vào hoạt động kiểm kê	Được tham gia	Không/không nhớ
Được thông báo về thời gian kiểm kê tài sản	100%	-
Được tham gia vào việc kiểm kê và kiểm đếm chi tiết tài sản	100%	-
Tài sản không được kiểm kê hay bị bỏ sót	2%	-
Kết quả đo đạc đất/nhà chính xác	100%	-
Xem xét và ký vào biên bản kiểm kê	100%	-
Lưu lại 1 bản sao biên bản kiểm kê	94%	6%

46. Như vậy, có thể thấy sự tham gia của các hộ gia đình trong hoạt động kiểm đếm tài sản thu hồi rất đầy đủ. Điều này đảm bảo tính đồng thuận cao của các hộ bị ảnh hưởng đối với dự án.

47. Chỉ có 01 hộ phản hồi trong quá trình kiểm kê, tài sản của gia đình bị bỏ sót và họ phải làm đơn kiến nghị, sau đó, tài sản được bổ sung. Tài sản bổ sung là cây ăn quả và đoạn ống dẫn nước tưới nước cho vườn chè.

48. Các hộ gia đình bị ảnh hưởng được tham gia thảo luận về các phương án bồi thường và phương án bồi thường đều được công khai tại UBND xã và nhà văn hóa thôn. Các khoản bồi thường hỗ trợ cho các hộ gia đình phần lớn được thực hiện vào năm 2003, một số hộ vào năm 2005-2007. Các khoản hỗ trợ đầy đủ theo chính sách đã công bố. Các gia đình cơ bản đã bàn giao mặt bằng cho dự án, một số gia đình ở gần khu vực đã giải phóng hiện vẫn có hoạt động thu hoạch trái cây, rau trên đất vì vẫn có giá trị khai thác.

3.3. Kế hoạch bồi thường và thanh toán

49. Quá trình lập phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư:

- Ngày 01/02/1996, Đại học Quốc gia có Quyết định số 60/TCCB về việc tiếp nhận Nông trường 1A.
- Ngày 7/10/2003, Thủ tướng Chính phủ ban hành công văn số 1363/CP-NN về việc giải thể nông trường 1A Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Ngày 10/10/2003 Đại học Quốc gia phát hành thông báo số 880/TCCB về việc giải thể nông trường 1A Đại học Quốc gia Hà Nội;
- Căn cứ theo quy hoạch đã được duyệt, UBND huyện Thạch Thất đã thành lập Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để triển khai các công việc.

- Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đã giúp UBND huyện Thạch Thất lập và tổ chức phương án bồi thường, hỗ trợ và bố trí tái định cư. Đối với diện tích 37.49ha của dự án, việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư được thực hiện theo Quyết định 488/QĐ/UB ngày 5/5/2005 về việc phê duyệt phương án giá bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án xây dựng Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư chịu trách nhiệm về tính chính xác, hợp lý của số liệu kiểm kê, tính pháp lý của đất đai, tài sản được bồi thường, hỗ trợ hoặc không được bồi thường, hỗ trợ trong phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.
- Quá trình lập phương án bồi thường được thực hiện qua các bước khảo sát, kiểm đếm tài sản, định giá và lấy ý kiến của người bị ảnh hưởng. Các cơ quan phối hợp bao gồm chính quyền địa phương, chủ đầu tư và các hộ dân bị ảnh hưởng.
- Hội đồng bồi thường, thông qua các đại diện của những người bị thu hồi, đất lắng nghe và phản ánh nguyện vọng của người bị thu hồi đất, người phải di chuyển chỗ ở; vận động những người bị thu hồi đất thực hiện di chuyển, giải phóng mặt bằng đúng tiến độ và tích hợp trong phương án bồi thường, hỗ trợ và bố trí tái định cư.
- Hội đồng làm việc theo nguyên tắc tập thể và quyết định theo đa số. Đây là quy định của Luật đất đai 2003.
- Sau khi lập phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, phương án đã được UBND huyện Thạch Thất trình cho UBND tỉnh Hà Tây thẩm định trước khi thực hiện.

50. Quá trình bồi thường, hỗ trợ: Liên quan đến khu đất 37.49ha

- Căn cứ vào các tờ trình của Sở Tài chính tỉnh Hà Tây về việc đề nghị phê duyệt dự toán kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, UBND tỉnh Hà Tây đã ban hành các Quyết định 1418/QĐ-UBND, ngày 19/10/2005; Quyết định 478/QĐ-UBND, ngày 27/3/2006; Quyết định 558/QĐ-UBND, ngày 4/4/2007; Quyết định 1913/QĐ-UBND ngày 19/10/2007.
- Nguyên tắc về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của dự án được thực hiện theo Quyết định 488-QĐ/UB ngày 5/5/2005 về việc phê duyệt phương án giá bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án xây dựng Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Thông tin về bồi thường hỗ trợ cụ thể như sau:

Bảng 4: Thông tin chi tiết về bồi thường và hỗ trợ cho diện tích 37,49ha

TT	Tên Quyết định	Số hộ được nhận bồi thường, hỗ trợ	Tổng ngân sách (vnd)	Ghi chú (Ngày quyết định)
1	Quyết định số 1418/QĐ	35	46.175.744.000	19/10/2005
2	Quyết định số 478/QĐ	78	32.892.078.697	27/3/2006
3	Quyết định số 558/QĐ	25	47.753.850.341	4/4/2007
4	Quyết định số 1913/QĐ	3	4.630.516.972	19/10/2007

51. Bồi thường và hỗ trợ cho diện tích đất 37,49ha được hoàn thành vào tháng 11 năm 2007.

3.4. Thực hiện cơ chế giải quyết khiếu nại

52. Dự án đã thiết lập cơ chế giải quyết khiếu nại và phổ biến cơ chế này cho các hộ dân bị ảnh hưởng. Như đã đề cập, trên 80% các hộ dân được khảo sát cho biết đã được thông tin về cơ chế khiếu kiện khiếu nại. Kết quả khảo sát cho thấy, người dân đã vận dụng hiệu quả cơ chế này để bảo vệ quyền lợi của mình.

53. Nội dung cơ chế khiếu nại: Trên cơ sở hướng dẫn của Luật đất đai năm 2003, dự án đã hướng dẫn người dân thủ tục khiếu nại với hai trình tự như sau:

54. Trình tự số 1: Trình tự giải quyết khiếu nại đối với quyết định hành chính của Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh; hành vi hành chính của cán bộ, công chức thuộc Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn, thuộc Phòng Tài nguyên và Môi trường, thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh.

- Trong thời hạn không quá ba mươi (30) ngày kể từ ngày Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh có quyết định hành chính trong quản lý đất đai hoặc cán bộ, công chức thuộc Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn, thuộc Phòng Tài nguyên và Môi trường, thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh có hành vi hành chính trong khi giải quyết công việc về quản lý đất đai mà người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không đồng ý với quyết định hành chính hoặc hành vi hành chính đó thì có quyền nộp đơn khiếu nại đến Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh.
- Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh có trách nhiệm giải quyết khiếu nại theo thời hạn quy định của Luật Khiếu nại, tố cáo.
 - o Quyết định giải quyết của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh phải được công bố công khai và gửi cho người khiếu nại, người khác có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

- Trong thời hạn không quá bốn mươi lăm (45) ngày kể từ ngày có quyết định giải quyết của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh mà người khiếu nại không đồng ý với quyết định giải quyết đó thì có quyền khởi kiện ra Tòa án nhân dân hoặc khiếu nại đến Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Trường hợp khiếu nại đến Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm giải quyết khiếu nại theo thời hạn quy định của Luật Khiếu nại, tố cáo. Quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương là quyết định giải quyết cuối cùng, phải được công bố công khai và gửi cho người khiếu nại, người khác có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.
 - Cơ quan nhận đơn khiếu nại có trách nhiệm ghi vào sổ theo dõi giải quyết khiếu nại.
55. Trình tự số 2: Trình tự giải quyết khiếu nại đối với quyết định hành chính của Sở Tài nguyên và Môi trường, của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; hành vi hành chính của cán bộ, công chức thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường, thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương
- Trong thời hạn không quá ba mươi (30) ngày kể từ ngày Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có quyết định hành chính trong quản lý đất đai hoặc cán bộ, công chức thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường, thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có hành vi hành chính trong giải quyết công việc về quản lý đất đai mà người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không đồng ý với quyết định hành chính hoặc hành vi hành chính đó thì có quyền nộp đơn khiếu nại đến Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.
 - Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm giải quyết khiếu nại theo thời hạn quy định của Luật Khiếu nại, tố cáo. Quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phải được công bố công khai và gửi cho người khiếu nại, người khác có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.
 - Trong thời hạn không quá bốn mươi lăm (45) ngày kể từ ngày có quyết định giải quyết của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương mà người khiếu nại không đồng ý với quyết định giải quyết đó thì có quyền khởi kiện tại Tòa án nhân dân.
 - Cơ quan nhận đơn khiếu nại có trách nhiệm ghi vào sổ theo dõi giải quyết khiếu nại.
56. Theo kết quả nghiên cứu tài liệu và phỏng vấn trực tiếp hộ gia đình, chỉ có 1/144 hộ có khiếu nại về kết quả kiểm đếm.

3.5. Đánh giá mức độ hài lòng của những người bị ảnh hưởng

57. Khảo sát trên 50 hộ gia đình bị ảnh hưởng cho thấy, tất cả họ đều hài lòng với việc thực hiện thu hồi đất, bồi thường và hỗ trợ. Tuy nhiên, họ thấy đó là một sự lãng phí khi đất bị bỏ trống do dự án chậm thực hiện. Họ hy vọng rằng tiểu dự án sẽ sớm được triển khai để thúc đẩy cơ hội phát triển kinh tế xã hội địa phương.
58. 144 hộ (100%) bị ảnh hưởng đều đã nhận kinh phí bồi thường, hỗ trợ. Đợt nhận bồi thường hỗ trợ cuối cùng là vào tháng 11/2007. Việc nhận bồi thường hỗ trợ đều trên cơ sở người dân đã đồng thuận với dự án và mức chi trả của dự án cho các tài sản bị ảnh hưởng;

Tất cả chúng tôi đều ủng hộ dự án. Chúng tôi đồng ý nhận hỗ trợ để bàn giao mặt bằng từ 10 năm trước. Tuy nhiên, thật lãng phí thời gian và tiền bạc khi dự án bị trì hoãn quá lâu. Những con đường được xây dựng từ lâu nay đã xuống cấp, phung phí tiền của nhà nước và nhân dân. Chúng tôi hy vọng dự án sẽ sớm có ngân sách để triển khai – Những người bình luận về các cuộc thảo luận nhóm trong cuộc thảo luận dự án thực hiện chậm và gây lãng phí. Những con đường đã được xây dựng trong thời gian dài mà không được sử dụng cũng bị xuống cấp, gây lãng phí tài sản nhà nước và nhân dân. Chúng tôi hy vọng dự án có thể thu xếp vốn và triển khai xây dựng – Thảo luận nhóm tập trung.

“Nếu dự án không triển khai nữa thì cho người dân khai thác diện tích để canh tác đi chứ tôi thấy để vậy rất lãng phí, đôi khi mất an ninh nữa. Trên 1 diện tích quá lớn, Ban quản lý dự án có muốn cũng không chắc chắn là có quản lý nổi hay không? Biết đâu cứ để hoang vắng rậm rạp như thế, những người bị nghiên họ vào đây thì sao?”

“Dân bàn giao mặt bằng rồi thì dự án xây dựng đi chứ cứ để thế này tôi thấy tiếc lắm. Bao nhiêu cây ăn quả vẫn để không thế, trẻ con thì thoảng vẫn hái để ăn chứ cũng chả để bán được vì có chăm đâu mà quả đẹp để bán được. Để không rồi cây cối um tùm, muỗi dến nhiều cũng không tốt cho sức khỏe cuộc sống của người dân chúng tôi”

“Xây rồi sinh viên đến ở, tôi dự định làm dịch vụ vì nhà hiện cũng quanh đây.”

– Trích phỏng vấn sâu hộ dân

59. Thảo luận nhóm với đại diện chính quyền địa phương và các đoàn thể cho thấy: Chính quyền chưa ghi nhận được các khiếu nại phát sinh liên quan đến đền bù từ các hộ dân bị ảnh hưởng của khu đất 37.49ha từ 2010 đến nay.
60. Các thắc mắc chủ yếu liên quan đến tiến độ thực hiện dự án hoặc xin ý kiến được canh tác trên đất đã thu hồi.

“Hiện nay, một số người dân cũng có bày tỏ thắc mắc về việc những hộ ở tiểu dự án khác, bây giờ mới nhận đền bù thì được hỗ trợ ở mức cao hơn 10 năm trước, vậy có chính sách gì thêm cho các hộ hay không. Đại diện chính quyền địa phương cũng đã có những phân tích để người dân hiểu rõ và ủng hộ dự án. Hoàn toàn không có chuyện người dân đã nhận bồi thường, đã ổn định cuộc sống lại không đồng thuận với dự án. Nhưng quả thật, dự án quá chậm trễ gây bức xúc không nhỏ trong nhân dân”.

(Trích thảo luận nhóm chính quyền và đoàn thể địa phương)

3.6. Nhóm hộ dễ bị tổn thương

61. Hiện tại, trong tổng số 144 hộ bị ảnh hưởng bởi tiểu dự án, có 03 hộ thuộc nhóm dễ bị tổn thương trong đó có 02 hộ chủ hộ là nữ và 01 hộ có thành viên khuyết tật. Tuy nhiên, giống những hộ gia đình này đã ổn định cuộc sống sau 10 năm thu hồi đất và nhận được sự trợ giúp của dự án.

“Những hộ gia đình dễ bị tổn thương vì họ độc thân. Có 02 hộ gia đình độc thân có 2 con ở tuổi đi học và 01 hộ có người khuyết tật phụ thuộc vào cha mẹ 60 tuổi. Nhìn chung, họ có thu nhập ổn định từ may mặc và kinh doanh (6-7 triệu đồng / tháng). Mức thu nhập vào dịp tết cao hơn. Tất cả các hộ gia đình tự trồng và chăn nuôi gà. Tuy nhiên, đây vẫn là khu vực nông thôn nên chi phí sinh hoạt không cao như ở khu vực thành thị.

Có rất nhiều cửa hàng bán các sản phẩm nông nghiệp địa phương (sữa bò và các sản phẩm sữa) dọc theo quốc lộ 32. Vì vậy, có rất nhiều du khách. Tôi đang làm việc trong cửa hàng. Vào buổi chiều, con trai tôi - đang học lớp 12 - giúp tôi bán hàng hóa và nó cũng được trả tiền.

62. Sinh kế chính của các hộ dễ bị tổn thương như sau:

- Bán hàng nông sản địa phương (sữa bò và các chế phẩm từ sữa):
- May mặc:
- Lương hưu:

63. Các hộ cũng canh tác nông nghiệp thêm để tự cung cấp rau sạch, thịt gà... cho sinh hoạt hằng ngày.

64. Có thể thấy mức độ dễ tổn thương của các hộ bị ảnh hưởng trong tiểu dự án là không đáng kể.

3.7. Đánh giá mức độ phục hồi sinh kế của các hộ bị ảnh hưởng

65. Các hộ gia đình có đất trong khu vực của Dự án ĐHQGHN tại Hòa Lạc đều là gia đình của các công nhân cũ của Nông trường 1A. Theo đó, thu nhập chính của các

hộ gia đình là từ sản xuất nông nghiệp như chăn nuôi và trồng trọt. Một số ít các hộ gia đình có doanh nghiệp nhỏ. Do đó, việc thu hồi đất và giải thể trang trại 10 năm trước đã khiến các thành viên trong gia đình mất việc và làm xáo trộn cuộc sống của họ. Tuy nhiên, việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của dự án đã giúp các hộ gia đình bị ảnh hưởng ổn định cuộc sống.

66. Các hộ gia đình đã nhận được tiền bồi thường, hỗ trợ và tái định cư theo quy định. Các khoản bồi thường và hỗ trợ mà các hộ gia đình nhận được đã được sử dụng để sinh hoạt như mua đất mới để tái định cư, kinh doanh, đến quê hương của họ để sinh sống, đầu tư vào giáo dục trẻ em.
67. 100% các hộ được khảo sát cho biết, tại thời điểm thu hồi, các hộ đều có thành viên bị mất việc làm nhưng họ đã sử dụng tiền bồi thường, hỗ trợ để chuyển đổi nghề và tìm việc làm mới. Đến nay, sau hơn 10 năm kể từ khi thu hồi đất cuộc sống của họ đã ổn định và công việc cũng mang thu nhập tốt hơn. Cuộc sống đầy đủ và tiện nghi hơn trước. Đánh giá về cuộc sống của người dân được trình bày trong Bảng 2.

Trước đây, một vài hộ gia đình có tivi, máy điều hòa không khí và xe máy. Hiện nay, hầu hết các hộ gia đình đều có những dụng cụ này. Nói chung, cuộc sống thoải mái hơn. Vấn đề duy nhất là việc triển khai dự án bị trì hoãn, khiến người dân địa phương chán nản.

68. Ngoài ra, ĐHQGHH đã có những hành động cụ thể để hỗ trợ người dân địa phương bị ảnh hưởng ổn định cuộc sống như: tuyển dụng lao động trong các công việc phù hợp (tham gia quản lý và thực hiện dự án, xây dựng công trình); khuyến khích, tạo điều kiện và ưu tiên cho trẻ em của công nhân Nông trường 1A cũ trong chương trình giới thiệu việc làm Hà Nội. Trong số 400 thành viên của 144 hộ gia đình bị ảnh hưởng, 20 thành viên hộ gia đình trong độ tuổi lao động đã được giao việc.
69. Cho đến nay, các hộ gia đình có đất bị thu hồi bởi dự án có cuộc sống ổn định và thoải mái hơn và thu nhập tốt hơn. Các hộ gia đình tin rằng một khi được thực hiện, tiểu dự án sẽ cung cấp cho người dân địa phương thu nhập tốt hơn, đặc biệt là các hộ gia đình bị ảnh hưởng bởi tiểu dự án.
70. Kết quả khảo sát về cuộc sống của các hộ bị ảnh hưởng sau 10 năm được trình bày trong bảng sau:

Bảng 5: Đánh giá mức độ phục hồi sinh kế và ổn định cuộc sống của các hộ BAH

Các vấn đề	Tốt hơn/cải thiện	Không thay đổi	Kém hơn	Tệ hơn
Công việc/ngành nghề nghiệp	88%	10%	2%	0

Thu nhập	100%	0	0	0
Chất lượng cuộc sống	87%	0	13%	0
Điều kiện sống	100%	0	0	0
N = 50				

71. Lý do có khoảng 26% các hộ tham gia trả lời khảo sát cho rằng chất lượng sống tệ hơn là liên quan đến chất lượng nước sinh hoạt. Hiện nay, trên địa bàn chưa có nước máy, trong khi đó, nguồn nước sinh hoạt có nguy cơ ô nhiễm cao do các hoạt động kinh tế-xã hội.
72. Có 01 hộ phản hồi về công việc không hề tốt lên và đang ở tình trạng xấu. Đây là hộ dân đang làm chăn nuôi, chủ yếu là chăn nuôi lợn. Trong suốt 6 tháng cuối năm, Việt Nam nói chung và Hà Tây nói riêng trải qua một đợt dịch tả lợn Châu Phi khiến đàn lợn bị thiệt hại nghiêm trọng. Đây chính là lý do mà hộ dân đánh giá tình trạng công việc/sinh kế của họ đang ở tình trạng xấu. Như vậy, sinh kế của hộ dân này không xấu đi do tác động tiêu cực của dự án mà là do thiên tai dịch bệnh. Vấn đề này cần một hướng xử lý khác từ các cơ quan chức năng của địa phương.

PHẦN 4. CÁC VẤN ĐỀ CÒN TỒN TẠI

4.1. Vấn đề tồn tại

73. Qua khảo sát, các vấn đề tồn tại của tiểu dự án bao gồm các vấn đề sau:

- Kết quả cho thấy, do diện tích đã được thu hồi đã lâu mà chưa sử dụng; mặt khác, tại thời điểm thu hồi, theo quyết định 488/QĐ-UB, của UBND tỉnh Hà Tây, ngày 5/5/2005 thì cây cối hoa màu đã nhận tiền hỗ trợ và bàn giao đất cho dự án “phải giữ nguyên hiện trạng, không được chặt phá, di chuyển cây cối” nên cây cối hoa màu còn lại trên đất vẫn có giá trị kinh tế, các hộ dân gần đó (có thể không phải các hộ bị ảnh hưởng của tiểu dự án) đã thu hoạch hằng năm để tránh lãng phí. Nguồn thu từ tận thu hoa màu trên đất đã bàn giao không phải là nguồn thu chính của các gia đình.
- Đất đã được mua từ lâu nhưng không được sử dụng để xây dựng dự án, nên một khu vực rộng lớn trở nên rậm rạp, tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển của côn trùng gây hại ảnh hưởng đến người dân địa phương. Ngoài ra, chất thải vô cơ chưa được quản lý chặt chẽ. Điều này có thể gây ô nhiễm môi trường và ảnh hưởng đến cảnh quan của khu vực.

4.2. Biện pháp đề xuất

74. Với các vấn đề còn tồn tại, các biện pháp khuyến nghị như sau:

Bảng 6: Các biện pháp khuyến nghị

TT	Vấn đề	Biện pháp đề xuất	Đơn vị chịu trách nhiệm	Thời hạn thực hiện
1	Không có thông tin về việc thực hiện tiểu dự án được tiết lộ cho các hộ gia đình đang sử dụng đất bị thu hồi	Thông báo cho các hộ bị ảnh hưởng và người dân địa phương về lịch trình thực hiện của tiểu dự án và yêu cầu họ dừng các hoạt động canh tác và bàn giao đất cho tiểu dự án càng sớm càng tốt	Chủ đầu tư/Ban quản lý dự án/Trung tâm phát triển Đại học Quốc gia Hà Nội/Chính quyền địa phương	Tháng 1/2020
2	Vấn đề môi trường	Tổ chức thu gom, phân loại để xử lý các rác thải vô cơ như túi nilong, chai nhựa đảm bảo vệ sinh môi trường và cảnh quan; Phát quang bụi rậm, xử lý nguồn nước ô nhiễm, triệt tiêu nơi trú ẩn của côn trùng gây hại định kỳ;	Chủ đầu tư/Ban quản lý dự án/Trung tâm phát triển Đại học Quốc gia Hà Nội	Tháng 1/2020

TT	Vấn đề	Biện pháp đề xuất	Đơn vị chịu trách nhiệm	Thời hạn thực hiện
		Truyền thông nâng cao ý thức bảo vệ môi trường cho học sinh sinh viên và người dân trên địa bàn;		

PHẦN 5. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

5.1. Kết luận

75. Nói chung, việc thực hiện tái định cho tiểu dự án đã đạt được mục tiêu theo yêu cầu của chính sách tái định cư của Chính phủ. Sinh kế và thu nhập của tất cả các hộ gia đình bị ảnh hưởng của tiểu dự án của tiểu dự án ĐHQGHN nói riêng đã được khôi phục và cải thiện. Cuộc sống của họ đã ổn định và được cải thiện tốt hơn, không có ai có cuộc sống xấu hơn khi bị thu hồi đất.
76. Việc thực hiện thu hồi đất, bồi thường và hỗ trợ cho tiểu dự án đã tuân thủ theo Luật đất đai 2003 và các quy định của chính phủ. Các quy trình và thủ tục thu hồi đất và bồi thường đã được thực hiện một cách minh bạch, chính xác và đầy đủ.
77. Khiếu nại của người bị ảnh hưởng đã được giải quyết kịp thời và thỏa đáng. Cho đến nay không có khiếu nại nào được ghi nhận. Người dân địa phương chỉ quan tâm đến dự chậm trễ trong việc thực hiện dự án dẫn đến lãng phí đất đai và ô nhiễm môi trường tiềm ẩn;
78. Sự chậm trễ trong việc thực hiện tiểu dự án đã gây ra ô nhiễm môi trường tiềm ẩn và phát triển các loài côn trùng gây hại gây tổn hại đến an ninh của cộng đồng địa phương. Cộng đồng địa phương đã hỗ trợ mạnh mẽ cho tiểu dự án và dự kiến các tiểu dự án sẽ được triển khai càng sớm càng tốt.

5.2. Kiến nghị

79. Chủ đầu tư cần chuẩn bị một ngân sách phù hợp để chủ động xử lý các vấn đề tồn tại. Chi tiết như sau:
80. Để đảm bảo điều kiện thuận lợi cho việc thực hiện tiểu dự án, nhà đầu tư cần thực hiện truyền thông để đạt được sự đồng thuận và hợp tác của người dân địa phương về bảo vệ môi trường, ngừng trồng trọt và thu hoạch mùa màng trên diện tích đất bị thu hồi; đảm bảo cuộc sống hàng ngày của người dân địa phương và lịch trình tiểu dự án.
81. Đối với vấn đề canh tác trên đất đã thu hồi: Phương pháp khuyến nghị áp dụng: nên áp dụng đa biện pháp để đảm bảo các thông tin người dân nhận được và dễ dàng tiếp cận nếu muốn: phát thư thông báo, phối hợp với chính quyền địa phương gặp trực tiếp hộ dân và công khai thông tin về dự án tại các địa điểm dễ tiếp cận như Ủy ban nhân dân xã, nhà văn hóa thôn, các điểm tập trung đông người dân.
82. Đối với các vấn đề môi trường:

- Thực hiện truyền thông
- Thiết lập một hệ thống thùng rác dễ tiếp cận
- Tổ chức phát quang định kỳ các bụi cây
- Tổ chức cho sinh viên thực hiện thu gom chất thải có thể tái chế định kỳ cho mục đích tái chế
- Phun thuốc thường xuyên cho côn trùng bay và sâu bệnh.

83. Tất cả những hoạt động này cần bắt đầu làm ngay từ đầu năm 2020 để đảm bảo công tác thi công của dự án tuân thủ đúng quy định của Pháp luật và không gây xáo trộn đời sống người dân.

PHỤ LỤC

Phụ lục 1: Danh sách các hộ bị ảnh hưởng của Tiểu dự án

TT	Hộ bị ảnh hưởng	Địa chỉ
1	Cao Văn Hà – Thu	Áp 9, Thạch Hòa, Thạch Thất, Hà Nội
2	Đặng Văn Phẩm - Phí Thị Sâm	Áp 9, Thạch Hòa, Thạch Thất, Hà Nội
3	Đình Thế Phụng - Bùi Thị Chung	Áp 10, Thạch Hòa, Thạch Thất, Hà Nội
4	Đỗ Ngọc Bình - Nguyễn Thị Hà	Áp 10, Thạch Hòa, Thạch Thất, Hà Nội
5	Nguyễn Văn Sáng - Hoàng Thị Nhân	Áp 9, Thạch Hòa, Thạch Thất, Hà Nội
6	Nguyễn Việt Xuân - Bùi Thị Mầu	Áp 9 Thạch Hòa, Thạch Thất, Hà Nội
7	Phạm Năng Tảo - Nguyễn Thị Thanh	Áp 10, Thạch Hòa, Thạch Thất, Hà Nội
8	Phạm Văn Tôn - Bạch Thị Cúc	Áp 10, Thạch Hòa, Thạch Thất, Hà Nội
9	Trần Văn Toàn - Lê Thị Thủy	Áp 10, Thạch Hòa, Thạch Thất, Hà Nội
10	Trịnh Xuân Chuyên - Phạm Thị Ngải	Áp 11 Thạch Hòa, Thạch Thất, Hà Nội
11	Vũ Đức Hào - Vũ Thị Hương	Áp 9 Thạch Hòa, Thạch Thất, Hà Nội
12	Bùi Văn ánh - Doãn Thị Lan	Áp 10 Thạch Hòa, Thạch Thất, Hà Nội
13	Cao Văn Hà - Thu	Áp 9 Thạch Hòa, Thạch Thất, Hà Nội
14	Đặng Văn Phẩm - Phí Thị Sâm	Áp 9 Thạch Hòa, Thạch Thất, Hà Nội
15	Đặng Văn Tăng - Lâm Thị Mai	Áp 9 Thạch Hòa, Thạch Thất, Hà Nội
16	Đình Thế Phụng - Bùi Thị Chung	Áp 10 Thạch Hòa, Thạch Thất, Hà Nội
17	Đỗ Khắc Ngọc - Nguyễn Thị Hoa	Áp 10 Thạch Hòa, Thạch Thất, Hà Nội
18	Đỗ Ngọc Bình - Nguyễn Thị Hà	Áp 10 Thạch Hòa, Thạch Thất, Hà Nội
19	Đỗ Ngọc Sơn - Nguyễn Thị Lộc	Áp 9 Thạch Hòa, Thạch Thất, Hà Nội
20	Kiều Văn Hùng - Đinh Thị Luyến	Làng Miếu, Tiến Xuân, Thạch Thất, Hà Nội

TT	Hộ bị ảnh hưởng	Địa chỉ
21	Lê Đức Đồng - Doãn Thị Hải	Áp 9 Thạch Hòa, Thạch Thất, Hà Nội
22	Lê Văn Mừng - Nguyễn Thị Thắm	Phú Mỹ, Mỹ Đình, Từ Liêm, Hà Nội
23	Mai Văn Tình - Cấn Thị Hợp	Áp 10 Thạch Hòa, Thạch Thất, Hà Nội
24	Đất công của Nông trường 1A	
25	Ngô Văn Thanh - Nguyễn Thị Ty	Áp 8 Thạch Hòa, Thạch Thất, Hà Nội
26	Nguyễn Siêu Nghe - Chu Thị Tuyết	Áp 9 Thạch Hòa, Thạch Thất, Hà Nội
27	Nguyễn Trung Kỹ - Nguyễn Thị Hồng Vĩnh	Áp 9 Thạch Hòa, Thạch Thất, Hà Nội
28	Nguyễn Văn Sáng - Hoàng Thị Nhân	Áp 9 Thạch Hòa, Thạch Thất, Hà Nội
29	Nguyễn Văn Sinh - Lương Thị Vinh	Áp 9 Thạch Hòa, Thạch Thất, Hà Nội
30	Nguyễn Văn Tuyền - Doãn Thị Hương	Áp 11 Thạch Hòa, Thạch Thất, Hà Nội
31	Nguyễn Văn Thắng - Đặng Thị Biên	Áp 6 Thạch Hòa, Thạch Thất, Hà Nội
32	Nguyễn Việt Xuân - Bùi Thị Mầu	Áp 9 Thạch Hòa, Thạch Thất, Hà Nội
33	Phạm Năng Tảo - Nguyễn Thị Thanh	Áp 10 Thạch Hòa, Thạch Thất, Hà Nội
34	Phạm Thị Gái	Áp 9 Thạch Hòa, Thạch Thất, Hà Nội
35	Phạm Văn Tôn - Bạch Thị Cúc	Áp 10 Thạch Hòa, Thạch Thất, Hà Nội
36	Phạm Văn Thái - Mạn	Áp 10 Thạch Hòa, Thạch Thất, Hà Nội
37	Phạm Việt Trí - Hoa	Áp 9 Thạch Hòa, Thạch Thất, Hà Nội
38	Phan Hữu Thực - Hà Thị Phương	Áp 9 Thạch Hòa, Thạch Thất, Hà Nội
39	Phan Lạc Dưỡng - Nguyễn Thị Kính	Áp 9 Thạch Hòa, Thạch Thất, Hà Nội
40	Phan Thanh Hương - Thắng	Áp 9 Thạch Hòa, Thạch Thất, Hà Nội
41	Quách Đình Mạnh	Làng Miếu, Tiến Xuân, Thạch Thất, Hà Nội
42	Tạ Ngọc Phi - Tạ Thị Cúc	Áp 9 Thạch Hòa, Thạch Thất, Hà Nội

TT	Hộ bị ảnh hưởng	Địa chỉ
43	Trần Tuấn Lộc	Áp 10 Thạch Hòa, Thạch Thất, Hà Nội
44	Trần Văn Toàn - Lê Thị Thủy	Áp 10 Thạch Hòa, Thạch Thất, Hà Nội
45	Triệu Minh Dụ - Thảo	Áp 10 Thạch Hòa, Thạch Thất, Hà Nội
46	Trịnh Xuân Chuyên - Phạm Thị Ngái	Áp 11 Thạch Hòa, Thạch Thất, Hà Nội
47	Vũ Đức Hào - Vũ Thị Hương	Áp 9 Thạch Hòa, Thạch Thất, Hà Nội
48	Vũ Văn Hà - Cao Thị Nguyên	Áp 8 Thạch Hòa, Thạch Thất, Hà Nội
49	Nguyễn Văn Thủy - Nhân	Áp 9 Thạch Hòa, Thạch Thất, Hà Nội
50	Kiều Văn Thư -Bùi Thị Kim Dung	Áp 7 Thạch Hòa, Thạch Thất, Hà Nội
51	Bùi Thị Hoàn - Hoàng Tiến Điệp	Áp 6 Thạch Hòa, Thạch Thất, Hà Nội
52	Cần Thị Trường - Lê Minh Hữu	Áp 8 Thạch Hòa, Thạch Thất, Hà Nội
53	Đỗ Như Hải -Đào Thị Hào	Áp 6 Thạch Hòa, Thạch Thất, Hà Nội
54	Đinh Thị Rίου- Nguyễn Văn Sinh	Áp 8 Thạch Hòa, Thạch Thất, Hà Nội
55	Phùng Văn Xuân - Đỗ Thị Dung	Áp 6 Thạch Hòa, Thạch Thất, Hà Nội
56	Đỗ Văn Sâm - Phí Thị Hoa	Áp 6 Thạch Hòa, Thạch Thất, Hà Nội
57	Đỗ Xuân Quyết - Nguyễn Thị Hồng	Áp 6 Thạch Hòa, Thạch Thất, Hà Nội
58	Hồ Ngọc Bích	Chuyển về que
59	Kiều Thị Hải	Áp 10 Thạch Hòa, Thạch Thất, Hà Nội
60	Kiều Văn Hùng	Làng Miếu, Tiên Xuân, Thạch Thất, Hà Nội
61	Kiều Văn Thư - Bùi Thị Dung	Tổ 5, Áp 7 Thạch Hòa, Thạch Thất, Hà Nội
62	Khuất Duy Tâm - Nhữ Thị Hải	Áp 7 Thạch Hòa, Thạch Thất, Hà Nội
63	Phan Văn Thắng - Khuất Thị Chiến	Áp 7 Thạch Hòa, Thạch Thất, Hà Nội
64	Khuất Thị Vinh	Áp 7 Thạch Hòa, Thạch Thất, Hà Nội

TT	Hộ bị ảnh hưởng	Địa chỉ
65	Nguyễn Duy Thắng - Khuất Thị Xuyên	Áp 6 Thạch Hòa, Thạch Thất, Hà Nội
66	Khuất Trung Ân	Áp 7 Thạch Hòa, Thạch Thất, Hà Nội
67	Lê Thị Đuộm - Đỗ Văn Tuyên	Áp 7 Thạch Hòa, Thạch Thất, Hà Nội
68	Kiều Văn Hùng - Lê Thị Nhung	Áp 7 Thạch Hòa, Thạch Thất, Hà Nội
69	Lê Thị Thảo - Cán Văn Tân	Áp 10 Thạch Hòa, Thạch Thất, Hà Nội
70	Lê Văn Tuyên - Nguyễn Thị Hoa	Áp 7 Thạch Hòa, Thạch Thất, Hà Nội
71	Trần Quang Dung - Ngô Thị Huệ	Áp 8 Thạch Hòa, Thạch Thất, Hà Nội
72	Nguyễn Đình Hồ	Áp 6 Thạch Hòa, Thạch Thất, Hà Nội
73	Nguyễn Đình Lâm	Áp 10 Thạch Hòa, Thạch Thất, Hà Nội
74	Nguyễn Đức Nhân - Phí Thị Toàn	Áp 6 Thạch Hòa, Thạch Thất, Hà Nội
75	Nguyễn Thị Châm - Phạm Văn Minh	Áp 9 Thạch Hòa, Thạch Thất, Hà Nội
76	Nguyễn Văn Ty - Nguyễn Thị Ha	Áp 7 Thạch Hòa, Thạch Thất, Hà Nội
77	Nguyễn Thị Huyền - Nguyễn Văn Tuyên	Áp 7 Thạch Hòa, Thạch Thất, Hà Nội
78	Phùng Văn Bảy - Nguyễn Thị Huyền	Áp 10 Thạch Hòa, Thạch Thất, Hà Nội
79	Nguyễn Thị Liên - Nguyễn Văn Sinh	Áp 8 Thạch Hòa, Thạch Thất, Hà Nội
80	Nguyễn Thị Nhâm - Nguyễn Văn Diễm	Áp 6 Thạch Hòa, Thạch Thất, Hà Nội
81	Nguyễn Thị Yến - Trịnh Văn Tuyên	Áp 7 Thạch Hòa, Thạch Thất, Hà Nội
82	Nguyễn Văn Cẩm	Hà Nội
83	Nguyễn Văn Diệp - Nguyễn Thị Mai	Áp 8 Thạch Hòa, Thạch Thất, Hà Nội
84	Nguyễn Văn Đoàn - Nguyễn Thị Thêm	Áp 8 Thạch Hòa, Thạch Thất, Hà Nội
85	Nguyễn Văn Thá - Đinh Thị Diễm Lan	Áp 7 Thạch Hòa, Thạch Thất, Hà Nội
86	Nguyễn Văn Thắng - Nguyễn Thị Luân	Áp 6 Thạch Hòa, Thạch Thất, Hà Nội

TT	Hộ bị ảnh hưởng	Địa chỉ
87	Nguyễn Văn Thêm - Phùng Thị Khương	Áp 10 Thạch Hòa, Thạch Thất, Hà Nội
88	Nguyễn Văn Thứ - Nguyễn Thị Dũng	Áp 6 Thạch Hòa, Thạch Thất, Hà Nội
89	Khuất Duy Tâm - Nhữ Thị Hải	Áp 7 Thạch Hòa, Thạch Thất, Hà Nội
90	Phạm Duy ái	Áp 9 Thạch Hòa, Thạch Thất, Hà Nội
91	Phạm Văn Khang - Nguyễn Thị Loan	Áp 7 Thạch Hòa, Thạch Thất, Hà Nội
92	Phạm Quang Hữu - Lương Thị Thành	Đông Đa, Hà Nội
93	Trần Thị Luyến - Đỗ Văn Cường	Áp 7 Thạch Hòa, Thạch Thất, Hà Nội
94	Vũ Duy Đăng - Cấn Thị Luận	Áp 8 Thạch Hòa, Thạch Thất, Hà Nội
95	Vũ Thành Chung - Hoàng Thị Đô	Tổ 5
96	Lê Văn Đoạt - Vũ Thị Huệ	Áp 7 Thạch Hòa, Thạch Thất, Hà Nội
97	Vũ Thị Lân	Áp 7 Thạch Hòa, Thạch Thất, Hà Nội
98	Bùi Văn Tường - Vũ Thị Nụ	Áp 7 Thạch Hòa, Thạch Thất, Hà Nội
99	Hoàng Văn Nghĩa - Vũ Thị Nhung	Tổ 3, Thạch Hòa, Thạch Thất
100	Vũ Thị Nhung	Tổ 3, Thạch Hòa, Thạch Thất
101	Đặng Hữu Bằng - Doãn Thị Nhạn	Áp 8 Thạch Hòa, Thạch Thất, Hà Nội
102	Đặng Minh Chýc - Nguyễn Thị Duyên	Áp 10 Thạch Hòa, Thạch Thất, Hà Nội
103	Đặng Văn Khoỏi - Nguyễn Thị Tôm	Áp 10 Thạch Hòa, Thạch Thất, Hà Nội
104	Đặng Văn Thanh - Nguyễn Thị Thờm	Áp 10 Thạch Hòa, Thạch Thất, Hà Nội
105	Đông Minh Kónh - Nguyễn Thị Thanh	Áp 10 Thạch Hòa, Thạch Thất, Hà Nội
106	Đông Văn Hoa - Hoàng Thị Huệ	Group 5, Thach Hoa commune, Thach That district
107	Đông Văn Tò - Lò Thị Nga	Xã Thạch Hòa
108	Bự Thị Huệ - 1964	Áp 10 Thạch Hòa, Thạch Thất, Hà Nội
109	Bự Thị Thành (NĐUQ Trần Quang Sinh)	Áp 6 Thạch Hòa, Thạch Thất, Hà Nội

TT	Hộ bị ảnh hưởng	Địa chỉ
110	Bùi Văn Dậu - 1961	Áp 10 Thạch Hòa, Thạch Thất, Hà Nội
111	Cần Đức Thủy - Nguyễn Thị Sen	Áp 10 Thạch Hòa, Thạch Thất, Hà Nội
112	Cần Văn Lan - Ngu Thị Sung	Áp 10 Thạch Hòa, Thạch Thất, Hà Nội
113	Dương Đức Thọ - Khương Thị Bằng	Áp 10 Thạch Hòa, Thạch Thất, Hà Nội
114	Dương Văn Dần - Cao Thị Thơm	Áp 10 Thạch Hòa, Thạch Thất, Hà Nội
115	Doán Văn Cường - Kiều Thị Soạn	Xã Thạch Hòa
116	Hà Quý Dũng - Nguyễn Thị Bạ	Xã Thạch Hòa
117	Hà Thị Hương	Xã Thạch Hòa
118	Hồ Quốc Khánh - Phạm Thị Hương	Áp 10 Thạch Hòa, Thạch Thất, Hà Nội
119	Hoàng Minh Tồn - Nguyễn Thị Mụi	Xã Thạch Hòa
120	Ngu Thanh Nhân - Nguyễn Thị Thanh	Áp 10 Thạch Hòa, Thạch Thất, Hà Nội
121	Ngu Xuân Thương - Nguyễn Thị Quyên	Áp 10 Thạch Hòa, Thạch Thất, Hà Nội
122	Nguyễn Đức Thuận - Doán Thị Hoàn	Tổ 3, Thạch Hòa, Thạch Tắt, Hà Nội
123	Nguyễn Danh Thy - Phan Thị Nguyệt	Áp 10 Thạch Hòa, Thạch Thất, Hà Nội
124	Nguyễn Mạnh Hưng - Trần Thị Định	Áp 10 Thạch Hòa, Thạch Thất, Hà Nội
125	Nguyễn Mạnh Là- Nguyễn Thị Khanh	Áp 10 Thạch Hòa, Thạch Thất, Hà Nội
126	Nguyễn Minh Tuyên - Nguyễn Thị Dọc	Tổ 5, Thạch Hòa, Thạch Tắt, Hà Nội
127	Nguyễn Văn Đoàn - Nguyễn Thị Thờm	Áp 8 Thạch Hòa, Thạch Thất, Hà Nội
128	Nguyễn Văn Lượng - Nguyễn Thị Hoa	Áp 8 Thạch Hòa, Thạch Thất, Hà Nội
129	Nguyễn Văn Minh - Vũ Thị Hoà	Áp 10 Thạch Hòa, Thạch Thất, Hà Nội
130	Nguyễn Văn Nghĩa - Nguyễn Thị Tĩnh	Áp 10 Thạch Hòa, Thạch Thất, Hà Nội
131	Nguyễn Văn Quyết - Vũ Thị Thanh	Áp 10 Thạch Hòa, Thạch Thất, Hà Nội
132	Nguyễn Văn Sinh - Nguyễn Thị Liên	Tổ 3, Thạch Hòa, Thạch Tắt, Hà Nội

TT	Hộ bị ảnh hưởng	Địa chỉ
133	Nguyễn Văn Thơm - Phạm Thị Khương	Áp 8 Thạch Hòa, Thạch Thất, Hà Nội
134	Nguyễn Văn Toàn - Nguyễn Thị Huệ	Áp 9 Thạch Hòa, Thạch Thất, Hà Nội
135	Nguyễn Văn Tuyển - Kiều Thị Phỳ	Áp 8 Thạch Hòa, Thạch Thất, Hà Nội
136	Nguyễn Văn Vinh - Nguyễn Thị Hoàn	Tổ 3, Thạch Hòa, Thạch Thất, Hà Nội
137	Nguyễn Viết Đại - Nguyễn Thị Bóch Thủy	Áp 10 Thạch Hòa, Thạch Thất, Hà Nội
138	Phạm Hữu Khụi - Trần Thị Duyên	Áp 8 Thạch Hòa, Thạch Thất, Hà Nội
139	Trần Đức Đồng - Trịnh Thị Thảo	Áp 9 Thạch Hòa, Thạch Thất, Hà Nội
140	Trần Đức Phương - Trần Thị Xuân	Áp 7 Thạch Hòa, Thạch Thất, Hà Nội
141	Trần Quang Sự - Nguyễn Thị Phượng	Áp 10 Thạch Hòa, Thạch Thất, Hà Nội
142	Trần Thị Quân (NĐUQ Lò Thị Chiến)	Quan Hoa, Cầu Giấy, Hà Nội
143	Nguyễn Thị Hoàn	Áp 10 Thạch Hòa, Thạch Thất, Hà Nội
144	Nguyễn Thị Huệ	Áp 10 Thạch Hòa, Thạch Thất, Hà Nội

Phụ lục 2: Biên bản họp thảo luận nhóm với các hộ gia đình bị ảnh hưởng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

-----***-----

BIÊN BẢN THAM VẤN CỘNG ĐỒNG

Dự án: Phát triển các trường Đại học Quốc gia Việt Nam – Tiểu dự án Đại học Quốc gia Hà Nội
(Vay vốn WB)

1. Thời gian tổ chức:.....Ngày..... tháng.....năm 2019

2. Địa điểm tổ chức:.....Nhà khách ĐHQG HN tại Hà Lạc.....

3. Thành phần tham dự:

a. Đơn vị chủ đầu tư

- Ông (bà): Nguyễn Đức Đăng.....Chức vụ: Giám đốc TT, IT ĐHQG tại Hà Lạc
- Ông (bà): Vũ Đức Hải.....Chức vụ: Phó GT....."

b. UBND xã

- Ông (bà): Nguyễn Văn Phú.....Chức vụ: BT/CT UBND xã Thạch Hồ
- Ông (bà):.....Chức vụ:.....

c. Đại diện tư vấn

- Ông (bà): Nguyễn Thị Thuý.....Chức vụ: Phụ trách TT, MT, XH
- Ông (bà): Trần Thị Thuý Trang.....Chức vụ: Chuyên gia TĐC.....

d. Địa diện hộ dân:

- Ông (bà): Nguyễn Văn Cường.....Chức vụ: Tổ trưởng thôn 10.....
- Ông (bà): Nguyễn Thị Hà.....Chức vụ:.....

4. Nội dung cuộc họp

- +) Bà Nguyễn Thị Thuý - Đơn vị tư vấn giới thiệu nội dung, chương trình cuộc họp.....
- +) Ông Nguyễn Văn Phú - Chủ tịch UBND xã Thạch Hồ..... nêu những vấn đề kinh tế - xã hội - môi trường tại địa phương liên quan đến các khu vực xây dựng dự án ĐHQG HN tại Hà Lạc: dự án đã bắt đầu từ 2008, đến nay tiến khai công tác khảo sát nguồn vốn tiền khai.....
- Lãnh đạo và nhân dân địa phương rất mong muốn dự án được thực hiện và đây không chỉ là dự án vay vốn WB, đảm bảo các yêu cầu về môi trường & môi trường cho người dân địa phương.....

Ông Đặng Quý Trung, Giám đốc Trung tâm Phát triển ĐHQG Việt Nam, nêu đơn vị tại quốc gia, chủ đầu tư ĐHQG, nội dung & hình thức ĐHQG... xây dựng N.B. đến để triển khai đại diện (gồm 1,5 - 2 năm... thời gian xây dựng khoảng 3 - 5 năm...) từ 2020 - 2025; những thuận lợi, khó khăn trong quá trình thực hiện dự án & mong muốn được nhà ủng hộ của chính quyền và người dân địa phương.

* Các ý kiến thảo luận:

1) Ông Đặng... - từ trước đến nay... và thành phố

- hỗ trợ lực lượng

- Về dự án phải tiến hành và hoạt động sớm để căn chỉnh và mặt chính sách hỗ trợ cho người dân & lương bổng dự án

2) Ông Cường - Trưởng Đoàn 10

- Toàn bộ đất đai dùng & khu (zone 3, zone 4, zone 1) đều thuộc địa bàn huyện 10

về mặt môi trường: từ địa phương (địa bàn) không tiến hành để đi có thể ảnh hưởng đến người dân hiện tại

Về mặt xã hội: các công tác hỗ trợ người dân, hỗ trợ kinh doanh, quy hoạch, kiến nghị dự án một số chính sách như hỗ trợ việc làm cho người dân, BATH khi chưa có việc làm... hỗ trợ học miễn (cùng giảng, phân bổ...) cho những hộ hiện tại cần hỗ trợ trên khu đất xây dựng dự án

- Mong muốn khi TĐC phải được đảm bảo hạ tầng cho người dân hiện tại, nhưng phải công khai đến khu TĐC

* Ý kiến phản hồi của chủ dự án:

Ông Đặng... - Giám đốc Trung tâm Phát triển ĐHQG HN tại Hà Nội... tiếp thu các ý kiến đóng góp của các lãnh đạo & người dân địa phương sẽ xem xét trong quá trình điều chỉnh dự án

Đến với khu TĐC, năm 2020 ĐHQG sẽ có nguồn vốn trung ương, khi đó sẽ có nguồn vốn để xây dựng hạ tầng khu TĐC

* Các bộ BATH tham gia khảo sát bằng lời của thảo luận nhóm liên quan đến các vấn đề MT - XH của dự án



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

DANH SÁCH THAM DỰ

STT	Họ và Tên	Địa chỉ	Ký tên
1	Lê Văn Huyền	Chùa 7	Huyền
2	Nguyễn Văn Đoàn	Thôn 7	Đoàn
3	Nguyễn Thị Bình	Thôn 8	Sinh
4	Hồ Thị Hương	Thôn 7	Chinh Hương
5	Nguyễn Thị Chinh	Thôn 7	Chinh
6	Nguyễn Thị Hằng	Thôn 6	Hằng
7	Bùi Thị Mâu	Thôn 9	Mâu
8	Uông Thị Hòa	Thôn 9	Hòa
9	Cần Thị Trường	Thôn 8	Tường
10	Nguyễn Thị Huyền	Thôn 7	Huyền
11	Điền Thị Huyền	Thôn 7	Huyền
12	Khuất Duy Tâm	Thôn 7	Tâm
13	Nguyễn Minh Lợi	T 10	Lợi
14	Đường Đức Thọ	T 10	Đức
15	Lê Thị Thảo	T 10	Thảo
16	Nguyễn Thị Hà	T 10	Hà
17	Phạm Hồng Tào	T 9	Tào
18	Đặng Văn Phạm	T 9	Phạm
19	Hồng Trần Đẹp	T 8	Đẹp
20	Khuất Trung An	T 6	An

Người lập biểu

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

PHIẾU PHÒNG VẤN SÂU LÃNH ĐẠO

Dự án Phát triển các trường Đại học Quốc gia Việt nam

Tiểu dự án Đại học Quốc gia Hà Nội (Vay vốn WB)

A. THÔNG TIN NGƯỜI TRẢ LỜI

1. Tên người được phỏng vấn... Nguyễn Văn Thà' Tuổi... 46
2. Số điện thoại... 0989 291 923 Email... Nguyễn Văn Thà' ctuatnha@gmail.com
3. Chức vụ hiện nay... Bí thư Đảng ủy - Chủ tịch UBND xã
4. Địa chỉ cơ quan... Xã Thái Hòa, Thái Thụy, Hà Nội
5. Nhiệm vụ trong cơ quan... Lãnh đạo chung

B. NỘI DUNG PHÒNG VẤN

1. Xin ông/bà cho biết thực trạng các vấn đề tồn tại/bức xúc về cơ sở hạ tầng (giao thông, cấp nước sạch, thoát nước, cấp điện,...) và ô nhiễm môi trường nếu có tại địa bàn khu dân cư đang sinh sống?

Đã xây dựng xong đường quy hoạch nội bộ
Thôn, đường giao thông liên thôn, đường cấp
nước, phòng điện, đường đi, sửa chữa
đường phố, nhà cho thuê dân

2. Tình trạng dân cư (số hộ nghèo, thu nhập thấp, hộ dễ bị tổn thương, ...) tại địa bàn khu vực hoặc xã của ông/bà đang sinh sống?

Tỷ lệ hộ nghèo của xã là 0,3%
Đảm bảo việc làm cho hộ nghèo

3. Tỷ lệ cấp nước sạch tại địa phương?..... 0% , khoảng Hộ

Mô tả khác (nếu có)... hiện người dân tại xã đang sử dụng

mức hợp vệ sinh (Nước giếng)

Tỷ lệ thu gom rác tại địa phương? 95% , khoảng 2850 Hộ

Phí thu gom rác: 3000đ/ng/hộ đồng/hộ

Đơn vị thu gom/xử lý rác thải tại địa phương: Công ty Môi trường

4. Các loại bệnh thường gặp tại địa phương trong những năm gần đây?

Sốt xuất huyết

5. Tình hình khám chữa bệnh tại trạm y tế/ bệnh viện tại địa phương?

Đầu tư để điều trị khám chữa bệnh cho nhân dân, không có dịch xảy ra trên địa bàn.

6. Tình hình các tệ nạn xã hội tại địa phương (tỷ lệ người dân tham gia, các loại hình tệ nạn)?

Tin dùng đũa

7. Tại địa phương có những hiện tượng biến đổi thời tiết nào sau đây?

1. Không, tôi không nghĩ đó là biến đổi khí hậu
2. Mưa lũ trên các sông/kênh/rạch
3. Thời gian nắng nóng bất thường
4. Hạn hán/nhiễm mặn
5. Sạt lở lòng sông



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

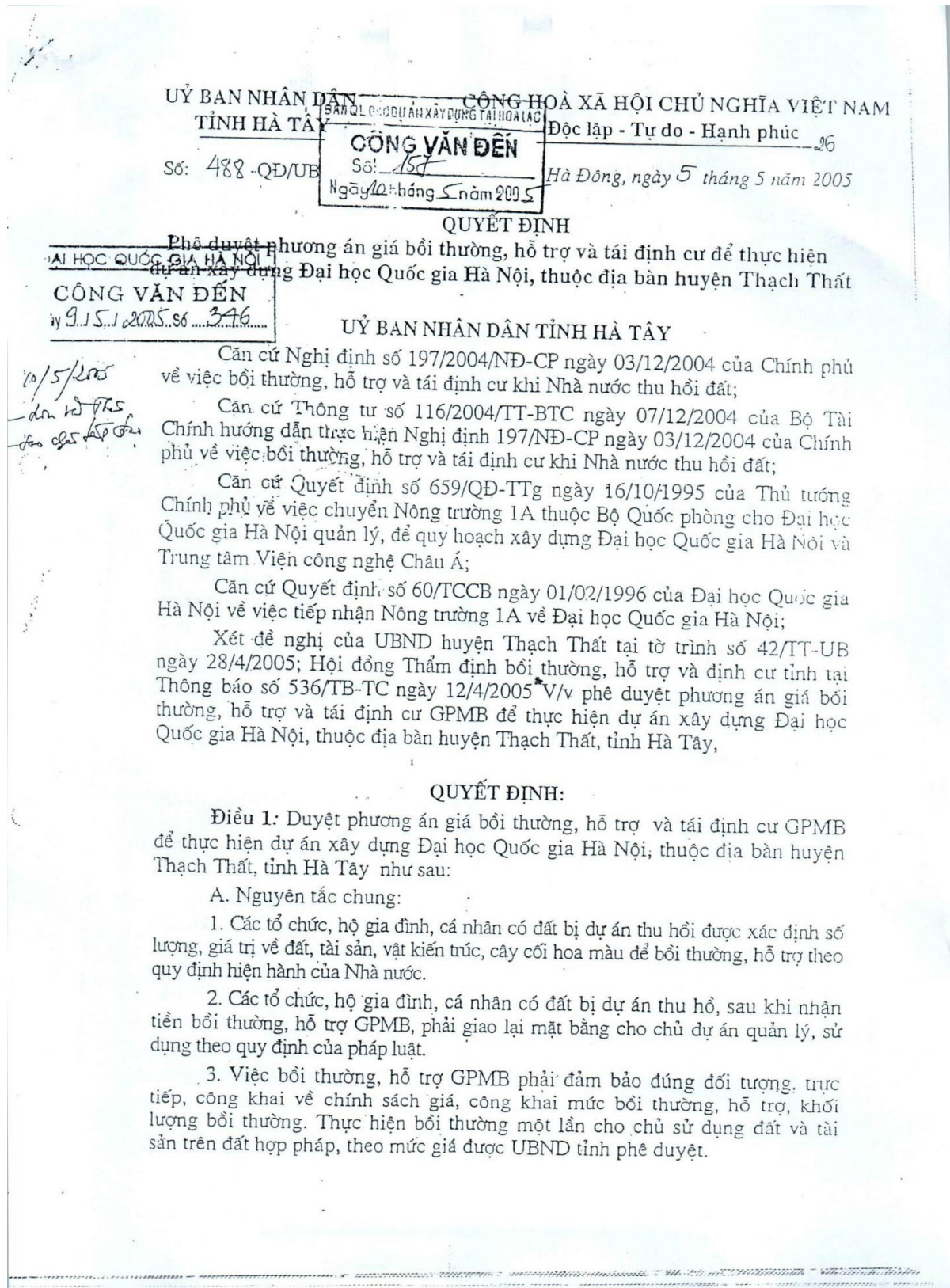
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

DANH SÁCH THAM DỰ

STT	Họ và Tên	Địa chỉ	Ký tên
1	Nguyễn Đức Đạt	Trung tâm PT ĐHQG HN	<i>[Signature]</i>
2	Nguyễn Văn Thảo	Bí CT ĐHQG HN	<i>[Signature]</i>
3	Nguyễn Hồng Minh	Trường THPT 11	<i>[Signature]</i>
4	Ng Văn Cường	T210	<i>[Signature]</i>
5	Dương Hồng Ngọc	T29	<i>[Signature]</i>
6	Trương Thị Nam	T7	<i>[Signature]</i>
7	Khánh Trung An	T6	<i>[Signature]</i>
8	Hương Tiên Diệp	T6	<i>[Signature]</i>
9	Phạm Ngọc Thảo	T9	<i>[Signature]</i>
10	Đặng Văn Phạm	T9	<i>[Signature]</i>
11	Khánh Dung Tâm	T7	<i>[Signature]</i>
12	Nguyễn Mạnh Lợi	T10	<i>[Signature]</i>
13	Dương Đức Thọ	T10	<i>[Signature]</i>
14	Đỗ Thị Thảo	T10	<i>[Signature]</i>
15	Nguyễn Thị Hà	T10	Hà
16	Đỗ Thị Hoa	T9	Hoa
17	Bùi Thị Mẫu	T9	Mẫu
18	Cần Thị Tường	T8	Tường
19	Nguyễn Thị Huyền	T7	Huyền
20	Trần Thị Lý	T7	<i>[Signature]</i>

Người lập biểu

Phụ lục 3: Các văn bản áp dụng



4. Đất Nông trường 1A thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội quản lý, do vậy tính hợp pháp của đất, tài sản trên đất do Đại học Quốc gia Hà Nội chịu trách nhiệm.

5. Quá trình kiểm đếm giữa bản đồ địa chính và thực địa nếu có sự sai lệch về tính chất đất, xử lý như sau:

Về diện tích đất, căn cứ theo tổng diện tích đã được xác định trong bản đồ địa chính, được trích lục cụ thể cho từng hộ, nhưng không vượt quá tổng diện tích trong bản đồ địa chính.

- Việc xác định tính chất đất và mục đích sử dụng đất làm theo quy trình: Tổ kiểm tra xử lý đất có trách nhiệm xem xét giải quyết, Nông trường 1A xác nhận, Đại học Quốc gia Hà Nội kiểm tra, Hội đồng GPMB huyện Thạch Thất thống nhất trình UBND tỉnh quyết định.

6. Về việc xác định giấy tờ giao đất, căn cứ các loại giấy tờ được Nông trường 1A cấp, như: Sổ khoán, biên bản giao đất, văn bản giao đất, Quyết định giao đất, hợp đồng liên doanh liên kết, hợp đồng giao khoán, danh sách giao đất, hoặc hoá đơn nộp sản, nộp thuế... được coi là hợp lệ, để làm căn cứ xác định nguồn gốc đất, để giải quyết các chế độ cho các đối tượng được bồi thường hỗ trợ.

7. Nhà cửa, vật kiến trúc đã nhận tiền bồi thường, khi bàn giao đất cho dự án các hộ được tháo dỡ tận dụng vật liệu, nhưng không được phá công tháo dỡ, trước hạn quá thời hạn quy định, Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư GPMB huyện Thạch Thất có trách nhiệm tổ chức thực hiện, để lấy mặt bằng bàn giao cho Chủ dự án. Cây cối hoa màu đã nhận tiền bồi thường, hỗ trợ khi bàn giao đất cho dự án phải giữ nguyên hiện trạng, không được chặt phá, di chuyển cây cối.

B. Phương án bồi thường, hỗ trợ:

I. Hỗ trợ về đất:

Mức tính chi phí đầu tư vào đất thực hiện theo Quyết định 156/2005/QĐ-UBND ngày 22/02/2005 của UBND tỉnh.

Đối với đất ở, UBND huyện Thạch Thất xem xét, trình UBND tỉnh hỗ trợ tương tự theo từng thời điểm quy định.

Các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp trong phạm vi đất của Nông trường 1A, tính đến thời điểm UBND tỉnh Hà Tây ban hành Quyết định số 975/QĐ-UB ngày 15/7/2003 và Quyết định số 874/QĐ-UB ngày 26/8/2004, hiện đang trồng cây ăn quả, cây lâm nghiệp, cây ngắn ngày được bồi thường chi phí đầu tư vào đất, còn lại theo mức thời gian quy định.

Cây trồng theo dự án PAM 3102; PAM 327 không được hỗ trợ chi phí đầu tư vào đất, cây trồng theo dự án PAM thì bồi thường theo chính sách của dự án PAM.

Mức thời gian được quy định cụ thể như sau:

1. Các trường hợp sử dụng đất trước thời điểm ban hành Quyết định số 60/TCCB ngày 01/02/1996 của Đại học Quốc gia Hà Nội về việc tiếp nhận Nông trường 1A về đại học Quốc gia Hà Nội.

1.1 Đất ở:

Các hộ được Nông trường 1A tạm giao đất để ở, khi kiểm đếm có nhà ở và các công trình phụ, được tính hỗ trợ đất ở. Mức hỗ trợ đất ở, theo diện tích đất thu hồi, nhưng tối đa không quá 200m²/hộ.

Các hộ được Nông trường 1A tạm giao đất ở, khi kiểm đếm không có nhà ở và các công trình phụ, không tính hỗ trợ đất ở, mà tính hỗ trợ theo đất sản xuất nông nghiệp. Riêng trường hợp là cán bộ công nhân viên Nông trường 1A, được tạm giao đất ở, nhưng do điều kiện đặc biệt chưa xây dựng nhà và công trình phụ, Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư huyện Thạch Thất xem xét hỗ trợ đất ở, trình UBND tỉnh.

Trường hợp tạm giao đất cho một chủ hộ, nhưng tự tách thành 2 hộ trở lên (Nếu được UBND xã xác nhận) đến trước thời điểm có Quyết định thu hồi đất của UBND tỉnh, thì hỗ trợ tiền đất ở, tổng các hộ không quá 200m². Nếu không được UBND xã xác nhận thì được hỗ trợ tiền đất ở cho 1 chủ hộ ban đầu.

Các hộ được Nông trường 1A giao nhiều lô đất ở, chỉ tính hỗ trợ 1 nơi ở, còn lại tính hỗ trợ theo đất sản xuất nông nghiệp.

1.2 Đất sản xuất nông nghiệp:

Thực hiện theo Quyết định số 156/2005/QĐ-UB ngày 22/02/2005 của UBND tỉnh Hà Tây thì không được bồi thường về đất, nhưng được bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại (Tính bằng 10% giá đất theo quy định của cùng vùng, cùng loại, hạng đất) và ngoài ra còn được hỗ trợ theo quy định sau :

a. Hộ gia đình, cá nhân là cán bộ công nhân viên Nông trường 1A đang làm việc hay đã nghỉ hưu, nghỉ mất sức lao động, thôi việc được hưởng trợ cấp, đang trực tiếp sản xuất nông, lâm nghiệp và hộ gia đình, cá nhân nhận khoán đang trực tiếp sản xuất nông nghiệp và có nguồn sống chủ yếu từ sản xuất nông nghiệp, với mức hỗ trợ bằng tiền tính bằng 20% giá đất quy định của cùng loại đất, hạng đất; diện tích đất tính hỗ trợ theo diện tích thực tế sử dụng, nhưng tối đa không vượt quá 5.000 m²/hộ.

b. Các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân nhận khoán không thuộc các đối tượng tại mục a nêu trên thì chỉ được bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại, mức chi phí đầu tư vào đất còn lại tính bằng 10% giá đất quy định của cùng vùng, cùng loại, hạng đất.

c. Đối với đất công của Nông trường 1A khi Nhà nước thu hồi không được bồi thường đất, nhưng được bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại, nếu chi phí này là tiền không có nguồn gốc từ ngân sách Nhà nước, mức chi phí đầu tư vào đất còn lại tính bằng 10% giá đất quy định của cùng vùng, cùng loại đất, hạng đất.

1.3 Đất chuyên dùng của Nông trường 1A, khi Nhà nước thu hồi không được bồi thường đất, nhưng được bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại, nếu

chi phí này là tiền không có nguồn gốc từ ngân sách Nhà nước, mức chi phí đầu tư vào đất còn lại được tính bằng 10% giá đất cùng loại, hạng.

2. Các trường hợp sử dụng đất của Nông trường từ thời điểm ban hành Quyết định số 60/TCCB ngày 01/02/1996 của Đại học Quốc gia Hà Nội về việc tiếp nhận Nông trường 1A về Đại học Quốc gia Hà Nội đến trước thời điểm ban hành Quyết định số 975/QĐ-UB ngày 15/7/2003 và Quyết định 874/QĐ-UB ngày 26/8/2004 của UBND tỉnh Hà Tây.

2.1 Đối với đất ở:

Các hộ được Nông trường 1A tạm giao đất ở, không được tính hỗ trợ đất ở, chỉ tính hỗ trợ như đất sản xuất nông nghiệp.

2.2 Đối với đất sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp và nuôi trồng thủy sản:

Hộ gia đình, cá nhân được giao đất trồng cây lâu năm, cây hàng năm, cây lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản, hỗ trợ bằng 80% mức hỗ trợ đất sản xuất nông nghiệp sử dụng trước ngày 01/02/1996 theo nguyên tắc nêu trên.

Tổ chức được giao đất trồng cây lâu năm, cây hàng năm, cây lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản, hỗ trợ bằng 80% mức hỗ trợ đất sản xuất nông nghiệp sử dụng trước ngày 01/02/1996 theo nguyên tắc nêu trên, nếu khoản chi phí đầu tư vào đất không có nguồn gốc từ ngân sách Nhà nước.

II. Nhà cửa, vật kiến trúc:

Ngoài những nguyên tắc quy định bồi thường hỗ trợ về tài sản, vật kiến trúc đã được quy định tại Nghị định 197/2004/NĐ-CP ngày 3/12/2004 của Chính phủ, thực hiện như sau:

- Đối với trường hợp được hỗ trợ đất ở, thì nhà cửa, vật kiến trúc trên đất được hỗ trợ 100%, theo mức giá quy định của tỉnh.
- Đối với trường hợp không được hỗ trợ đất ở, thì nhà cửa, vật kiến trúc trên đất được hỗ trợ 80%, theo mức giá quy định của tỉnh.
- Đối với tài sản của Nông trường 1A (Trụ sở, nhà xưởng, trạm biến thế, đường dây điện, các công trình ngầm...) khi tính giá trị bồi thường phải căn cứ vào hồ sơ, giá trị thực tế còn lại của công trình.

III. Cây cối, hoa màu:

- Cây trồng hiện có trên đất, tính đến ngày UBND tỉnh Hà Tây ban hành Quyết định thu hồi đất (Quyết định 975/QĐ-UB ngày 15/7/2003 và Quyết định 874/QĐ-UB ngày 26/8/2004) được bồi thường 100% theo quy định của tỉnh.

- Cây trồng theo dự án 3352 (PAM) được bồi thường theo quy định của dự án.

- Cây trồng trên đất hộ khai hoang phục hoá, được tính bồi thường, hỗ trợ theo mức giá quy định của UBND tỉnh.

IV. Các trường hợp khác:

1. Đối với các lô đất vắng chủ (không có người nhận) và các trường hợp tranh chấp, khiếu kiện thì vẫn thực hiện kiểm đếm. Số tiền hỗ trợ về đất và tài sản trên đất được gửi toàn bộ vào tài khoản của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và

tái định cư huyện Thạch Thất mở tại Kho bạc Nhà nước huyện, việc GPMB vẫn tiến hành theo quy định.

2. Tài sản, cây trồng, mô mả sau khi đã thông báo, mà không xác định được chủ thì tiền hỗ trợ được gửi toàn bộ vào tài khoản của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư huyện Thạch Thất mở tại Kho bạc Nhà nước huyện và Hội đồng bồi thường, hỗ trợ huyện Thạch Thất có trách nhiệm tổ chức di chuyển tài sản, mô mả, quản lý cây trồng, để giải phóng mặt bằng theo đúng tiến độ của dự án.

3. Đất các hộ khai hoang phục hoá, không được Nông trường 1A giao, mà hộ đang sử dụng trồng cây ăn quả, cây ngắn ngày được hỗ trợ 10% chi phí đầu tư vào đất còn lại.

Trong đó: Hộ đang sử dụng đất được hưởng 80% mức hỗ trợ,
Nông trường 1A hưởng 20% mức hỗ trợ.

4. Trường hợp đất sản xuất, được Nông trường 1A giao cho hộ sử dụng trên đất rừng (PAM), đã có quyết định thanh lý của cấp có thẩm quyền, được tính bồi thường, hỗ trợ như đất được nông trường giao.

5. Các trường hợp mua bán, chuyển nhượng trước thời điểm Quyết định số 60/TCCB chỉ có chữ ký của người bán và người mua (Có giấy tạm giao đất của chủ cũ kèm theo), nay được Nông trường 1A xác nhận là đất không có tranh chấp, hỗ trợ cho chủ mới 10% chi phí đầu tư vào đất còn lại. Các trường hợp mua, bán, chuyển nhượng sau thời điểm Quyết định số 60/TCCB, không được hỗ trợ chi phí đầu tư vào đất còn lại.

6. Toàn bộ tiền hỗ trợ chi phí đầu tư vào đất và tiền bồi thường tài sản trên đất của Nông trường phải được đưa vào nguồn vốn của Nông trường, để xem xét xử lý khi giải thể doanh nghiệp.

C. Giá bồi thường, hỗ trợ GPMB:

I. hỗ trợ về đất:

1. Đất ở:

Thực hiện Quyết định số 1545/2004/QĐ-UB ngày 31/12/2004 của UBND tỉnh Hà Tây, đất ở của các hộ bị thu hồi thuộc Nông trường 1A, được hỗ trợ bằng mức giá đất ở nông thôn vùng trung du.

2. Đất sản xuất nông nghiệp:

2.1 Đất sản xuất nông nghiệp sử dụng trước ngày 01/02/1996:

Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất nông nghiệp, lâm nghiệp của Nông trường 1A, bị dự án thu hồi được hỗ trợ trên cơ sở đơn giá đất nông nghiệp hạng 2 vùng trung du, cụ thể như sau:

2.1.1 Đất trồng cây lâu năm, thực hiện Quyết định số 1545/2004/QĐ-UB ngày 31/12/2004 của UBND tỉnh Hà Tây.

- Mức bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại 10% = 5.147 đồng/m².

- Diện tích hỗ trợ thêm cho đối tượng là công nhân Nông trường 1A đang làm việc hay đã nghỉ hưu, nghỉ mất sức lao động, thôi việc được hưởng trợ cấp đang trực tiếp sản xuất nông, lâm nghiệp và hộ gia đình, cá nhân nhận khoán

đang trực tiếp sản xuất nông nghiệp và có nguồn sống chủ yếu từ sản xuất nông nghiệp với mức hỗ trợ bằng 20% giá đất nông nghiệp hạng 2 = 10.294 đồng/m²; diện tích đất hỗ trợ tính theo thực tế sử dụng, nhưng tối đa không quá 5.000m²/hộ. Trường hợp tổng diện tích đất trồng cây lâu năm của hộ bị thu hồi nhỏ hơn 5.000m² thì được tính hỗ trợ cả diện tích đất trồng cây ngắn ngày và diện tích đất rừng được giao bị thu hồi, nhưng tổng diện tích các loại đất hỗ trợ không vượt quá 5.000m²/hộ.

2.1.2 Đất trồng cây hàng năm, cây ngắn ngày, đất nuôi trồng thủy sản thực hiện theo Quyết định số 1545/2004/QĐ-UB ngày 31/12/2004 của UBND tỉnh.

- Mức bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại 10% = 4.412 đồng/m².

2.1.3 Đất rừng, thực hiện Quyết định 1545/2004/QĐ-UB ngày 31/12/2004 của UBND tỉnh Hà Tây.

- Mức bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại 10% = 1.961 đồng/m².

2.1.4 Đất giao thuê có hợp đồng cho hộ sản xuất, cho hộ hưởng mức bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại là 10% đơn giá của từng loại đất quy định tại biểu 1,2,3,4 Quyết định số 1545/2004/QĐ-UB ngày 31/12/2004 của UBND tỉnh Hà Tây.

2.1.4 Đất công của Nông trường 1A mức tính bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại bằng 10% đơn giá của từng loại đất quy định tại biểu 1,2,3,4 Quyết định số 1545/2004/QĐ-UB ngày 31/12/2004 của UBND tỉnh Hà Tây.

2.2 Đất sử dụng sau ngày 01/02/1996 đến ngày 15/7/2003 và đến ngày 26/8/2004:

2.2.1 Đất ở: Mức hỗ trợ như đất sản xuất nông nghiệp.

2.2.2 Đất sản xuất nông nghiệp:

Mức bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại và hỗ trợ về đất tính bằng 80% mức hỗ trợ của sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp đối với đất sử dụng trước ngày 01/02/1996, phần còn lại 20% hỗ trợ cho Nông trường 1A.

II. Giá bồi thường, hỗ trợ về nhà, vật kiến trúc và cây cối hoa màu:

Thực hiện theo giá quy định tại Quyết định số 71/2005/QĐ-UB ngày 24/01/2005 của UBND tỉnh Hà Tây về việc quy định giá bồi thường, hỗ trợ GPMB đối với nhà, vật kiến trúc, cây, hoa màu trên địa bàn tỉnh Hà Tây; Hướng dẫn số 414/HD/LS ngày 24/3/2005 của Liên Sở Tài chính, Xây dựng, Nông nghiệp về việc hướng dẫn thực hiện quyết định số 71/2005/QĐ-UB ngày 24/01/2005 và các quy định hiện hành.

Các loại tài sản, cây cối hoa màu không có trong đơn giá Quyết định 71/2005/QĐ-UB ngày 24/01/2005 thì xem xét vận dụng ở mức giá trị tương đương theo giá các loại cây trồng, vật kiến trúc. Trường hợp tài sản có giá trị quá khác biệt so với giá quy định thì Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư huyện xây dựng đơn giá, báo cáo Hội đồng thẩm định tỉnh, trình UBND tỉnh phê duyệt.

D. Các khoản hỗ trợ:

Ngoài các quy định về hỗ trợ đã được quy định theo Quyết định số 156/2005/QĐ-UB ngày 22/02/2005 của UBND tỉnh Hà Tây, được hỗ trợ cụ thể như sau:

Hỗ trợ trong thời gian chờ tạo lập lại chỗ ở mới (Bố trí tái định cư) được bố trí vào nhà ở tạm hoặc hỗ trợ tiền thuê nhà ở thời gian = 12 tháng.

Mức hỗ trợ tiền thuê nhà là 400.000đồng/tháng/hộ.

Tính pháp lý về đất, khối lượng tài sản bồi thường, hỗ trợ GPMB do Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư huyện Thạch Thất cùng Ban quản lý dự án chịu trách nhiệm.

Điều 2: Nguồn kinh phí : Lấy từ kinh phí GPMB theo dự án xây dựng Đại học Quốc gia Hà Nội được duyệt.

Điều 3: Thủ trưởng các ngành: Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Nông nghiệp-PTNT, Giao thông vận tải, Hội đồng Thẩm định bồi thường GPMB tỉnh, UBND huyện Thạch Thất, Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư huyện Thạch Thất, Ban quản lý dự án xây dựng Đại học Quốc gia Hà Nội, các ngành, các cấp có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định kể từ ngày ký.

Nơi nhận :

- Bộ Tài chính,
- Đại học Quốc gia Hà Nội,
- CT, các PCT UBND tỉnh,
- Như Điều 3,
- Chánh, Phó văn phòng,
- TM: XD, NL, TH, GT, CN,
- Lưu VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TÂY
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC



Nguyễn Đỗ Nghiêm

K/g - *Phó Phạm Trọng Quát*
(Đề báo cáo)
- Ban KHC (Đầu mối xử lý)
- Ban TCS, QLCOA Hòa Lạc
(Phân loại)
- Ban Thay thế (Đề tổng báo)
- Vụ trưởng IA (Đề tổng báo)
duy

UỶ BAN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TÂY

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1481 /QĐ-UBND

Hà Đông, ngày 19 tháng 10 năm 2005

QUYẾT ĐỊNH

V/v phê duyệt dự toán kinh phí bồi thường, hỗ trợ GPMB lô 1,2,3 dự án xây dựng Đại học Quốc gia Hà Nội tại Hoà Lạc, huyện Thạch Thất, tỉnh Hà Tây

CHỦ TỊCH UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TÂY

Căn cứ Nghị định 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư 116/2004/TT-BTC ngày 07/12/2004 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Xét Tờ trình số 1888/TT-TC ngày 10/10/2005 của Sở Tài chính về việc đề nghị phê duyệt dự toán kinh phí bồi thường, hỗ trợ GPMB lô 1,2,3 dự án xây dựng Đại học Quốc gia Hà Nội tại Hoà Lạc, huyện Thạch Thất, tỉnh Hà Tây.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự toán kinh phí bồi thường, hỗ trợ GPMB lô 1,2,3 dự án xây dựng Đại học Quốc gia Hà Nội tại Hoà Lạc, huyện Thạch Thất, tỉnh Hà Tây như sau:

I/ Nguyên tắc về bồi thường, hỗ trợ GPMB:

Thực hiện theo Quyết định số 448/QĐ-UB ngày 5/5/2005 của UBND tỉnh Hà Tây phê duyệt phương án giá bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án xây dựng Đại học Quốc gia Hà Nội.

1. Tổ chức, cá nhân có đất bị thu hồi :

- Các tổ chức, cá nhân có đất bị thu hồi sau khi nhận tiền bồi thường, hỗ trợ GPMB phải tháo dỡ, di chuyển các công trình, vật kiến trúc (không được tính chi phí tháo dỡ); nếu không tự tháo dỡ, di chuyển, UBND huyện Thạch Thất chỉ đạo tổ chức tháo dỡ để bàn giao mặt bằng theo tiến độ của dự án. Riêng cây xanh, các hộ gia đình, các đơn vị phải giữ nguyên hiện trạng, không được chặt hạ cây cối để bảo vệ cảnh quan, môi trường đồng thời giao lại mặt bằng đúng tiến độ cho Chủ dự án quản lý, sử dụng theo quy hoạch.

2. Bổ sung điểm 1.1 khoản 1 mục I phần B, Quyết định 448-QĐ/UB ngày 5/5/2005 của UBND tỉnh như sau:

Đất ở: Các hộ được Nông trường 1A tạm giao đất để ở (trước thời điểm ban hành Quyết định số 60/TCCB ngày 01/02/1996), khi kiểm đếm cổ nhà ở, các công trình phụ hiện tại gia đình đang ở được tính hỗ trợ như đất ở theo diện tích thu hồi, nhưng tối đa không quá 200m²/hộ. Các trường hợp còn lại tính như đất nông nghiệp.

II. Giá bồi thường, hỗ trợ:

1. Hỗ trợ về đất:

Thực hiện theo Quyết định số 1545/2005/QĐ-UB ngày 31/12/2005 của UBND tỉnh về việc ban hành giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Hà Tây.

1.1 Hỗ trợ về đất ở:

Đất ở của các hộ bị thu hồi thuộc Nông trường 1A được hỗ trợ bằng mức giá đất ở nông thôn vùng trung du, khu vực 2 là: 280.000đ/m²

1.2 Đối với đất sản xuất nông nghiệp:

- Sử dụng trước ngày 01/02/1996:

+ Đất trồng cây lâu năm:

Mức bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại (10%) = 5.147 đồng/m²;

+ Đất trồng cây hàng năm, cây ngắn ngày, Đất nuôi trồng thủy sản:

Mức bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại (10%) = 4.412đ/m²;

- Hỗ trợ cho hộ gia đình, cá nhân là cán bộ công nhân viên Nông trường 1A đang làm việc hoặc đã nghỉ hưu; nghỉ mất sức lao động, thời việc được hưởng trợ cấp, đang trực tiếp sản xuất nông nghiệp và có nguồn sống chủ yếu từ sản xuất nông nghiệp với mức hỗ trợ bằng tiền, tính bằng 20% giá đất trồng cây lâu năm hạng 2 là 10.294 đồng/m², diện tích đất tính hỗ trợ không quá 5.000 m²/hộ.

- Sử dụng từ ngày 01/02/1996 đến ngày 15/7/2003 (theo Quyết định thu hồi đất số 975/QĐ-UB) và đến ngày 26/8/2004 (theo Quyết định thu hồi đất số 874/QĐ-UB):

+ Đất ở: Mức hỗ trợ như đất nông nghiệp = 5.147 đồng/m²;

+ Đất sản xuất nông nghiệp: Mức bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại là 5.147 đ/m²; hộ, cá nhân sản xuất được hưởng 4.117,6 đ/m² (80%), Nông trường 1A được hưởng 1.029,4 đ/m² (20%).

1.3 Đất giao thầu có hợp đồng cho hộ sản xuất:

- Sử dụng trước ngày 01/02/1996:

+ Đất trồng cây lâu năm = 5.147 đồng/m²;

+ Đất trồng cây hàng năm = 4.412đ/m²;

1.4 Đất ngoài diện tích được giao:

+ Đất sản xuất nông nghiệp: Mức bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại là 5.147 đ/m²; hộ, cá nhân sản xuất được hưởng 4.117,6 đ/m² (80%), Nông trường 1A được hưởng 1.029,4 đ/m² (20%).

2. Giá bồi thường, hỗ trợ nhà, vật kiến trúc, cây, hoa màu:

Thực hiện theo Quyết định số 71/2005/QĐ-UB ngày 24/01/2005 của UBND tỉnh Hà Tây về việc quy định giá bồi thường, hỗ trợ GPMB đối với nhà, vật kiến trúc, cây, hoa màu trên địa bàn tỉnh Hà Tây.

3. Chính sách hỗ trợ:

Thực hiện theo Quyết định số 156/2005/QĐ-UB ngày 22/02/2005 của UBND tỉnh Hà Tây ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh, cụ thể như sau:

- Hỗ trợ cho hộ phải di chuyển chỗ ở trong phạm vi tỉnh: 3.000.000 đ/hộ.
- Hỗ trợ một năm tiền thuê nhà cho hộ phải di chuyển chỗ ở: 4.800.000đ/hộ
- Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất: Đối với cán bộ công nhân viên Nông trường có nguồn sống chủ yếu từ sản xuất nông nghiệp, mức hỗ trợ là 2000 đ/m², tối đa không quá 2.200.000 đ/hộ.

- Hỗ trợ chuyển đổi nghề và tạo việc làm: Đối với số cán bộ công nhân viên thuộc Nông trường 1A, còn trong độ tuổi lao động nhưng không được tiếp nhận vào làm việc tại Đại học Quốc gia Hà Nội, được hỗ trợ chuyển đổi nghề và tạo việc làm, mức hỗ trợ là 10.000 đ/m²; mức hỗ trợ tối đa không quá 20.000.000 đ/hộ.

- Hỗ trợ bàn giao mặt bằng đúng tiến độ mức hỗ trợ là 3.000 đ/m², tối đa không quá 3.000.000 đ/hộ.

III. Dự toán kinh phí bồi thường, hỗ trợ GPMB

Đơn vị tính: đồng

TT	Danh mục	Dự toán kinh phí
1	Bồi thường, hỗ trợ về đất về đất	12.290.580.158
	1.1 Đất ở	1.686.358.367
	+ Đất có nhà(đang ở)	1.632.232.000
	+ Đất có nhà(không ở)	24.242.370
	+ Đất có nhà(không có nhà và công trình phụ)	29.883.997
	1.2 Đất sản xuất nông nghiệp	10.357.287.542
	- Sử dụng trước ngày 01/02/1996	8.745.472.831
	+ Đất trồng cây lâu năm	3.790.004.259
	+ Đất trồng cây ngắn ngày	391.509.409
	+ Hỗ trợ 20% cho công nhân Nông trường 1A	4.563.959.163
	- Sử dụng từ ngày 01/02/1996 đến ngày 15/7/2003	1.611.814.693
	+ Đất trồng cây lâu năm	284.097.415
	+ Đất trồng cây ngắn ngày	1.327.717.278
	1.3 Đất giao thầu có hợp đồng cho hộ sản xuất	176.163.532
	- Sử dụng trước ngày 01/02/1996	78.959.349
	+ Đất trồng cây lâu năm	71.666.313
	+ Đất trồng cây ngắn ngày	7.293.036
	- Sử dụng từ ngày 01/02/1996 đến ngày 15/7/2003	97.204.183
	+ Đất trồng cây lâu năm	97.204.183
	1.4 Đất ngoài diện tích được giao	70.770.735
	- Đất trồng cây lâu năm	70.770.735
2	Bồi thường, hỗ trợ nhà, vật kiến trúc	3.760.667.008
3	Bồi thường, hỗ trợ cây, hoa màu	22.451.113.950
4	Các khoản hỗ trợ	6.767.976.452
	- Hỗ trợ bàn giao mặt bằng đúng tiến độ	818.865.000
	- Hỗ trợ di chuyển toàn bộ công trình, vật kiến trúc	111.000.000

<i>(tiếp trang 3)</i>	
- Hỗ trợ tiền thuê nhà 01 nam	177.600.000
- Hỗ trợ cải tạo đất (san lấp)	1.245.777.300
- Hỗ trợ ổn định cuộc sống	450.154.552
- Hỗ trợ đào tạo nghề	3.964.579.600
Cộng (1+2+3+4)	45.270.337.568
5	Chỉ phí phục vụ công tác GPMB
Hội đồng bồi thường, HT&TĐC huyện Thạch thất	905.406.000
Hội đồng thẩm định tính	860.136.000
	45.270.000
Cộng (1+2+3+4+5)	46.175.743.568

Tổng dự toán kinh phí bồi thường, hỗ trợ (làm tròn): 46.175.744.000 đồng
(Bốn sáu tỷ một trăm bảy mươi bảy triệu bảy trăm bốn mươi bốn ngàn đồng chẵn)

Chi tiết dự toán bồi thường, hỗ trợ như phụ lục kèm theo Tờ trình số 1888/TT-TC ngày 10/10/2005 của sở Tài chính

Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư huyện Thạch Thất chịu trách nhiệm về tính chính xác, hợp lý của số liệu kiểm kê, tính pháp lý về đất đai, tài sản được bồi thường, hỗ trợ hoặc không được bồi thường, hỗ trợ.

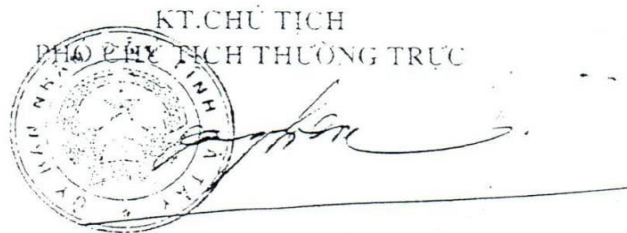
Điều 2. Nguồn kinh phí do chủ đầu tư dự án có trách nhiệm cấp.

Điều 3. Thủ trưởng các ngành: Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Nông nghiệp và PTNT, Hội đồng thẩm định tính, UBND huyện Thạch Thất, Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư huyện Thạch Thất, Ban quản lý dự án Đại học Quốc gia Hà Nội, các cấp các ngành và cá nhân có liên quan căn cứ quyết định thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch, Các PCT UBND tỉnh
- Như Điều 3.
- C/P VP.
- GPMB, TMI, TNMT, TIL, XD.
- Lưu: VT.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC



**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN THẠCH THẤT**

Số: 1036/SY-UB

Nơi nhận:

- Chủ tịch, PCT UBND huyện.
- Phòng TNMT, HTKT, TCKH.
- Ban GPMB huyện (4b).
- C/P VP HĐND – UBND huyện.
- Lưu. (12b)

SAO Y BẢN CHÍNH
Thạch Thất, ngày 28 tháng 10 năm 2005

TL. CHỦ TỊCH
CHỖ NẾP VĂN PHÒNG



Chữ Đại Thành

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TÂY

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 478 /QĐ-UBND

Hà Đông, ngày 27 tháng 3 năm 2006

QUYẾT ĐỊNH

phê duyệt dự toán kinh phí bồi thường, hỗ trợ GPMB lô 4,5,6,16,17
dự án xây dựng Đại học Quốc gia Hà Nội tại Hoà Lạc,
huyện Thạch Thất, tỉnh Hà Tây

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TÂY

Căn cứ Nghị định 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư 116/2004/TT-BTC ngày 07/12/2004 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Xét Tờ trình số 306/TT-TC ngày 23/02/2006 của Sở Tài chính về việc đề nghị phê duyệt dự toán kinh phí bồi thường, hỗ trợ GPMB lô 4, 5, 6, 16, 17 dự án xây dựng Đại học Quốc gia Hà Nội tại Hoà Lạc, huyện Thạch Thất, tỉnh Hà Tây,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự toán kinh phí bồi thường, hỗ trợ GPMB lô 4, 5, 6, 16, 17 dự án xây dựng Đại học Quốc gia Hà Nội tại Hoà Lạc, huyện Thạch Thất, tỉnh Hà Tây như sau:

I. Nguyên tắc về bồi thường, hỗ trợ GPMB:

Thực hiện theo Quyết định số 448/QĐ-UB ngày 5/5/2005 của UBND tỉnh Hà Tây phê duyệt phương án giá bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án xây dựng Đại học Quốc gia Hà Nội.

1. Tổ chức, cá nhân có đất bị thu hồi :

- Các tổ chức, cá nhân có đất bị thu hồi sau khi nhận tiền bồi thường, hỗ trợ GPMB phải tháo dỡ, di chuyển các công trình, vật kiến trúc (không được tính chi phí tháo dỡ); nếu không tự tháo dỡ, di chuyển, UBND huyện Thạch Thất chỉ đạo tổ chức tháo dỡ để bàn giao mặt bằng theo tiến độ của dự án. Riêng cây xanh, các hộ gia đình, các đơn vị phải giữ nguyên hiện trạng, không được chặt hạ cây cối để bảo vệ cảnh quan, môi trường đồng thời giao lại mặt bằng đúng tiến độ cho Chủ dự án quản lý, sử dụng theo quy hoạch.

2. Bổ sung điểm 1.1 khoản 1 mục I phần B, Quyết định 448-QĐ/UB ngày 5/5/2005 của UBND tỉnh như sau:

Đất ở: Các hộ được Nông trường 1A tạm giao đất để ở (trước thời điểm ban hành Quyết định số 60/TCCB ngày 01/02/1996), khi kiểm đếm có nhà ở, các công

CÔNG VĂN ĐẾN
Số 947
28/3/06
A. Hoà Lạc
Sở giao
Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tây
Chi cục
Đất đai

trình phụ hiện tại gia đình đang ở được tính hỗ trợ như đất ở theo diện tích thu hồi, nhưng tối đa không quá 200m²/hộ. Các trường hợp còn lại tính như đất nông nghiệp.

II. Giá bồi thường, hỗ trợ:

1. Hỗ trợ về đất:

Thực hiện theo Quyết định số 1545/2005/QĐ-UB ngày 31/12/2005 của UBND tỉnh về việc ban hành giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Hà Tây.

1.1 Hỗ trợ về đất ở:

Đất ở của các hộ bị thu hồi thuộc Nông trường 1A được hỗ trợ bằng mức giá đất ở nông thôn vùng trung du, khu vực 2 là: 280.000đ/m²

1.2 Đối với đất sản xuất nông nghiệp:

- Sử dụng trước ngày 01/02/1996:

+ Đất trồng cây lâu năm:

Mức bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại (10%) = 5.147 đồng/m².

+ Đất trồng cây hàng năm, cây ngắn ngày, Đất nuôi trồng thủy sản:

Mức bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại (10%) = 4.412đ/m².

- Hỗ trợ cho hộ gia đình, cá nhân là cán bộ công nhân viên Nông trường 1A đang làm việc hoặc đã nghỉ hưu; nghỉ mất sức lao động, thôi việc được hưởng trợ cấp, đang trực tiếp sản xuất nông nghiệp và có nguồn sống chủ yếu từ sản xuất nông nghiệp với mức hỗ trợ bằng tiền, tính bằng 20% giá đất trồng cây lâu năm hạng 2 là 10.294 đồng/m², diện tích đất tính hỗ trợ không quá 5.000 m²/hộ.

- Sử dụng từ ngày 01/02/1996 đến ngày 15/7/2003 (theo Quyết định thu hồi đất số 975/QĐ-UB) và đến ngày 26/8/2004 (theo Quyết định thu hồi đất số 874/QĐ-UB):

+ Đất ở: Mức hỗ trợ như đất nông nghiệp = 5.147 đồng/m².

+ Đất sản xuất nông nghiệp: Mức bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại là 5.147 đ/m²; hộ, cá nhân sản xuất được hưởng 4.117,6 đ/m² (80%), Nông trường 1A được hưởng 1.029,4 đ/m² (20%).

1.3 Đất giao thầu có hợp đồng cho hộ sản xuất:

- Sử dụng trước ngày 01/02/1996:

+ Đất trồng cây lâu năm = 5.147 đồng/m².

+ Đất trồng cây hàng năm = 4.412đ/m².

1.4 Đất ngoài diện tích được giao:

+ Đất trồng cây lâu năm: Mức bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại là 5.147 đ/m²; hộ, cá nhân sản xuất được hưởng 4.117,6 đ/m² (80%), Nông trường 1A được hưởng 1.029,4 đ/m² (20%).

+ Đất trồng cây hàng năm: Mức bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại là 4.412 đ/m²; hộ, cá nhân sản xuất được hưởng 3.529,6 đ/m² (80%), Nông trường 1A được hưởng 882,4 đ/m² (20%).

1.5 Đất rừng: Mức bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại là 1.961 đ/m²(không hỗ trợ chi phí đầu tư vào đất trồng cây theo dự án PAM)

2. Giá bồi thường, hỗ trợ nhà, vật kiến trúc, cây, hoa màu:

Thực hiện theo Quyết định số 71/2005/QĐ-UB ngày 24/01/2005 của UBND tỉnh Hà Tây về việc quy định giá bồi thường, hỗ trợ GPMB đối với nhà, vật kiến trúc, cây, hoa màu trên địa bàn tỉnh Hà Tây, trong đó

- Hộ có đề án chuyển đổi cơ cấu vật nuôi, cây trồng được cấp có thẩm quyền phê duyệt được bồi thường chi phí đào đắp ao.

- Cây trồng theo dự án PAM thực hiện theo chính sách của dự án PAM.

3. Chính sách hỗ trợ:

Thực hiện theo Quyết định số 289/2006/QĐ-UBND ngày 20/02/2006 của UBND tỉnh Hà Tây ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh, cụ thể như sau:

- Hỗ trợ cho hộ phải di chuyển chỗ ở trong phạm vi tỉnh: 3.000.000 đ/hộ.

- Hỗ trợ một năm tiền thuê nhà cho hộ phải di chuyển chỗ ở: 4.800.000đ/hộ

- Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất: Đối với cán bộ công nhân viên Nông trường có nguồn sống chủ yếu từ sản xuất nông nghiệp, mức hỗ trợ là 2000 đ/m², tối đa không quá 2.200.000 đ/hộ.

- Hỗ trợ chuyển đổi nghề và tạo việc làm: Đối với số cán bộ công nhân viên thuộc Nông trường 1A, còn trong độ tuổi lao động nhưng không được tiếp nhận vào làm việc tại Đại học Quốc gia Hà Nội, được hỗ trợ chuyển đổi nghề và tạo việc làm, mức hỗ trợ là 10.000 đ/m²; mức hỗ trợ tối đa không quá 20.000.000 đ/hộ.

- Hỗ trợ bàn giao mặt bằng đúng tiến độ mức hỗ trợ là 3.000 đ/m², tối đa không quá 3.000.000 đ/hộ.

- Hỗ trợ công san lấp cải tạo đất 1.000 đ/m²

III. Dự toán kinh phí bồi thường, hỗ trợ GPMB

		<i>Đơn vị tính: đồng</i>
TT	Danh mục	Dự toán kinh phí
1	Bồi thường, hỗ trợ về đất về đất	9.350.437.359
	1.1 Đất ở	2.186.014.088
	- Giao trước ngày 01/02/1996	2.185.190.568
	+ Đất có nhà và công trình phụ(đang ở)	2.144.800.000
	+ Đất có nhà và công trình phụ(không ở)	14.411.600
	+ Đất ở(không có nhà và công trình phụ)	25.978.968
	- Giao sau ngày 01/02/1996 đến 15/7/2003	823.520
	1.2 Đất sản xuất nông nghiệp	6.818.235.144
	- Sử dụng trước ngày 01/02/1996	5.882.124.694
	+ Đất trồng cây lâu năm	2.800.280.835
	+ Đất trồng cây ngắn ngày	25.526.950
	+ Hỗ trợ 20% cho công nhân Nông trường 1A	3.056.316.909
	- Sử dụng từ ngày 01/02/1996 đến ngày 15/7/2003	936.110.450
	+ Đất trồng cây lâu năm	106.539.297
	+ Đất trồng cây ngắn ngày	829.571.153
	1.3 Đất giao thầu có hợp đồng cho hộ sản xuất	17.574.432
	1.4 Đất công nông trường 1A	328.613.697
	- Đất trồng cây lâu năm	20.227.195

	- Đất trồng cây ngắn ngày	56.929.801
	- Đất rừng	136.390.884
	- Đất chuyên dùng	115.065.817
2	Bồi thường, hỗ trợ nhà, vật kiến trúc	2.748.952.490
3	Bồi thường, hỗ trợ cây, hoa màu	15.991.532.080
4	Các khoản hỗ trợ	4.156.213.768
	- Hỗ trợ bàn giao mặt bằng đúng tiến độ	488.424.000
	- Hỗ trợ di chuyển toàn bộ công trình, vật kiến trúc	177.000.000
	- Hỗ trợ tiền thuê nhà 01 năm	211.200.000
	- Hỗ trợ cải tạo đất(san lấp)	886.434.800
	- Hỗ trợ ổn định cuộc sống	260.586.568
	- Hỗ trợ đào tạo nghề	2.132.568.400
	Cộng(1+2+3+4)	32.247.135.697
5	Chi phí phục vụ công tác GPMB	644.943.000
	Hội đồng bồi thường, HT&TĐC huyện Thạch thất	612.696.000
	Hội đồng thẩm định tỉnh	32.247.000
	Cộng (1+2+3+4+5)	32.892.078.697

Tổng dự toán kinh phí bồi thường, hỗ trợ(làm tròn): 32.892.079.000 đồng
(Ba hai tỷ, tám trăm chín hai triệu, không trăm bảy chín ngàn đồng chẵn)

Chi tiết dự toán bồi thường, hỗ trợ như phụ lục kèm theo Tờ trình số 306/TT-TC ngày 23/02/2006 của sở Tài chính

Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư huyện Thạch Thất chịu trách nhiệm về tính chính xác, hợp lý của số liệu kiểm kê, tính pháp lý về đất đai, tài sản được bồi thường, hỗ trợ hoặc không được bồi thường, hỗ trợ.

Điều 2. Nguồn kinh phí do chủ đầu tư dự án có trách nhiệm cấp.

Điều 3. Thủ trưởng các ngành: Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Nông nghiệp và PTNT, Hội đồng thẩm định tỉnh, UBND huyện Thạch Thất, Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư huyện Thạch Thất, Ban quản lý dự án Đại học Quốc gia Hà nội, các cấp các ngành và cá nhân có liên quan căn cứ quyết định thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch, Các PCT UBND tỉnh
- Như Điều 3;
- C/P VP;
- GPMB, TM, TNMT, TH, XD; Quyền số 21/TP/CC-SCT/SG
- Lưu: VT. 23

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC
CHUNG THỰC
SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực... Quyển số 21/TP/CC-SCT/SG
Thạch thất, ngày 12 tháng 02 năm 2006



Nguyễn Đỗ Nghiêm

TUỶ CẢ CHỈ TRỊ UBND HUYỆN
THẠCH THẤT
Nguyễn Như Bạt

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TÂY

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 558 /QĐ-UBND

Hà Đông, ngày 04 tháng 4 năm 2007

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt dự toán kinh phí bồi thường, hỗ trợ GPMB
lô 4,5,6,16,17 (đợt 2) dự án đầu tư xây dựng Đại học Quốc gia Hà Nội
tại Hòa Lạc, huyện Thạch Thất, tỉnh Hà Tây

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TÂY

Căn cứ Nghị định 197/2004/NĐ-CP ngày 03 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư 116/2004/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2004 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Xét đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 569/TT-Tr-BG ngày 26 tháng 3 năm 2007 về việc phê duyệt dự toán kinh phí bồi thường, hỗ trợ GPMB lô 4,5,6,16,17 (đợt 2) dự án xây dựng Đại học Quốc gia Hà Nội tại Hòa Lạc, huyện Thạch Thất, tỉnh Hà Tây,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự toán kinh phí bồi thường, hỗ trợ GPMB lô 4,5,6,16,17 (đợt 2) dự án xây dựng Đại học Quốc gia Hà Nội tại Hòa Lạc, huyện Thạch Thất, tỉnh Hà Tây như sau:

I. Quy định về bồi thường, hỗ trợ.

1. Nguyên tắc bồi thường:

Thực hiện các quyết định: Quyết định số 488 /QĐ-UBND ngày 05/5/2005; Quyết định số 1031/QĐ-UBND ngày 12/6/2006; Quyết định số 1734/QĐ-UBND ngày 16/10/2006 của UBND tỉnh Hà Tây về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB lô 4,5,6,16,17 dự án xây dựng Đại học Quốc gia Hà Nội tại Hòa Lạc.

2. Bồi thường, hỗ trợ một số loại đất cụ thể như sau:

- Đất sông suối tự nhiên không được bồi thường, hỗ trợ.
- Các hộ nhận đất trồng lúa, đất rừng sản xuất do Nông trường giao, được bồi thường chi phí đầu tư vào đất bằng 10% giá bồi thường.
- Diện tích 45.008,3m² (yêu cầu Hội đồng BTTTT&TĐC huyện Thạch Thất xác định rõ mục đích sử dụng và chỉ được bồi thường nếu là đất giao thông thủy lợi phục vụ sản-xuất nông nghiệp); Diện tích đất XD/CB (14.951,7m²) được xem xét bồi thường chi phí đầu tư vào đất nếu chi phí đó không có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước.

II. Dự toán kinh phí bồi thường, hỗ trợ GPMB.

I. Bồi thường, hỗ trợ về đất

10.350.751.514 đồng

2

2. Bồi thường, hỗ trợ nhà, vật kiến trúc	6.827.307.677 đồng
3. Bồi thường cây, hoa màu	20.804.605.690 đồng
4. Các chính sách hỗ trợ	6.647.095.460 đồng
Cộng DT kinh phí BTHT (1+2+3+4)	44.629.760.341 đồng
5. Chi phí phục vụ công tác GPMB	892.600.000 đồng
a) Hội đồng BTHT&TĐC huyện	758.710.000 đồng
b) Hội đồng thẩm định GPMB tỉnh	133.890.000 đồng
6. Dự phòng 5%	2.231.490.000 đồng
Tổng cộng (1+2+3+4+5+6)	47.753.850.341 đồng

Tổng DT kinh phí BTHT GPMB (làm tròn): 47.753.850.000 đồng.
(Bốn bảy tỷ, bảy trăm năm ba triệu, tám trăm năm mươi ngàn đồng chẵn).

Chi tiết dự toán kinh phí bồi thường, hỗ trợ như phụ lục kèm theo Tờ trình số 569/TTTr-BG ngày 26 tháng 3 năm 2007 của Sở Tài chính.

Hội đồng bồi thường hỗ trợ và tái định cư huyện Thạch Thất chịu trách nhiệm về tính chính xác, hợp lý của số liệu kiểm kê, tính pháp lý về đất đai, tài sản được bồi thường, hỗ trợ hoặc không được bồi thường, hỗ trợ.

Điều 2. Nguồn kinh phí do Chủ đầu tư dự án có trách nhiệm cấp.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Thụ trách các ngành: Văn phòng UBND tỉnh, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Xây dựng, Giao Thông Vận tải, Hội đồng thẩm định GPMB tỉnh, UBND huyện Thạch Thất, Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư huyện Thạch Thất, Ban Quản lý dự án Đại học Quốc gia Hà Nội- Trường Đại học Quốc gia Hà Nội, Khoa học Nhà nước tỉnh, các cơ quan, đơn vị, các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Chánh VP, Phó VP (Ô Cơ);
- TT 2, CNXD 1,2,5;
- Trung tâm Công báo;
- Lưu. VT.KT2(2b).

28

**KT. CHỦ TỊCH
PHÒNG CHỦ TỊCH**



Nguyễn Huy Tường

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN THẠCH THẤT**

Số: 550/SY-UBND

Nơi nhận:

- Chủ tịch, PCT UBND huyện.
- Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện.
- Ban bồi thường GPMB huyện.
- UBND xã Thạch Hòa.
- C/P VP UBND - UBND huyện.
- Lưu.

(10 b)

SAO Y BẢN CHÍNH
 Thạch Thất, ngày 16 tháng 4 năm 2007
**TL. CHỦ TỊCH
CHỖ VĂN PHÒNG**



Chu Đại Thành

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TÂY

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1913 /QĐ-UBND

Hà Đông, ngày 19 tháng 10 năm 2007

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt dự toán kinh phí bồi thường, hỗ trợ GPMB
lô 4, 5, 6, 16, 17 (đợt 3) dự án đầu tư xây dựng Đại học Quốc gia Hà Nội
tại Hòa Lạc, huyện Thạch Thất, tỉnh Hà Tây

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TÂY

Căn cứ Nghị định 197/2004/NĐ-CP ngày 03 tháng 12 năm 2004 của
Chính phủ về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư 116/2004/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2004 của Bộ
Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03 tháng 12
năm 2004 của Chính phủ về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu
hồi đất;

Xét đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 2092/TTr-BG ngày 11 tháng
10 năm 2007 về việc phê duyệt dự toán kinh phí bồi thường, hỗ trợ GPMB lô 4,
5, 6, 16, 17 (đợt 3) dự án đầu tư xây dựng Đại học Quốc gia Hà Nội tại Hòa Lạc,
huyện Thạch Thất, tỉnh Hà Tây,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự toán kinh phí bồi thường, hỗ trợ GPMB lô 4, 5, 6,
16, 17 (đợt 3) dự án đầu tư xây dựng Đại học Quốc gia Hà Nội tại Hòa Lạc,
huyện Thạch Thất, tỉnh Hà Tây như sau:

I. Phương án bồi thường, hỗ trợ

Thực hiện theo Quyết định số 488/QĐ-UB ngày 05/5/2005 của UBND tỉnh
Hà Tây về việc phê duyệt phương án giá bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để thực
hiện dự án đầu tư xây dựng Đại học Quốc gia (ĐHQG) Hà Nội thuộc địa bàn
huyện Thạch Thất và Quyết định số 1031/QĐ-UBND ngày 12/6/2006 của UBND
tỉnh Hà Tây về việc phê duyệt điều chỉnh phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB dự
án xây dựng ĐHQG Hà Nội thuộc địa bàn huyện Thạch Thất. Giá bồi thường hỗ
trợ về đất, tài sản, nhà, vật kiến trúc, cây, hoa màu thực hiện theo các Quyết định
của UBND tỉnh đang có hiệu lực thi hành tại thời điểm bồi thường, hỗ trợ.

II. Dự toán kinh phí bồi thường, hỗ trợ GPMB.

1. Bồi thường, hỗ trợ về đất	935.044.722 đồng
2. Bồi thường cây, hoa màu	2.102.067.310 đồng
3. Bồi thường nhà, vật kiến trúc	757.000.200 đồng
4. Các chính sách hỗ trợ	533.473.740 đồng
Cộng kinh phí BTHT (1+2+3+4)	4.327.585.972 đồng
5. Chi phí phục vụ công tác GPMB (2%)	86.552.000 đồng
a) Hội đồng BTHT&TĐC huyện (1,7%)	73.569.000 đồng

2

b) Hội đồng thẩm định GPMB tỉnh (0,3%)	12.983.000 đồng
6. Dự phòng (5%)	216.379.000 đồng
Tổng cộng (1+2+3+4+5)	4.630.516.972 đồng

Tổng DT kinh phí bồi thường, hỗ trợ GPMB (làm tròn): 4.630.517.000 đồng.
(Bốn tỷ, sáu trăm ba mươi triệu, năm trăm mười bảy ngàn đồng chẵn).

Chi tiết dự toán kinh phí bồi thường, hỗ trợ như phụ lục kèm theo Tờ trình số 2092/TTr-BG ngày 11 tháng 10 năm 2007 của Sở Tài chính.

Hội đồng bồi thường hỗ trợ và tái định cư huyện Thạch Thất chịu trách nhiệm về tính chính xác, hợp lý của số liệu kiểm kê, tính pháp lý về đất đai, tài sản được bồi thường, hỗ trợ hoặc không được bồi thường, hỗ trợ.

Điều 2. Nguồn kinh phí do Chủ đầu tư dự án có trách nhiệm cấp.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Thủ trưởng các ngành: Văn phòng UBND tỉnh, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Xây dựng, Giao Thông Vận tải, Hội đồng thẩm định GPMB tỉnh, UBND huyện Thạch Thất, Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư huyện Thạch Thất, Ban Quản lý dự án Đại học Quốc gia Hà Nội- Trường Đại học Quốc gia Hà Nội, Kho bạc Nhà nước tỉnh, các cơ quan, đơn vị, các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Chánh VP, Phó VP (Ô Cơ);
- TH 2, CNXD 1,2,3;
- Trung tâm Công báo;
- Lưu: VT, KT2(2b).

25

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC




Nguyễn Huy Tường

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN THẠCH THẮT

Số: 1676/SY-UBND

Nơi nhận:

- Chủ tịch, PCT UBND huyện;
 - Ban GPMB (để thực hiện);
 - C/P VP UBND – UBND huyện;
 - Lưu.
- (12' b)

SAO Y BẢN CHÍNH
Thạch Thất, ngày 9 tháng 11 năm 2007

TL. CHỦ TỊCH
CHÁNH VĂN PHÒNG



Nguyễn Mạnh Hồng

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TÂY**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1539 /QĐ-UBND

Hà Đông, ngày 06 tháng 6 năm 2008

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt phương án tái định cư để GPMB các Dự án:
Xây dựng Đại học Quốc gia Hà Nội; Tái định cư Đại học Quốc gia Hà Nội;
Thu hồi đất của Đại học Quốc gia Hà Nội giao Trường Sĩ quan lục quân I,
trên địa bàn xã Thạch Hoà, huyện Thạch Thất, tỉnh Hà Tây

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TÂY

Căn cứ Nghị định 197/2004/NĐ-CP ngày 03 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2007 của Chính phủ Quy định bổ sung về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thu hồi đất, thực hiện quyền sử dụng đất, trình tự, thủ tục bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và giải quyết khiếu nại về đất đai;

Căn cứ Thông tư 116/2004/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2004 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Xét đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 1330/TTr-BG ngày 28 tháng 5 năm 2008 về việc phê duyệt phương án tái định cư để GPMB các Dự án: Xây dựng Đại học Quốc gia Hà Nội; Tái định cư Đại học Quốc gia Hà Nội; Thu hồi đất của Đại học Quốc gia Hà Nội giao Trường Sĩ quan lục quân I, trên địa bàn xã Thạch Hoà, huyện Thạch Thất, tỉnh Hà Tây;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt phương án tái định cư để GPMB các Dự án: Xây dựng Đại học Quốc gia Hà Nội; Tái định cư Đại học Quốc gia Hà Nội; Thu hồi đất của Đại học Quốc gia Hà Nội giao Trường Sĩ quan lục quân I, trên địa bàn xã Thạch Hoà, huyện Thạch Thất, tỉnh Hà Tây như sau:

I. Mục đích, yêu cầu.

1. Mục đích:

Bảo đảm về nơi ở, lợi ích hợp pháp cho các hộ sau khi bị thu hồi đất ở có chỗ ở mới, ổn định cuộc sống khi đã nhận tiền bồi thường, hỗ trợ và bàn giao mặt bằng cho dự án góp phần đẩy nhanh tiến độ GPMB thu hồi đất cho các dự án trong khu vực.

2. Yêu cầu:

Thực hiện đúng quy định của Nhà nước về chế độ, chính sách GPMB, tái định cư, bảo đảm tính công khai dân chủ, đúng đối tượng và phù hợp với tình hình thực tế ở địa phương.

II. Phạm vi, nguyên tắc áp dụng tái định cư.

1. Phạm vi áp dụng:

Các hộ có đất bị thu hồi để GPMB thực hiện các dự án: Xây dựng Đại học Quốc gia Hà Nội; Tái định cư Đại học Quốc gia Hà Nội; Thu hồi đất của Đại học Quốc gia Hà Nội giao Trường Sĩ quan Lục quân I có nguồn gốc do được Nông trường 1A (được Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất) tạm giao đất làm nhà ở trên địa bàn xã Thạch Hoà, huyện Thạch Thất.

2. Điều kiện, nguyên tắc bố trí tái định cư.

a) Điều kiện để xem xét bố trí tái định cư:

Việc bố trí tái định cư đối với các hộ có đất bị thu hồi chỉ thực hiện trong các trường hợp sau đây:

- Hộ gia đình, cá nhân phải di chuyển chỗ ở do bị thu hồi hết đất ở hoặc phần diện tích còn lại sau thu hồi thấp hơn hạn mức giao đất ở mới theo quy định tại Quyết định số 1110/2006/QĐ-UBND ngày 23/6/2006 của UBND tỉnh.

- Phần diện tích còn lại sau thu hồi không phù hợp quy hoạch xây dựng nhà ở của hộ gia đình, cá nhân.

(Các trường hợp nêu trên phải có đủ điều kiện được hỗ trợ đất ở theo quy định tại Quyết định số 488/QĐ-UB ngày 05 tháng 5 năm 2005 của UBND tỉnh về việc phê duyệt phương án giá bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để thực hiện dự án xây dựng Đại học Quốc gia Hà Nội, thuộc địa bàn huyện Thạch Thất và Quyết định số 1031/QĐ-UBND ngày 12 tháng 6 năm 2006 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB dự án xây dựng Đại học Quốc gia Hà Nội thuộc địa bàn huyện Thạch Thất)

b) Nguyên tắc bố trí tái định cư:

- Các trường hợp được xem xét giao đất ở mới tại nơi tái định cư và phải nộp tiền sử dụng đất theo quy định:

+ Các hộ sử dụng đất ở khi Nhà nước thu hồi đất thuộc đối tượng được xem xét hỗ trợ đất ở, có hộ khẩu thường trú tại địa phương nơi có đất bị thu hồi trước thời điểm có quyết định thu hồi đất, không còn nơi ở nào khác.

+ Các hộ không phải là CBCNV Nông trường 1A, được Nông trường tạm giao đất để ở (tại thời điểm thu hồi các hộ đang ở), có hộ khẩu thường trú tại địa phương nơi có đất bị thu hồi trước thời điểm có quyết định thu hồi đất, không còn nơi ở nào khác.

+ Các hộ nhận chuyển nhượng một phần diện tích đất ở hoặc được bố mẹ chia tách một phần diện tích đất ở (khi trường thành có gia đình riêng đã tách hộ) - trước thời điểm ngày 01/02/1996, từ hộ sử dụng đất có nguồn gốc được Nông trường 1A tạm giao đất làm nhà ở, có hộ khẩu thường trú tại địa phương nơi có đất bị thu hồi, không còn nơi ở nào khác.

- Các hộ có đất ở bị thu hồi ở nhiều dự án khác nhau thì chỉ được xem xét giao đất tái định cư tại một dự án.

- Vị trí thừa đất bố trí tái định cư đối với các hộ đã hoàn thành đúng tiến độ công tác GPMB được tiến hành theo hình thức bốc thăm để chọn vị trí theo thứ tự nhóm ưu tiên sau:

+ Thứ nhất: Hộ sớm bàn giao mặt bằng,

+ Thứ hai: Hộ có vị trí thuận lợi tại nơi ở cũ,

+ Thứ ba: Hộ gia đình chính sách

+ Thứ tư: Các trường hợp khác

- Việc xét duyệt giao đất tái định cư được thực hiện từng đợt theo kế hoạch GPMB của dự án.

- Trên cơ sở phương án bố trí tái định cư đã được UBND tỉnh phê duyệt Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư huyện Thạch Thất có trách nhiệm xét duyệt từng đối tượng được giao đất tái định cư trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Hạn mức giao đất tái định cư.

Các hộ được xem xét giao đất tái định cư được nhận đất tại Khu tái định cư Đại học Quốc gia Hà Nội, thuộc địa bàn xã Thạch Hoà, huyện Thạch Thất theo hạn mức sau:

- Các hộ là CBCNV Nông trường 1A, được Nông trường tạm giao đất để ở (hộ chính chủ), hạn mức giao đất tái định cư bằng 300 m²/hộ.

- Các hộ không phải là CBCNV Nông trường 1A, được Nông trường tạm giao đất để ở, đủ điều kiện được xem xét hỗ trợ đất ở; các hộ là CBCNV Nông trường 1A, được Nông trường tạm giao đất để ở (hộ chính chủ) đã chuyển nhượng hoặc chia tách một phần diện tích đất ở cho các con; các trường hợp nhận chuyển nhượng một phần diện tích đất ở hoặc được bố mẹ chia tách một phần diện tích đất ở (khi trường thành có gia đình riêng đã tách hộ) trước thời điểm ngày 01/02/1996, từ hộ sử dụng đất có nguồn gốc được Nông trường 1A tạm giao đất làm nhà ở, hạn mức giao đất tái định cư tối đa bằng 150 m²/hộ.

4. Giá thu tiền sử dụng đất.

Hộ được bố trí tái định cư phải nộp tiền sử dụng đất ở theo giá đất ở nông thôn, vùng trung du, khu vực II, vị trí 1 là 280.000 đồng/m² (quy định tại Quyết

định số 2404/2007/QĐ-UBND ngày 11/12/2007 của UBND tỉnh về việc ban hành quy định giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Hà Tây năm 2008).

Điều 2. Trên cơ sở phương án tái định cư đối với các hộ bị thu hồi đất ở đề GPMB các Dự án: Xây dựng Đại học Quốc gia Hà Nội; Tái định cư Đại học Quốc gia Hà Nội; Thu hồi đất của Đại học Quốc gia Hà Nội giao Trường Sĩ quan Lục quân I, trên địa bàn xã Thạch Hoà được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định này. UBND huyện Thạch Thất có trách nhiệm thành lập Hội đồng xét bố trí tái định cư, công bố công khai phương án tái định cư. Chỉ đạo các cơ quan chức năng của huyện tổ chức thực hiện việc giao đất, thu tiền sử dụng đất cho các hộ được bố trí tái định cư theo trình tự, thủ tục quy định của pháp luật về đất đai.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Thủ trưởng các ngành: Văn phòng UBND tỉnh, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Xây dựng, Giao thông vận tải, Hội đồng thẩm định GPMB tỉnh, UBND huyện Thạch Thất, Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư huyện Thạch Thất, Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Thạch Thất, Đại học Quốc gia Hà Nội, Trường Sĩ quan Lục quân I, Kho bạc Nhà nước tỉnh, các cơ quan, đơn vị, các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Chánh, Phó VP UBND tỉnh;
- TH 2, CNXD 2, 3, NN3;
- Trung tâm Công báo;
- Lưu: VT,KT2(2b).

32

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC**



Nguyễn Huy Tường

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TÂY

Số: 975/QĐ/UB

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Đông, ngày 15 tháng 7 năm 2003

QUYẾT ĐỊNH

Thu hồi 8.606.641m² đất do Nông trường 1A (cũ) quản lý, sử dụng thuộc địa bàn xã Thạch Hoà huyện Thạch Thất, giao Đại học quốc gia Hà Nội quản lý để thực hiện dự án xây dựng Đại học quốc gia Hà Nội

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TÂY

- Căn cứ Luật Đất đai ngày 14/7/1993, luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Đất đai ngày 2/12/1998, ngày 29/6/2001, Nghị định số 04/2000/NĐ-CP ngày 11/2/2000, số 66/2001/NĐ-CP ngày 28/9/2001 của Chính phủ về thi hành luật sửa đổi một số điều của Luật Đất đai;

- Căn cứ Quyết định số 659/QĐ/TTg ngày 16/10/1995 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 702/QĐ/TTg ngày 23/8/2002 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh chung Đại học quốc gia Hà Nội;

- Xét đề nghị của Đại học quốc gia Hà Nội tại văn bản xin giao đất số 28/XDCB ngày 3/3/2003, UBND huyện Thạch Thất tại văn bản số 121/CV/UB ngày 11/4/2003, Sở Địa chính tại văn bản số 121/TT/ĐC-KH ngày 28/4/2003;

Thực hiện kế hoạch hội nghị Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND ngày 29/4/2003.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1.- Thu hồi 8.606.641m² đất do Nông trường 1A (cũ) quản lý, sử dụng thuộc địa bàn xã Thạch Hoà huyện Thạch Thất, giao Đại học quốc gia Hà Nội quản lý để thực hiện dự án xây dựng Đại học quốc gia Hà Nội.

Điều 2.- Giao Sở Địa chính chủ trì, phối hợp với UBND huyện Thạch Thất chỉ đạo văn bản giao cụ thể các công việc liên quan, thời điểm thực hiện. Quyết định này ngoài thực địa cho Đại học quốc gia Hà Nội.

Vị trí, danh giới diện tích đất thu hồi thực hiện như bản đồ trích địa chính tỷ lệ 1/5000 do Xí nghiệp đo đạc bản đồ NTV 1 thực hiện, Sở Địa chính kiểm tra ký xác nhận ngày 20/3/2003.

- Phần diện tích đất quốc phòng danh mục 17 (B) do quy hoạch quyết định riêng.

Đại học quốc gia Hà Nội phải sử dụng đất đúng mục đích, đúng vị trí danh giới diện tích đất được giao, trước khi xây dựng phải làm đầy đủ các thủ tục cần thiết theo quy định về XD/CB, xây dựng theo quy hoạch, thiết kế và giấy phép xây dựng được cấp có thẩm quyền phê duyệt không ảnh hưởng đến hành lang giao thông, lưới điện và đập hồ Đồng Mô. Có biện pháp bảo vệ môi trường theo quy định, có trách nhiệm bồi thường thiệt hại về đất và tài sản trên đất thu hồi cho chủ sử dụng đất hợp pháp theo danh sách hiện hành.

Điều 3. Chủ tịch UBND huyện Thạch Thất, Giám đốc Sở Địa chính-Tài chính-Vật giá, Cục Thuế, Xây dựng, Kho bạc, Giao thông vận tải, Đại học quốc gia Hà Nội, Chủ tịch UBND xã Thạch Hoà, Thủ trưởng các ngành, đơn vị có liên quan căn cứ quyết định thi hành kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Văn phòng UBND tỉnh
- Như điều 3.
- UBND huyện Thạch Thất
- UBND xã Thạch Hoà
- Tổ NL. TH. TM. XĐ
- VP.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NỘI
KT CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN GIAO ĐẤT

GIAO VƯỜN CHO HỘ GIA ĐÌNH

- Căn cứ luận chứng kinh tế số 32 của Nông trường Quân đội 1A đã được các cấp có thẩm quyền phê duyệt.
- Căn cứ quyền hạn của giám đốc Nông trường Quân đội 1A.
- Theo đề nghị của chủ tịch công đoàn cơ sở Nông trường về quyền có nhà ở cho cán bộ, CNV nhằm ổn định đời sống, phát triển kinh tế gia đình, yên tâm phục vụ Quân đội lâu dài, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ

GIÁM ĐỐC NÔNG TRƯỜNG 1A QUYẾT ĐỊNH

Giao cho hộ gia đình: Vũ Xuân Truyền. Tuổi:
Chức vụ : CNV Cấp bậc:
Quê quán :
Được giao đất để sử dụng: 3.000 m2
Trong đó để làm nhà ở : 200 m2
Để làm vườn : 2.800 m2
Khu vực : Đi. SX 8
Phía đông giáp : Đất H. Mỹ. (Hội Cày)
Phía tây giáp : Vườn Đ. 8. (Giàn rau viết)
Phía bắc giáp : Đ. Đ. 9.
Phía nam giáp : Đường Đ. M. C.

- Các hộ gia đình phải chấp hành nghiêm chỉnh các qui định của nhà nước - Quân đội - Nông trường về qui hoạch - Thuế nhà đất - Thuế nông nghiệp.
- Không được mua bán đổi trác và sử dụng sai mục đích.
- Khi có nhu cầu chuyển đi nơi khác Nông trường sẽ thu hồi lại giao quyền sử dụng cho hộ khác.

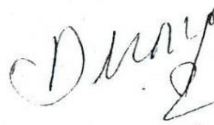
Ngày 20 tháng 10 năm 1993.

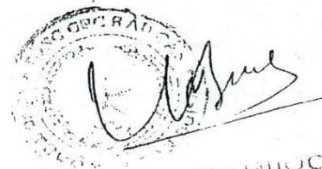
CHỦ HỘ

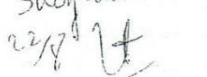
CHỦ TỊCH CÔNG ĐOÀN

GIÁM ĐỐC NÔNG TRƯỜNG

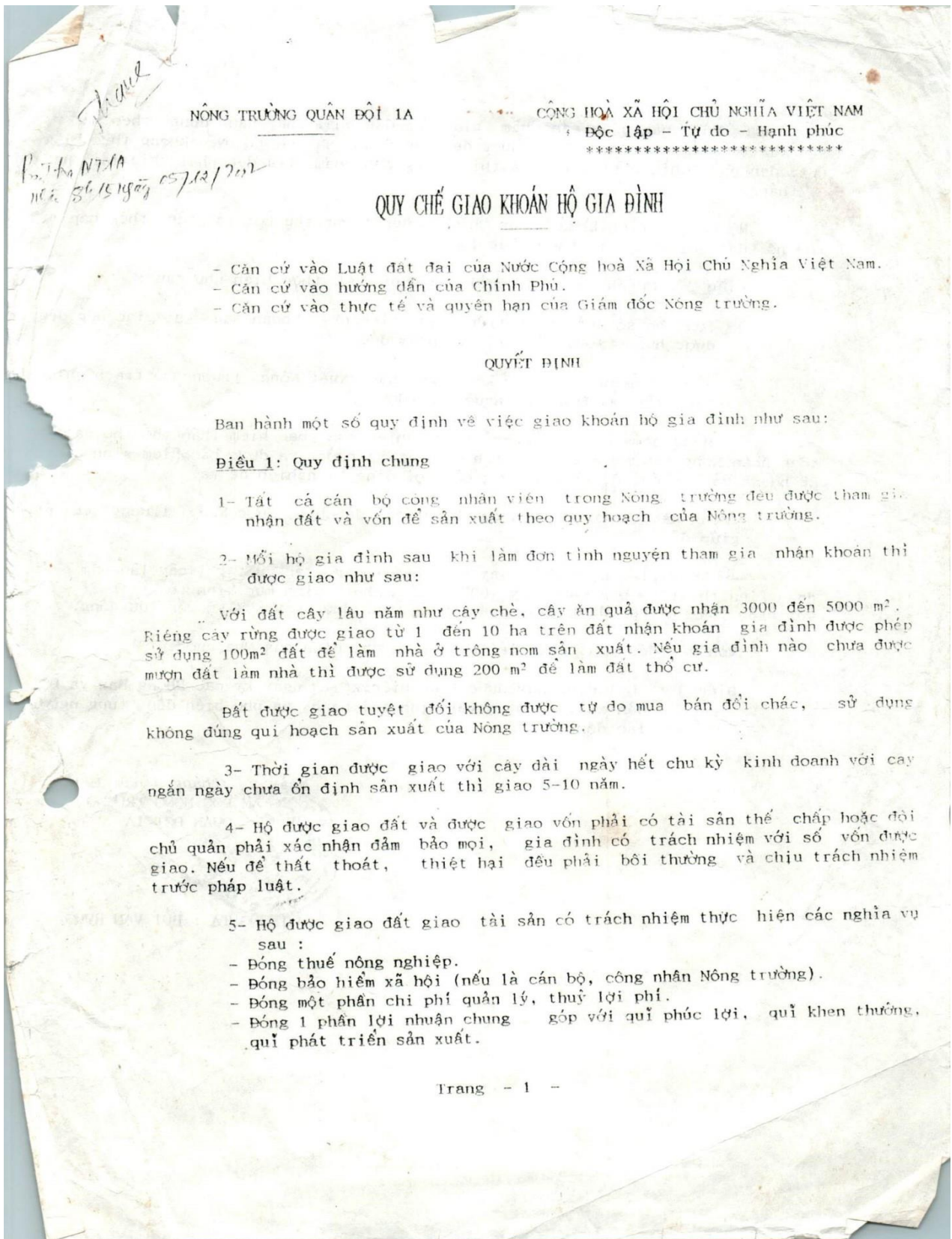






Sơ yếu lý lịch
22/10/93 

Phan Lạc Dũng



6- Hàng năm phần sản phẩm giao nộp đều phải chấp hành đúng theo mức vụ sản xuất của cây trồng không được để khê đọng sản phẩm. Nếu không thực hiện đúng đều phải chịu phạt 100% giá thị trường nếu chậm trả đều phải chịu lãi xuất 6%/tháng.

Hộ nào cố tình không chấp hành Nông trường thu hồi tài sản thế chấp và thu hồi đất đai và xử lý theo pháp luật.

Điều 2 : Quyền lợi của người lao động được thực hiện như sau :

1- Toàn bộ số sản phẩm trên diện tích nhận khoán sau khi giao nộp đều được hưởng 100% giá trị sản phẩm đó.

2- Sản phẩm chính theo kế hoạch sản xuất Nông trường có trách nhiệm tiêu thụ ổn định cho người lao động.

3- Hàng năm Nông trường có trách nhiệm mua bảo hiểm thân thể cho các công nhân Nông trường qua Công ty bảo hiểm Nhà nước và được bảo hiểm sinh đ kế hoạch và các chế độ khen thưởng của Hội đồng Xí nghiệp đề ra.

Trong năm sản xuất nếu có thiên tai đặc biệt được Nông trường xem xét giúp đỡ.

4- Người lao động được vay vốn theo khoán sản xuất với cây lâu năm giai đoạn kiến thiết cơ bản được vay 100% số vốn theo định mức kinh tế kỹ thuật cây ngắn ngày và cây đang giai đoạn kinh doanh được vay 80% số vốn lưu động.

Vốn vay đều phải chịu lãi suất theo qui định của Nhà nước.

Điều 3 : Qui định này được thực hiện kể từ ngày ký các Phòng-Ban và Đội sản xuất theo quyết định thi hành và phổ biến đến từng người lao động.

Ngày tháng 3 năm 199
TRUNG TÁ : BUI VĂN HUNG

CHÍNH PHỦ

Số: 01/CP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

----- o0o -----

Ngày 04 Tháng 01 năm 1995

NGHỊ ĐỊNH CỦA CHÍNH PHỦ

Ban hành bản quy định về việc giao khoán đất sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản trong các doanh nghiệp Nhà nước.

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Căn cứ khoản 1 Điều 5 Pháp lệnh về quyền và nghĩa vụ của tổ chức trong nước được Nhà nước giao đất, cho thuê đất ngày 14 tháng 10 năm 1994;

Theo đề nghị của Bộ trưởng các Bộ: Nông nghiệp và Công nghiệp thực phẩm, Lâm nghiệp, Thủy sản, Tổng cục trưởng Tổng cục Địa chính.

NGHỊ ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị định bản Quy định việc giao khoán đất sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản trong các doanh nghiệp Nhà nước.

Điều 2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính Phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

Điều 3. Nghị định này thi hành từ ngày 1 tháng 1 năm 1995, những quy định trước đây trái với Nghị định này đều bãi bỏ./.

QUY ĐỊNH

Việc giao khoán đất sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp và nuôi trồng thủy sản trong các doanh nghiệp nhà nước
(Ban hành kèm theo Nghị định số 01/CP ngày 04 tháng 1 năm 1995 của Chính phủ)

Điều 1.

1. Doanh nghiệp Nhà nước thực hiện giao khoán đất trong Quy định này gồm: Nông trường quốc doanh, Lâm trường quốc doanh, Công ty, Xí nghiệp, Trung tâm, Trạm, Trại trực tiếp sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản.

2. Các Ban quản lý rừng phòng hộ, rừng đặc dụng, các đơn vị thuộc lực lượng vũ trang được Nhà nước giao đất sử dụng vào mục đích sản xuất lâm nghiệp cũng thực hiện giao khoán đất.

Các tổ chức nói tại khoản 1, khoản 2 Điều này gọi chung là Bên giao khoán.

Điều 2. Các loại đất được giao khoán gồm:

1. Đất nông nghiệp trồng cây lâu năm;

2. Đất nông nghiệp trồng cây hàng năm;

3. Đất lâm nghiệp (rừng phòng hộ, rừng đặc dụng, rừng sản xuất, đất trống được quy hoạch trồng cây lâm nghiệp);

4. Đất có mặt nước nuôi trồng thủy sản.

Điều 3. Bên nhận khoán nói trong Quy định này gồm các đối tượng theo thứ tự ưu tiên như sau:

1. Hộ gia đình, cá nhân là công nhân, viên chức đang làm việc cho Bên giao khoán. Trong trường hợp do yêu cầu quản lý sản xuất của Bên giao khoán thì có thể giao khoán cho một hộ gia đình;
2. Hộ gia đình, cá nhân đã làm việc cho doanh nghiệp, nay nghỉ hưu, nghỉ mất sức lao động, thôi việc được hưởng trợ cấp và thành viên trong gia đình họ đến tuổi lao động có nhu cầu nhận khoán;
3. Hộ gia đình, cá nhân cư trú hợp pháp tại địa phương được Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn xác nhận;
4. Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân ở các địa phương khác có vốn đầu tư vào sản xuất theo quy hoạch của Bên giao khoán.

Điều 4. Căn cứ để giao khoán và nhận khoán:

1. Quy đất đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quyết định giao cho Bên giao khoán sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản;
2. Dự án khả thi hoặc dự án đầu tư đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt;
3. Vốn, lao động của Bên nhận khoán;
4. Các chính sách đầu tư, hỗ trợ bằng vốn của Nhà nước và các chính sách lao động - xã hội có liên quan.

Điều 5. Nguyên tắc giao khoán và nhận khoán:

1. Đảm bảo lợi ích của Bên giao khoán, Bên nhận khoán;
2. Khoán ổn định, lâu dài theo quy hoạch và dự án khả thi hoặc dự án đầu tư;
3. Việc giao khoán đất gắn liền với cây trồng, vật nuôi và giá trị tài sản khác trên đất;
4. Việc giao khoán và nhận khoán đất phải thông qua hợp đồng. Hợp đồng giữa bên giao khoán và bên nhận khoán phải thể hiện được nội dung kinh tế, quyền và nghĩa vụ mỗi bên và những cam kết để đảm bảo thực hiện đúng hợp đồng.

Điều 6.

1. Hồ sơ khoán gồm:

- a) Đơn xin nhận khoán;
- b) Hợp đồng khoán;
- c) Trích lục bản đồ hoặc sơ đồ khu vực đất giao khoán;
- d) Các văn bản, phụ lục có liên quan đến việc khoán (nếu có).

2. Hồ sơ khoán đất để sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản làm thành hai bản, một bản lưu tại Bên giao khoán, một bản giao cho Bên nhận khoán; hồ sơ khoán đất lâm nghiệp làm thêm một bản để lưu tại Ủy ban nhân dân xã nơi có đất lâm nghiệp.

Điều 7. Nghĩa vụ và quyền của Bên giao khoán:

1. Nghĩa vụ của Bên giao khoán:

- a) Xác định đúng diện tích, vị trí ranh giới đất khoán trên bản đồ và trên thực địa; giá trị cây trồng, vật nuôi, cây lâm nghiệp, hiện trạng rừng và các công trình trên mặt nước;
- b) Thực hiện các hoạt động khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư, chế biến, tiêu thụ sản phẩm, dịch vụ tiền vốn theo quy định của Ngân hàng Nhà nước để tạo điều kiện và môi trường thuận lợi cho Bên nhận khoán chủ động sản xuất;
- c) Thực hiện các chính sách về đầu tư, hỗ trợ, bảo hộ lao động, bảo hiểm xã hội theo pháp luật quy định;
- d) Nếu vi phạm hợp đồng gây thiệt hại cho Bên nhận khoán thì phải bồi thường thiệt hại.

2. Quyền của Bên giao khoán:

- a) Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện hợp đồng khoán, bảo đảm thực hiện đúng pháp luật về đất đai;
- b) Khi Bên nhận khoán vi phạm hợp đồng thì Bên giao khoán căn cứ vào mức độ vi phạm để quyết định việc bồi thường thiệt hại hoặc hủy bỏ hợp đồng và phải chịu trách nhiệm về quyết định đó.

Điều 8. Quyền và nghĩa vụ của Bên nhận khoán:

- a) Chủ động sản xuất trên diện tích đất khoán, được hưởng thành quả lao động và kết quả đầu tư trên đất nhận khoán theo hợp đồng. Được nuôi, trồng xen theo hợp đồng và được hưởng toàn bộ sản phẩm nuôi trồng xen;
- b) Được làm lán tạm để bảo vệ sản xuất, cất giữ dụng cụ, vật tư sản xuất; được làm sân phơi, đào giếng nước, xây bể chứa nước, kênh dẫn nước, cống cấp thoát nước, hố ủ phân, chuồng nuôi gia súc, gia cầm theo quy định của Bên giao khoán;
- c) Được Bên giao khoán hoàn trả hoặc đền bù tài sản đã đầu tư trên đất nhận khoán trong các trường hợp: Khi chuyển đi nơi khác, chuyển sang làm nghề khác hoặc không còn khả năng lao động; Bên giao khoán thu lại một phần hoặc toàn bộ đất giao khoán để sử dụng vào mục đích khác được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép;
- d) Khi Bên giao khoán vi phạm hợp đồng thì Bên nhận khoán được bồi thường thiệt hại hoặc huỷ bỏ hợp đồng tùy theo mức độ vi phạm của Bên giao khoán;
- đ) Trong trường hợp bị thiên tai, rủi ro được xét miễn, giảm các khoản phải nộp cho Bên giao khoán theo quy định của pháp luật;
- e) Khi chủ hộ khoán chết thì người đại diện các thành viên trong hộ được tiếp tục thực hiện hợp đồng khoán cho đến hết thời hạn giao khoán.

Trong trường hợp hộ nhận khoán không còn thành viên nào có khả năng tiếp tục thực hiện hợp đồng khoán thì Bên giao khoán thu lại đất để giao khoán cho người khác, giá trị tài sản đã đầu tư trên đất của chủ hộ nhận khoán đã chết được Bên giao đền bù cho người thừa kế, nếu Bên nhận khoán không có người thừa kế thì các khoản đền bù trên được bổ sung vào quỹ phát triển sản xuất của Bên giao khoán.

2. Nghĩa vụ của Bên nhận khoán:

- a) Nộp cho Bên giao khoán các khoản:

Thuế sử dụng đất của diện tích nhận khoán; giá trị cây trồng, cây lâm nghiệp, vật nuôi và các công trình trực tiếp phục vụ sản xuất trên đất và mặt nước giao khoán do vốn Bên giao khoán đã đầu tư theo hợp đồng; bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, theo quỹ phúc lợi, theo quy định của Nhà nước;

- b) Thanh toán với Bên giao khoán các khoản vay bằng tiền, vật tư hoặc các khoản dịch vụ ứng trước;

- c) Bán sản phẩm sản xuất ra trên đất nhận khoán cho Bên giao khoán theo hợp đồng;

- d) Sử dụng đất đúng mục đích, đúng quy hoạch của Bên giao khoán, cải tạo và bồi dưỡng đất, không làm thoái hoá đất;

- d) Chấp hành các quy định phòng chống sâu bệnh, dịch bệnh cho cây trồng, vật nuôi, cây lâm nghiệp, phòng, chữa cháy rừng. Bảo vệ nguồn lợi của đất, nước, vật kiến trúc và môi trường sinh thái;

- e) Nếu vi phạm hợp đồng gây thiệt hại cho Bên giao khoán thì phải bồi thường thiệt hại;

- g) Trả lại đất khi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thu hồi theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Giao khoán đất nông nghiệp trồng cây lâu năm:

1. Đất đã trồng cây lâu năm có vốn đầu tư từ nguồn của Nhà nước thì kết hợp giao khoán đất với giao khoán vườn cây; Bên giao khoán phải xác định đúng giá trị đã đầu tư vườn cây để giao khoán gọn theo chu kỳ kinh doanh của cây trồng, Bên nhận khoán hoàn trả đầy đủ giá trị vườn cây cho bên giao khoán theo hợp đồng.

Việc xác định vườn cây phải trên nguyên tắc bảo toàn tổng số vốn được nhà nước giao kết hợp với thực trạng vườn cây tại thời điểm giao khoán;

2. Đối với đất trồng mới cây lâu năm:

- a) Bên giao khoán được sử dụng nguồn vốn vay của Nhà nước và các nguồn vốn vay khác để cho bên nhận khoán vay lại trồng cây lâu năm trên đất được giao khoán hoàn trả các nguồn vốn vay cho Bên giao khoán theo hợp đồng;

b) Bên giao khoán được sử dụng nguồn vốn vay của Nhà nước và các nguồn vốn vay khác, trực tiếp tổ chức trồng mới cây lâu năm, sau đó thực hiện giao khoán theo Quy định tại khoản 1 điều này;

c) Trong trường hợp hộ gia đình, cá nhân được Nhà nước quy hoạch giao đất để trồng cây lâu năm trên đất trống, đồi núi trọc nhưng việc trồng mới có khó khăn thì doanh nghiệp Nhà nước có thể cho nhận vốn vay của Nhà nước hoặc các nguồn vốn vay khác để cùng các hộ gia đình, cá nhân tổ chức trồng cây lâu năm trên đất đó, khi trồng xong doanh nghiệp Nhà nước giao khoán lại vườn cây cho hộ gia đình, cá nhân. Hộ gia đình, cá nhân được nhận khoán vườn cây phải hoàn trả lại vốn của doanh nghiệp đã đầu tư theo hợp đồng;

3. Thời hạn giao khoán là 50 năm, thực hiện như sau:

a) Khi hết chu kỳ kinh doanh của vườn cây mà thời hạn giao khoán đất vẫn còn thì bên nhận khoán được tiếp tục sử dụng diện tích đất đó để sản xuất theo quy hoạch của bên giao khoán cho đến hết thời hạn giao khoán đất;

b) Khi hết thời hạn giao khoán đất mà vườn cây chưa hết chu kỳ kinh doanh của vườn cây.

Điều 10. Giao khoán đất nông nghiệp trồng cây hàng năm:

1. Đất trồng cây hàng năm trong quy hoạch được Nhà nước đầu tư, hỗ trợ để tạo vùng nguyên liệu cho công nghiệp chế biến hoặc để sản xuất nông sản hàng hoá cho nhu cầu trong nước và xuất khẩu thì việc giao khoán đất gắn với thực hiện chính sách đầu tư, hỗ trợ, cho vay vốn, dịch vụ kỹ thuật và mua sản phẩm theo hợp đồng;

2. Đất trồng cây hàng năm có diện tích nhỏ, phân tán và đất đồng cỏ cải tạo, đất trồng cỏ không thuộc quy định tại khoản 1 Điều này thì giao cho bên nhận khoán tự đầu và tiêu thụ sản phẩm;

3. Thời hạn giao khoán là 20 năm.

Điều 11. Giao khoán đất lâm nghiệp:

1. Bên giao khoán xác định diện tích, hiện trạng, vị trí, ranh giới từng lô, khoanh rừng trên thực địa và bản đồ để giao cho bên nhận khoán bảo vệ, khoanh nuôi tái sinh và trồng rừng theo hợp đồng;

2. Thời hạn giao khoán đối với rừng phòng hộ, rừng đặc dụng là 50 năm; đối với rừng sản xuất thì theo chu kỳ kinh doanh.

Điều 12. Giao khoán đất lâm nghiệp được quy hoạch cho rừng phòng hộ:

1. Đối với rừng phòng hộ đầu nguồn rất xung yếu và xung yếu thì nội dung giao khoán và nhận khoán là: bảo vệ rừng, khoanh nuôi tái sinh rừng, và trồng rừng theo quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

Hàng năm Nhà nước cấp kinh phí cho Bên giao khoán để trả cho Bên nhận khoán theo hợp đồng;

2. Đối với rừng phòng hộ môi trường - sinh thái, rừng phòng hộ ven biển (ngăn cát di động, bảo vệ đê biển và chống lở ven biển) hàng năm Nhà nước cấp kinh phí cho Bên giao khoán để trả cho Bên nhận khoán bảo vệ rừng, gây trồng rừng theo hợp đồng.

Điều 13. Giao khoán đất lâm nghiệp được quy hoạch cho rừng đặc dụng:

1. Đối với khu vực cần bảo tồn nguyên vẹn, Bên giao khoán chỉ giao khoán cho những hộ gia đình sống xen kẽ trong khu bảo tồn để bảo vệ rừng. Hộ gia đình có trách nhiệm bảo tồn nguyên vẹn diện tích rừng. Hàng năm Nhà nước cấp kinh phí cho Bên giao khoán để trả cho các Bên nhận khoán theo hợp đồng;

2. Đối với khu vực cần phục hồi sinh thái thì giao cho hộ gia đình để bảo vệ rừng và gây trồng rừng theo hợp đồng./.

CHÍNH PHỦ
(Đã ký)

Võ Văn Kiệt

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 659/TTg

Hà Nội, ngày 16 tháng 10 năm 1995

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
CÔNG VĂN ĐẾN
Ngày 18/10/95 số: 135

QUYẾT ĐỊNH CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ
Về việc chuyển giao Nông trường 1A thuộc
Bộ Quốc phòng cho Đại học Quốc gia Hà Nội
quản lý để quy hoạch xây dựng Đại học Quốc gia Hà Nội
và Trung tâm Viện Công nghệ Châu Á

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Theo đề nghị của Bộ trưởng các Bộ: Giáo dục và Đào tạo, Quốc phòng, ý kiến của Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh Hà Tây và Hòa Bình,

QUYẾT ĐỊNH :

Điều 1.- Chuyển giao Nông trường 1A thuộc Bộ Quốc phòng cho Đại học Quốc gia Hà Nội quản lý để quy hoạch xây dựng cơ sở Đại học Quốc gia Hà Nội và Trung tâm Viện Công nghệ Châu Á.

Điều 2.- Bộ Quốc phòng có trách nhiệm chuyển giao toàn bộ đất đai, tài sản, cơ sở vật chất, trang thiết bị (trừ vũ khí đạn dược), vốn, bộ máy quản lý, lao động thuộc Nông trường 1A cho Đại học Quốc gia Hà Nội.

- Bộ Tài chính có trách nhiệm cùng với Bộ Quốc phòng, Đại học Quốc gia Hà Nội xử lý các vấn đề về tài chính, ghi tăng giảm vốn, tài sản giữa bên nhận và bên giao.

- Việc bàn giao thực hiện xong trong tháng 12 năm 1995.

Điều 3.- Quyết định này thay thế quyết định số 813/TTg ngày 28 tháng 12 năm 1994 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển giao Nông trường 1A thuộc Bộ Quốc phòng cho Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tây quản lý.

2

Điều 4.- Bộ trưởng các Bộ : Quốc phòng, Giáo dục và Đào tạo, Tài chính, Chủ nhiệm Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, Trưởng ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ, Tổng cục trưởng Tổng cục Địa chính, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tây, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội, Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội, Giám đốc Nông trường 1A, Thủ trưởng các ngành có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này ./.

K/T THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ
PHÓ THỦ TƯỚNG *KL*

Nơi nhận :

- Các Bộ : Quốc phòng, Giáo dục và Đào tạo, Xây dựng, Tài chính.
- Ủy ban Kế hoạch Nhà nước,
- Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ,
- Tổng cục Địa chính,
- Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tây,
- Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình,
- Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội,
- Đại học Quốc gia Hà Nội,
- Nông trường 1A.
- Lưu : KTN (3b), KGVX, VT.



Trần Đức Lương.

CHÍNH PHỦ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 41/2002/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 11 tháng 4 năm 2002

NGHỊ ĐỊNH
CỦA CHÍNH PHỦ SỐ 41/2002/NĐ-CP NGÀY 11 THÁNG 4 NĂM 2002 VỀ CHÍNH SÁCH
ĐỐI VỚI LAO ĐỘNG DÔI DƯ DO SẮP XẾP LẠI DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC
CHÍNH PHỦ

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;
Căn cứ Bộ Luật Lao động ngày 23 tháng 6 năm 1994;
Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội,*

NGHỊ ĐỊNH:

Chương 1:

PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

Điều 1. Phạm vi áp dụng Nghị định này là các doanh nghiệp nhà nước thực hiện các biện pháp cơ cấu lại được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt, bao gồm:

1. Doanh nghiệp giữ 100% vốn Nhà nước.
2. Doanh nghiệp nhà nước chuyển thành Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên.
3. Doanh nghiệp nhà nước chuyển thành Công ty cổ phần; Công ty cổ phần được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước có thời gian hoạt động không quá 12 tháng kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp.
4. Doanh nghiệp nhà nước thực hiện sáp nhập, hợp nhất.
5. Doanh nghiệp nhà nước thực hiện giao, bán, khoán kinh doanh, cho thuê.
6. Doanh nghiệp nhà nước bị giải thể, phá sản.

Điều 2. Đối tượng áp dụng Nghị định này là người lao động đang thực hiện hợp đồng lao động không xác định thời hạn hoặc có thời hạn từ 01 đến 03 năm, gồm:

1. Người lao động dôi dư trong các doanh nghiệp quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 và 5 Điều 1 Nghị định này đã được tuyển dụng trước ngày 21 tháng 4 năm 1998 (thời điểm thực hiện Chi thị số 20/1998/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về đẩy mạnh sắp xếp và đổi mới doanh nghiệp nhà nước), gồm:
 - a) Người lao động đang làm việc, khi sắp xếp lại, doanh nghiệp đã tìm mọi biện pháp tạo việc làm, nhưng vẫn không bố trí được việc làm;
 - b) Người lao động có tên trong danh sách thường xuyên của doanh nghiệp nhưng không có việc làm, tại thời điểm sắp xếp lại, doanh nghiệp vẫn không bố trí được việc làm.
2. Người lao động trong doanh nghiệp bị giải thể, phá sản.

Chương 2:

CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI LAO ĐỘNG DÔI DƯ

Điều 3. Người lao động dôi dư đang thực hiện hợp đồng lao động không xác định thời hạn:

1. Đủ 55 tuổi đến dưới 60 tuổi đối với nam, đủ 50 tuổi đến dưới 55 tuổi đối với nữ, có thời gian đóng bảo hiểm xã hội đủ 20 năm trở lên:

a) Được nghỉ hưu, nhưng không trừ phần trăm lương hưu do nghỉ hưu trước tuổi.

b) Được hưởng thêm hai khoản trợ cấp sau:

Trợ cấp 03 tháng tiền lương cấp bậc, chức vụ, phụ cấp lương đang hưởng cho mỗi năm (12 tháng) nghỉ hưu trước tuổi;

Trợ cấp 05 tháng tiền lương cấp bậc, chức vụ, phụ cấp lương đang hưởng cho 20 năm đầu công tác có đóng bảo hiểm xã hội. Từ năm thứ 21 trở đi, cứ mỗi năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội được trợ cấp thêm 1/2 tháng tiền lương cấp bậc, chức vụ, phụ cấp lương đang hưởng.

2. Đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định của Bộ Luật Lao động nhưng còn thiếu thời gian đóng bảo hiểm xã hội tối đa 01 năm, thì được Nhà nước đóng một lần số tiền bảo hiểm xã hội cho những tháng còn thiếu với mức 15% tiền lương tháng để giải quyết chế độ hưu trí hàng tháng.

3. Các đối tượng còn lại thì thực hiện chấm dứt hợp đồng lao động và được hưởng các chế độ như sau:

a) Trợ cấp mất việc làm được tính theo số năm thực tế làm việc trong khu vực nhà nước, cứ mỗi năm được trợ cấp 01 tháng tiền lương cấp bậc, chức vụ, phụ cấp lương đang hưởng nhưng thấp nhất cũng bằng hai tháng tiền lương, phụ cấp lương đang hưởng;

b) Được hỗ trợ thêm hai khoản sau:

Trợ cấp 01 tháng tiền lương cấp bậc, chức vụ, phụ cấp lương đang hưởng cho mỗi năm thực tế làm việc trong khu vực nhà nước;

Trợ cấp một lần với mức 5 triệu đồng.

c) Được hưởng 06 tháng tiền lương cấp bậc, chức vụ, phụ cấp lương đang hưởng để đi tìm việc làm.

Trường hợp người lao động có nguyện vọng học nghề thì ngoài khoản tiền được hưởng đi tìm việc làm nói trên còn được đào tạo tối đa 06 tháng tại các cơ sở dạy nghề do Nhà nước quy định. Nhà nước cấp kinh phí cho các cơ sở dạy nghề này để đào tạo lao động dôi dư.

d) Người lao động còn thiếu tối đa 05 năm tuổi nghỉ hưu theo quy định của Bộ Luật Lao động và có đủ 15 năm đóng bảo hiểm xã hội trở lên mà chưa nhận trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần, ngoài việc được hưởng các chế độ quy định tại các điểm a và b khoản này còn được tự đóng tiếp bảo hiểm xã hội với mức 15% tiền lương tháng trước khi nghỉ việc cho cơ quan bảo hiểm xã hội tại nơi cư trú cho đến khi đủ tuổi nghỉ hưu để hưởng chế độ hưu trí và tử tuất. Trường hợp chưa đủ điều kiện để đóng tiếp bảo hiểm xã hội nói trên thì được bảo lưu thời gian đóng bảo hiểm xã hội và cấp sổ bảo hiểm xã hội hoặc hưởng trợ cấp một lần theo quy định hiện hành.

Điều 4. Người lao động dôi dư đang thực hiện hợp đồng lao động có thời hạn từ 01 đến 03 năm thì chấm dứt hợp đồng lao động và được hưởng các chế độ sau:

1. Trợ cấp mất việc làm được tính theo số năm thực tế làm việc trong khu vực nhà nước, cứ mỗi năm được trợ cấp 01 tháng tiền lương cấp bậc, chức vụ, phụ cấp lương đang hưởng.

2. Trợ cấp 70% tiền lương cấp bậc, chức vụ, phụ cấp lương đang hưởng cho những tháng còn lại chưa thực hiện hết hợp đồng lao động đã giao kết, nhưng tối đa cũng không quá 12 tháng.

3. Người lao động còn thiếu tối đa 05 năm tuổi nghỉ hưu theo quy định của Bộ Luật Lao động và có đủ 15 năm đóng bảo hiểm xã hội trở lên mà chưa nhận trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần, ngoài việc được hưởng các chế độ quy định tại các khoản 1 và 2 Điều này còn được tự đóng

tiếp bảo hiểm xã hội với mức 15% tiền lương tháng trước khi nghỉ việc cho cơ quan bảo hiểm xã hội tại nơi cư trú cho đến khi đủ tuổi nghỉ hưu để hưởng chế độ hưu trí và tử tuất. Trường hợp chưa đủ điều kiện để đóng tiếp bảo hiểm xã hội nói trên thì được bảo lưu thời gian đóng bảo hiểm xã hội và cấp sổ bảo hiểm xã hội hoặc hưởng trợ cấp một lần theo quy định hiện hành.

Điều 5. Người lao động đã nhận trợ cấp quy định tại Điều 3 Nghị định này nếu được tái tuyển dụng làm việc ở doanh nghiệp đã cho thôi việc, hoặc ở doanh nghiệp nhà nước khác thì phải hoàn trả lại số tiền trợ cấp theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 3 Nghị định này. Doanh nghiệp tuyển dụng lao động có trách nhiệm thu hồi số tiền nêu trên từ người lao động và nộp toàn bộ vào Quỹ hỗ trợ lao động dôi dư do sắp xếp lại doanh nghiệp nhà nước thành lập theo Điều 7 Nghị định này.

Điều 6. Ngoài các chính sách quy định tại Điều 3 và Điều 4 Nghị định này, người lao động dôi dư được tạo điều kiện vay vốn từ Quỹ quốc gia giải quyết việc làm để tự tạo việc làm và được giới thiệu tìm việc làm mới theo quy định của pháp luật.

Chương 3:

NGUỒN KINH PHÍ GIẢI QUYẾT LAO ĐỘNG DÔI DƯ

Điều 7. Quỹ hỗ trợ lao động dôi dư do sắp xếp lại doanh nghiệp nhà nước

1. Thành lập "Quỹ hỗ trợ lao động dôi dư do sắp xếp lại doanh nghiệp nhà nước" (sau đây gọi là Quỹ hỗ trợ lao động dôi dư) để hỗ trợ người lao động khi bị mất việc làm hoặc nghỉ hưu sớm do doanh nghiệp nhà nước thực hiện cơ cấu lại theo quy định tại Nghị định này.

2. Quỹ hỗ trợ lao động dôi dư chịu trách nhiệm cấp kinh phí cho các doanh nghiệp; cơ quan bảo hiểm xã hội; cơ sở dạy nghề cho lao động dôi dư và các tổ chức được thành lập để giải quyết lao động dôi dư trong các doanh nghiệp bị giải thể, phá sản.

3. Quỹ hỗ trợ lao động dôi dư do Bộ trưởng Bộ Tài chính quản lý và điều hành.

4. Nguồn của Quỹ hỗ trợ lao động dôi dư bao gồm:

- a) Ngân sách nhà nước;
- b) Viện trợ của các tổ chức, cá nhân;
- c) Các nguồn khác.

Điều 8. Trách nhiệm chi trả các chế độ đối với người lao động

1. Doanh nghiệp chịu trách nhiệm giải quyết chế độ trợ cấp mất việc làm theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 3; khoản 1 Điều 4 Nghị định này.

Những doanh nghiệp thật sự khó khăn về tài chính, sau khi đã sử dụng hết quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm (nếu có) mà vẫn không đủ nguồn để giải quyết chế độ mất việc cho người lao động dôi dư thì được hỗ trợ từ Quỹ hỗ trợ lao động dôi dư.

2. Người lao động tự đóng tiếp bảo hiểm xã hội theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 3 và khoản 3 Điều 4 Nghị định này.

3. Quỹ bảo hiểm xã hội chịu trách nhiệm giải quyết chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định của Bộ Luật Lao động.

4. Quỹ hỗ trợ lao động dôi dư chịu trách nhiệm chi trả các chế độ theo quy định tại điểm b khoản 1 và điểm b, điểm c khoản 3 Điều 3; khoản 2 Điều 4 và kinh phí đóng bảo hiểm xã hội quy định tại khoản 2 Điều 3 Nghị định này.

Đối với doanh nghiệp bị giải thể, phá sản, Quỹ hỗ trợ lao động dôi dư cấp kinh phí để giải quyết chế độ cho người lao động dôi dư thuộc trách nhiệm của doanh nghiệp quy định tại khoản 1 Điều này.

Chương 4: TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 9. Trách nhiệm của doanh nghiệp

1. Xây dựng phương án sắp xếp lao động, xác định số lao động cần thiết theo yêu cầu sản xuất - kinh doanh, xác định số lao động dôi dư và số tiền trợ cấp cho từng người lao động.
2. Phối hợp với tổ chức công đoàn tại doanh nghiệp tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách, chế độ của Đảng và Nhà nước, thực hiện quy chế dân chủ trong doanh nghiệp; công khai phương án sắp xếp lao động và danh sách lao động thuộc diện dôi dư.
3. Giải quyết chính sách, chế độ đối với người lao động theo quy định tại Nghị định này; thực hiện việc quyết toán kinh phí chi trả trợ cấp cho người lao động theo quy định hiện hành.
4. Ban hành quy chế tuyển dụng lao động và có trách nhiệm giải quyết chế độ đối với người lao động dôi dư do doanh nghiệp tuyển dụng không thuộc đối tượng áp dụng của Nghị định này bằng nguồn kinh phí của doanh nghiệp.

Điều 10. Trách nhiệm của các cơ quan quản lý nhà nước

1. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội:
 - Hướng dẫn và kiểm tra việc thực hiện các chính sách, chế độ đối với lao động dôi dư theo quy định tại Nghị định này;
 - Tham gia với các cơ quan liên quan về sắp xếp lao động trong phương án đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp;
 - Quy định các cơ sở dạy nghề tiếp nhận đào tạo lao động dôi dư;
 - Định kỳ tổng hợp và báo cáo Thủ tướng Chính phủ tình hình thực hiện Nghị định này.
2. Bộ Tài chính:
 - Ban hành quy chế quản lý và sử dụng Quỹ hỗ trợ lao động dôi dư. Việc sử dụng Quỹ phải chặt chẽ, tránh bị lợi dụng; quy định cụ thể, rành mạch nội dung hồ sơ, tiêu chuẩn cần có để được hưởng trợ cấp và phải công khai, dân chủ.
 - Lập kế hoạch nguồn vốn và trình Thủ tướng Chính phủ các biện pháp bảo đảm nguồn vốn cho Quỹ hỗ trợ lao động dôi dư;
 - Theo dõi, kiểm tra việc chi trả trợ cấp và việc quyết toán kinh phí chi trả trợ cấp cho lao động dôi dư;
 - Định kỳ tổng hợp và báo cáo Thủ tướng Chính phủ việc quản lý và sử dụng Quỹ hỗ trợ lao động dôi dư.
3. Bảo hiểm xã hội Việt Nam:
 - Hướng dẫn việc thu bảo hiểm xã hội theo quy định tại Nghị định này;
 - Giải quyết chính sách, chế độ bảo hiểm xã hội đối với người lao động theo quy định tại Nghị định này và hướng dẫn của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.
4. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Hội đồng quản trị Tổng công ty 91:

Chỉ đạo các doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý xây dựng phương án sắp xếp lao động và thực hiện chính sách, chế độ đối với lao động dôi dư;

Phê duyệt phương án giải quyết lao động dôi dư theo nguyên tắc 1 lần để thực hiện đối với từng doanh nghiệp quy định tại Điều 1 Nghị định này.

Thành lập tổ chức để giải quyết chính sách đối với lao động dôi dư ở doanh nghiệp bị giải thể, phá sản;

Định kỳ báo cáo Chính phủ qua Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội tình hình giải quyết chính sách đối với lao động dôi dư.

Điều 11. Đề nghị Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam

1. Tham gia với các cơ quan nhà nước hướng dẫn thực hiện các chính sách đối với lao động dôi dư.

2. Chỉ đạo Công đoàn các cấp phối hợp với Thủ trưởng đơn vị tuyên truyền, giải thích cho người lao động hiểu rõ chủ trương, chính sách của *Đảng và Nhà nước* để thực hiện đầy đủ các chế độ đối với lao động dôi dư theo quy định của pháp luật.

3. Giám sát việc thực hiện chế độ đối với người lao động.

Điều 12. Nghị định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày ký ban hành đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2005.

Điều 13. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./..

Phan Văn Khải

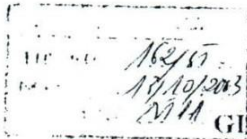
(Đã ký)

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 880 /TCCB

Hà Nội, ngày 10 tháng 10 năm 2003



THÔNG BÁO

GIẢI THỂ NÔNG TRƯỜNG IA ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

Kính gửi: - NÔNG TRƯỜNG IA ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
- ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TÂY
- SỞ TÀI CHÍNH VÀ TÀI SẢN HÀ TÂY
- CHI CỤC THUẾ TỈNH HÀ TÂY
- CHI CỤC THUẾ HUYỆN THẠCH THẮT - TỈNH HÀ TÂY

Thực hiện Công văn số 1363/CP-NN ngày 7 tháng 10 năm 2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc giải thể Nông trường IA Đại học Quốc gia Hà Nội. Đại học Quốc gia Hà Nội xin thông báo giải thể Nông trường IA Đại học Quốc gia Hà Nội như sau:

1. Tên, địa chỉ doanh nghiệp tiến hành giải thể:

Tên giao dịch: Nông trường IA Đại học Quốc gia Hà Nội
Cơ quan chủ quản: Đại học Quốc gia Hà Nội
Trụ sở chính: Thạch Hoà - Thạch Thất - Hà Tây
Điện thoại: 034 686313; Fax: 034 686313

2. Lý do giải thể:

Giải thể Nông trường IA Đại học Quốc gia Hà Nội để triển khai quy hoạch và dự án đầu tư xây dựng Đại học Quốc gia Hà Nội đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 702/QĐ-TTg ngày 23 tháng 8 năm 2002 và Công văn số 181/CP-KG ngày 21 tháng 2 năm 2003.

3. Ngày bắt đầu chấm dứt hoạt động sản xuất kinh doanh để tiến hành thủ tục giải thể Nông trường IA Đại học Quốc gia Hà Nội: Ngày 20 tháng 10 năm 2003.

Đại học Quốc gia Hà Nội xin thông báo để các cơ quan có liên quan biết và phối hợp thực hiện.

Ngày 24/10/2003
Vũ Đức Chính
GIÁM ĐỐC
Vũ Đức Chính





K/T GIÁM ĐỐC ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI



PHÓ GIÁM ĐỐC
PGS. TS. Phạm Trọng Quát

Nơi nhận:

- Như trên.
- Bộ Tài chính (tờ báo cáo).
- Lưu VP, TCCB.

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI Số: 880 /TCCB		CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc Hà Nội, ngày 10 tháng 10 năm 2003	
THÔNG BÁO GIẢI THỂ NÔNG TRƯỜNG IA ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI			
Kính gửi: <ul style="list-style-type: none"> - NÔNG TRƯỜNG IA ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI - ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TÂY - SỞ TÀI CHÍNH VÀ TÀI SẢN TỈNH HÀ TÂY - CHI CỤC THUẾ TỈNH HÀ TÂY - CHI CỤC THUẾ HUYỆN THẠCH THẮT - TỈNH HÀ TÂY 		Số TT Địa chỉ phát hành	
Thực hiện Công văn số 1363/CP-NN ngày 7 tháng 10 năm 2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc giải thể Nông trường IA Đại học Quốc gia Hà Nội. Đại học Quốc gia Hà Nội xin thông báo giải thể Nông trường IA Đại học Quốc gia Hà Nội như sau:		Nội dung	
1. Tên, địa chỉ doanh nghiệp tiến hành giải thể: Tên giao dịch: Nông trường IA Đại học Quốc gia Hà Nội Cơ quan chủ quản: Đại học Quốc gia Hà Nội Trụ sở chính: Thạch Hoà - Thạch Thất - Hà Tây Điện thoại: 034 686313; Fax: 034 686313		Số TT Địa chỉ phát hành	
2. Lý do giải thể: Giải thể Nông trường IA Đại học Quốc gia Hà Nội để triển khai quy hoạch và dự án đầu tư xây dựng Đại học Quốc gia Hà Nội đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 702/QĐ-TTg ngày 23 tháng 8 năm 2002 và Công văn số 181/CP-KG ngày 21 tháng 2 năm 2003.		Số TT Địa chỉ phát hành	
3. Ngày bắt đầu chấm dứt hoạt động sản xuất kinh doanh để tiến hành thủ tục giải thể Nông trường IA Đại học Quốc gia Hà Nội: Ngày 20 tháng 10 năm 2003 . Đại học Quốc gia Hà Nội xin thông báo để các cơ quan có liên quan biết và phối hợp thực hiện.		Số TT Địa chỉ phát hành	
Ngày 24/10/2003 Báo cáo chính  Giám đốc Vũ Đức Hoàng		K/T GIÁM ĐỐC ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI Phó Giám đốc  PGS. TS. Phạm Trọng Quát	
Nơi nhận: - Như trên - Bộ Tài chính (để báo cáo), - Lưu VP, TCCB.		Ghi chú	

Lưu trữ 5 bản
gửi các thành viên BTL

BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số 10885/TC-TCĐN

V/v: Phương án giải thể
nông trường 1A

Hà Nội, ngày 27 tháng 9 năm 2004

3/11/05
4/10/2004
MIA

Kính gửi: Đại học Quốc gia Hà Nội /

Trả lời công văn số 472/TCCB ngày 3/8/2004 của Đại học quốc gia Hà Nội về việc Thông qua phương án giải thể Nông trường 1A - thuộc Đại học quốc gia Hà nội, Bộ Tài chính có ý kiến như sau:

1. Đối với phương án xử lý các hợp đồng kinh tế.

- Trong phương án cần nêu rõ các hợp đồng kinh tế (2.457 HĐ) thực chất là các văn bản giao đất cho các cá nhân, tổ chức, hộ gia đình quản lý và sử dụng theo Nghị định số 01/CP ngày 1/1/1995 của Chính phủ quy định về việc giao khoán đất sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản trong các doanh nghiệp nhà nước.

- Hiện nay, nông trường 1A hiện đang quản lý khoảng 1.250 ha đất. Diện tích đất thu hồi để xây dựng đại học quốc gia Hà Nội khoảng 1.000 ha. Phần diện tích còn lại xử lý theo điều 4, Quyết định số 264/2003/QĐ-TTg về một số giải pháp xử lý quỹ đất không nằm trong qui hoạch sử dụng đất của nông, lâm trường qui định "Diện tích đất của các nông, lâm trường phải giải thể... thì Ủy ban nhân dân tỉnh thành phố quyết định thu hồi để quản lý sử dụng theo qui hoạch, kế hoạch sử dụng đất của địa phương".

Như vậy phương án xử lý những tài sản gắn với quyền sử dụng đất (ngoài diện tích đất được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt bàn giao cho Đại học quốc gia Hà Nội), đề nghị Đại học Quốc gia Hà Nội cân nhắc hai phương án:

+ Một là: Trình Chính phủ cho phép bán đấu giá tài sản cùng với quyền sử dụng đất, sau đó nộp tiền thu sử dụng đất cho UBND tỉnh Hà Tây. Các chủ thể mua tài sản gắn với đất thực hiện ký hợp đồng thuê hoặc giao đất theo qui định hiện hành.

+ Hai là: thanh lý những tài sản trên đất để trả lại đất cho địa phương.

(Với phương án thứ 2, giá trị thu hồi là không đáng kể. Do vậy có thể dẫn đến mất cân đối thu - chi và phải kiến nghị chuyển nông trường 1A từ giải thể sang phá sản).

Có như vậy mới có thể thực hiện đấu giá nhượng bán được tài sản trên đất và lập được phương án xử lý khả thi, đẩy nhanh việc giải thể Nông trường 1A để xây dựng Đại học quốc gia Hà Nội theo phê duyệt của Chính phủ.

2. Đối với phương án xử lý tài sản của doanh nghiệp.

- Trong phương án nêu thu về thanh lý, nhượng bán tài sản 5.305.128.550 đ theo giá trị còn lại trên sổ kế toán là không khả thi vì thực tế tài sản của nông trường không trích khấu hao hoặc trích khấu hao thấp hơn qui định, do vậy **giá trị còn lại theo sổ kế toán không phản ánh được thực trạng của tài sản**, giá trị thực tế còn thấp hơn nhiều.

- Khoản tiền phải thu của Phòng Cảnh sát kinh tế công an tỉnh Hà Tây (580.509.500đ) là khoản phải thu khó đòi vì đây là khoản tiền nộp cho cơ quan công an do những sai phạm của nông trường trong nghiệm thu và quyết toán chương trình trồng rừng giai đoạn 1996-2000. Đến nay chưa có kết luận xử lý. Đề nghị Đại học Quốc gia Hà Nội làm việc với cơ quan Công an để có ý kiến chính thức xử lý khoản tiền này.

- Khoản nợ Tổng cục Hậu cần 1.803.077.716đ có theo dõi trên sổ kế toán của nông trường đến 20/10/2003 nhưng không có chứng từ kế toán chứng minh nguồn gốc phát sinh công nợ. Đại học Quốc gia Hà Nội đã ký nhận khoản nợ này trong biên bản nhận bàn giao Nông trường 1A từ Bộ Quốc phòng chuyển sang (năm 1995). Do vậy đề nghị Đại Học Quốc gia Hà Nội làm việc với Tổng cục Hậu cần để cung cấp chứng từ phát sinh công nợ hoặc có văn bản xoá nợ chính thức.

- Nợ phải trả Tổng công ty chè: nợ gốc phát sinh từ năm 1988 đến năm 1991 là 78.938,23 Rúp chuyển nhượng (RCN), nợ lãi tính đến 20/10/2003 là 32.298 RCN. Hiện nay trên hệ thống ngân hàng không luân chuyển đồng Rúp chuyển nhượng, do vậy đề nghị thanh toán bằng VND theo giá trị ghi trên sổ kế toán của Nông trường 1A đến thời điểm ngừng hoạt động.

3. Về phương án xử lý lao động:

Đề nghị Đại học quốc gia Hà Nội làm rõ nội dung và căn cứ để tính 2 khoản hỗ trợ cho người lao động: 14,684 tỷ đồng và 8,660 tỷ đồng.

Do đây là đối tượng nông trường có thông báo giải thể trước khi nghị định 155/2004/NĐ-CP ngày 10/8/2004 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 41/2002/NĐ-CP của Chính phủ về chính sách đối với lao động dôi dư do sắp xếp lại doanh nghiệp nhà nước có hiệu lực nên đề nghị Đại học Quốc gia Hà Nội có công văn xin ý kiến Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội .

Trên đây là một số ý kiến của Bộ Tài chính, đề nghị Đại học quốc gia Hà Nội tổng hợp, hoàn chỉnh và phê duyệt phương án giải thể Nông trường 1A. *lưu*

Nơi nhận:

- Như trên,
- Bộ Kế hoạch & Đầu tư,
- Bộ Lao động Thương binh và Xã hội,
- Ban Thanh lý Nông trường 1A,
- Lưu: VP (2), Cục TCDN (3)

KT. BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH
Thủ trưởng



[Handwritten signature]
Lê Thị Băng Tâm

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

546

Số 542 /QĐ-TCCB

Hà Nội, ngày 16 tháng 3 năm 2005

QUYẾT ĐỊNH CỦA GIÁM ĐỐC ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
V/v: *Phê duyệt Phương án giải thể Nông trường 1A*

GIÁM ĐỐC ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

- Căn cứ Nghị định số 07/2001/NĐ-CP ngày 01 tháng 02 năm 2001 của Chính phủ về Đại học Quốc gia;
- Căn cứ Quy chế về Tổ chức và Hoạt động của Đại học Quốc gia ban hành theo Quyết định số 16/2001/QĐ-TTg ngày 12 tháng 02 năm 2001 của Thủ tướng Chính phủ;
- Căn cứ Công văn số 1363/CP-NN ngày 7/10/2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc giải thể Nông trường 1A ĐHQGHN;
- Căn cứ Thông báo giải thể Nông trường 1A ĐHQGHN số 880/TCCB ngày 10 tháng 10 năm 2003 của Giám đốc ĐHQGHN;
- Xét Tờ trình số 203/TT ngày 3 tháng 3 năm 2005 của Ban Thanh lý Nông trường 1A;
- Theo đề nghị của ông Trưởng ban Tổ chức Cán bộ,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phê duyệt Phương án giải thể Nông trường 1A kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Giao Ban Tổ chức Cán bộ làm đầu mối phối hợp với các Ban chức năng và các đơn vị có liên quan chỉ đạo Ban Thanh lý Nông trường 1A ĐHQGHN tổ chức thực hiện Phương án giải thể nói tại Điều 1.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Các ông Chánh văn phòng, Trưởng Ban Tổ chức Cán bộ, Trưởng Ban Kế hoạch - Tài chính, Trưởng Ban Thanh lý Nông trường 1A và Thủ trưởng đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

K/T GIÁM ĐỐC ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
PHÓ GIÁM ĐỐC *Chau*

Nơi nhận:

- Như Điều 3,
- Giám đốc, PGD P. T. Quát,
- Bộ Tài chính,
- Bộ Lao động Thương binh và Xã hội,
- Ủy ban Nhân dân Huyện Thạch Thất-Hà Tây,
- Ban Thanh lý Nông trường 1A,
- Lưu VP, TCCB.



P.C.S. TS. Phạm Trọng Quát

**PHƯƠNG ÁN GIẢI THỂ
NÔNG TRƯỜNG 1A ĐHQGHN**

(Kèm theo Quyết định số 512/QĐ/TCCB ngày 16 tháng 3 năm 2005
của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội)

Căn cứ ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Công văn số 1363/CP-NN ngày 7/10/2003 về việc đồng ý ĐHQGHN tiến hành thủ tục giải thể Nông trường 1A; căn cứ Tờ trình số 203/TT ngày 3/3/2005 của Ban Thanh lý Nông trường 1A kèm theo Phương án giải thể Nông trường 1A, Đại học Quốc gia Hà Nội phê duyệt Phương án giải thể Nông trường 1A với các nội dung sau:

I. PHƯƠNG ÁN XỬ LÝ CÁC HỢP ĐỒNG KINH TẾ

1. Tại thời điểm thông báo giải thể Nông trường 1A ĐHQGHN, tổng số các Hợp đồng kinh tế (HĐKT) Nông trường 1A đang thực hiện là: 2.458 hợp đồng.

Trong đó:

- Các HĐKT phải thanh lý ngay: 01
- Các HĐKT có thể tiếp tục trong thời hạn tiến hành giải thể DN: 2.457

2. Phương án xử lý các HĐKT:

Do chưa có sự thống nhất trong quản lý kinh doanh, 2.457 HĐKT của Nông trường 1A chưa được hoàn thiện thủ tục theo đúng văn bản quy định hiện hành của Nhà nước. Các HĐKT mang nhiều tên gọi khác nhau như: HĐ liên kết kinh tế, Sổ khoán, Biên bản giao đất giao vườn, Danh sách các hộ nhận khoán.... thực chất là các văn bản giao đất cho các cá nhân, tổ chức và hộ gia đình quản lý và sử dụng theo Nghị định số 01/CP ngày 04/02/1995 của Chính phủ quy định về việc giao khoán đất sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản trong các doanh nghiệp Nhà nước. Các HĐKT này sẽ được xử lý theo hướng:

- Đối với các HĐKT nằm trong quy hoạch xây dựng ĐHQGHN đã có quyết định thu hồi đất của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, việc thanh lý gắn liền với tiến trình kiểm đếm, đền bù GPMB của Dự án xây dựng ĐHQGHN. Dự kiến đến hết tháng 3/2005 sẽ hoàn thành việc thanh lý các HĐKT. Giá trị của HĐKT sẽ được Hội đồng đền bù GPMB huyện Thạch Thất đánh giá và chi trả.

- Đối với các HDKT nằm ngoài quy hoạch xây dựng ĐHQGHN, việc thanh lý hợp đồng tiến hành đồng thời với việc bàn giao công tác quản lý đất đai cho một tổ chức khác theo quy định của pháp luật. Tổ chức đó có trách nhiệm thanh toán giá trị của HDKT theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Số tiền thu được sau khi thanh lý xong các HDKT dùng để chi trả: phần đầu tư hợp pháp của người nhận khoán và của Nông trường 1A. Ban thanh lý Nông trường 1A căn cứ vào danh sách chủ nợ có đến thời điểm 20/10/2003 để chi trả. Nguồn chi trả nợ lấy một phần từ nguồn thu của Nông trường 1A qua thanh lý các HDKT.

II. PHƯƠNG ÁN XỬ LÝ TÀI SẢN

1. Đối với tài sản hiện vật

a) Kiểm kê, phân loại tài sản hiện có thuộc sở hữu của Nông trường 1A.

Tài sản của Nông trường 1A nằm chủ yếu trong vùng quy hoạch của Nhà nước nên việc đánh giá giá trị thị trường của tài sản không thực hiện được. Ban Thanh lý Nông trường 1A dựa vào giá trị còn lại của tài sản theo sổ sách đến thời điểm 20/10/2003 để xác định nguồn thu từ tài sản thanh lý của doanh nghiệp (có bảng chi tiết kèm theo).

b) Phương án thanh lý, nhượng bán tài sản:

+ Đối với các tài sản của Nông trường 1A nằm trong quy hoạch của ĐHQGHN và tài sản là cây rừng sẽ được thanh lý thông qua việc đền bù GPMB của Dự án xây dựng ĐHQGHN. Ban QLCSA xây dựng tại Hoà Lạc của ĐHQGHN sẽ thanh toán (thông qua Hội đồng GPMB Huyện Thạch Thất) và tiếp nhận các tài sản của Nông trường 1A.

+ Đối với các tài sản gắn với quyền sử dụng đất (trừ các tài sản nằm trong quy hoạch và được dùng làm vật đảm bảo, thế chấp), ĐHQGHN trình Thủ tướng Chính phủ cho phép bán đấu giá tài sản gắn với quyền sử dụng đất theo quy định hiện hành. Các chủ thể mua tài sản gắn với quyền sử dụng đất thực hiện ký hợp đồng thuê hoặc giao đất theo quy định hiện hành của Nhà nước.

+ Đối với các tài sản được dùng làm vật đảm bảo, thế chấp nằm ngoài quy hoạch của ĐHQGHN, ĐHQGHN trình Thủ tướng Chính phủ cho phép bán đấu giá tài sản gắn với quyền sử dụng đất theo quy định hiện hành của Nhà nước và ưu tiên các chủ nợ có bảo đảm.

+ Đối với các tài sản là vật dụng, trang thiết bị của Nông trường bộ như: bàn ghế, tủ tài liệu, ấm chén, quạt điện ... thuộc quyền sở hữu của Nông trường 1A, Ban Thanh lý tiến hành thanh lý theo quy định.

2. Đối với các khoản nợ phải thu:

+ Tổng số nợ phải thu: 2.933.861.759 đ Trong đó:

- Nợ có tài sản đảm bảo: 0
- Nợ có khả năng thu hồi: 2.642.151.068 đ
- Nợ không có khả năng thu hồi: 291.710.691 đ

(Có bảng chi tiết kèm theo)

+ Biện pháp thu hồi nợ, thời gian dự kiến cho việc thu hồi nợ:

Dựa vào danh sách và địa chỉ khách nợ, Ban Thanh lý Nông trường 1A tích cực thu hồi công nợ thông qua công tác đôn bù GPMB của Dự án xây dựng DHQGHN. Tiến độ thu nợ phụ thuộc vào tiến độ GPMB của dự án này. Các khách nợ hiện đang cư trú trên địa bàn Huyện Thạch Thất, Ban Thanh lý Nông trường 1A đề nghị chính quyền địa phương giúp đỡ để thu nợ một cách triệt để.

Các khách nợ đã dời đi cư trú ở nơi khác, không xác định rõ địa chỉ được coi là nợ không có khả năng thu hồi.

III/ PHƯƠNG ÁN TÀI CHÍNH

1. Số tiền dự kiến thu được từ việc giải thể Nông trường 1A là: 22.142.603.866đ. Bao gồm:

- a) Tiền mặt, tiền gửi: 508.773.557 đ
- b) Tiền thu được do nhượng bán thanh lý tài sản bao gồm cả tài sản thế chấp: 18.699.968.550 đ
- c) Số tiền thu hồi từ các khoản nợ phải thu : 2.933.861.759 đ

(Có bảng chi tiết kèm theo).

2. Số tiền dự kiến chi cho việc giải thể Nông trường 1A: 12.681.464.916 đ; bao gồm:

- a) Chi phí cho giải thể: 985.735.000đ
- b) Chi thanh toán cho người lao động: 9.830.194.403đ
- c) Chi các khoản phải trả của Nông trường 1A: 1.865.535.513đ

(Có bảng chi tiết kèm theo).

3. Chênh lệch thu - chi: 9.461.138.950 đ

IV. PHƯƠNG ÁN XỬ LÝ LAO ĐỘNG

1. Danh sách lao động thường xuyên của Nông trường 1A tại thời điểm dừng sản xuất, kinh doanh để giải thể (20/10/2003) gồm: 609 người (có danh sách kèm theo).

2. Phương án bố trí việc làm cho người lao động của Nông trường 1A sau giải thể:

- + Lao động chuyển công tác sang cơ quan, đơn vị khác: 12 người
- + Lao động nghỉ việc theo chế độ nghỉ hưu trước tuổi: 6 người
- + Lao động nghỉ việc theo chế độ trợ cấp mất việc: 553 người

3. Danh sách lao động Nông trường 1A phải chi trả trợ cấp thôi việc, mất việc theo Nghị định 41 là 559 người (có danh sách kèm theo).

4. Số tiền trợ cấp thôi việc, mất việc Nông trường 1A phải trả cho người lao động theo quy định hiện hành của Nhà nước là: 17.683.809.840 đ.

Trong đó:

- Trợ cấp nghỉ hưu trước tuổi: 189.026.640 đ.

- Trợ cấp thôi việc, mất việc làm: 17.494.783.200 đ.

5. Số tiền trợ cấp thôi việc, mất việc Nông trường phải trả cho từng người lao động theo quy định hiện hành của Nhà nước (có danh sách kèm theo).

V. BAN THANH LÝ NÔNG TRƯỜNG 1A THỰC HIỆN PHƯƠNG ÁN GIẢI THỂ (TỪ THÁNG 3 ĐẾN HẾT THÁNG 6/2005) GỒM CÁC NỘI DUNG SAU:

1. Mời chuyên gia định giá tài sản hiện vật (giá trị tài sản và giá trị quyền sử dụng đất đối với các tài sản có gắn quyền sử dụng đất), thực hiện việc bán thanh lý tài sản hoặc bàn giao các tài sản cho địa phương quản lý theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

2. Thanh lý các HKDT và thu hồi các khoản nợ phải thu và thanh toán các khoản phải trả cho các chủ nợ.

3. Thực hiện việc chi trả trợ cấp thôi việc, mất việc theo Nghị định 41/2002/NĐ-CP ngày 11/4/2002 của Chính phủ cho từng người lao động của Nông trường 1A.

4. Lập báo cáo về giải thể Nông trường 1A gửi ĐHQGHN và các bộ ngành có liên quan xem xét. Giám đốc ĐHQGHN quyết định giải thể Nông trường 1A.

5. Tập hợp hồ sơ giải thể, sổ sách kế toán, bàn giao cho ĐHQGHN quản lý theo quy định.

VI. PHƯƠNG HƯỚNG GIẢI QUYẾT CÁC KIẾN NGHỊ CỦA BAN THANH LÝ NÔNG TRƯỜNG 1A

Đại học Quốc gia Hà Nội sẽ xem giải quyết hoặc kiến nghị các cấp có thẩm quyền xem xét giải quyết một số vấn đề sau theo đề nghị của Ban Thanh lý Nông trường 1A:

1. Xem xét vấn đề tái định cư của cán bộ, hỗ trợ mở các lớp đào tạo nghề, chuyển đổi nghề cho lao động dôi dư của Nông trường 1A sau giải thể.

2. Xem xét để tổ chức một số đơn vị dịch vụ phục vụ trực tiếp quá trình xây dựng ĐHQGHN tại Hoà Lạc, tạo công ăn việc làm cho lao động mất việc của Nông trường 1A sau khi giải thể.

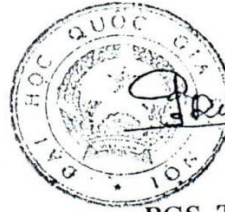
4. Xem xét trả lương chờ việc cho những lao động không bố trí được việc làm trong thời gian từ khi dừng sản xuất kinh doanh (20/10/2003) theo đúng quy định của Nhà nước.

5. Xem xét chuyển giao công tác quản lý một số tài sản của Nông trường 1A như: đường điện, đường giao thông, công trình thủy lợi, trường học, bệnh xá... nằm ngoài quy hoạch cho địa phương theo quy định hiện hành của Nhà nước.

K/T GIÁM ĐỐC ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
PHÓ GIÁM ĐỐC *Châu*

Nơi nhận:

- Giám đốc ĐHQGHN
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư
- Bộ Tài chính (Cục Tài chính DN)
- Bộ Lao động Thương binh và Xã hội
- Các Ban: TCCB, KH-TC
- Ban Thanh lý Nông trường 1A
- Lưu VP, TCCB



PGS. TS. Phạm Trọng Quát

Ghi chú: Kèm theo phương án này có các tài liệu sau đây:

- Giải trình Phương án giải thể Nông trường 1A.
- Biên bản kiểm kê tài sản của Nông trường 1A.
- Bảng kê các khoản công nợ phải thu
- Bảng kê các khoản công nợ phải trả.
- Danh sách người lao động của Nông trường 1A có đến thời điểm 20/10/2003.
- Số tiền chi trả trợ cấp thôi việc, mất việc cho người lao động khi Nông trường 1A giải thể.
- Danh sách lao động Doanh nghiệp phải chi trả trợ cấp thôi việc, mất việc theo Nghị định 41.